

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ-BIỆN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CÔ

Giám-đốc, Chủ-bút: Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn: 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài-gon — Đ.T. 25.861

Ty quản-lý: 531, Đại-lộ Trần-hưng-Đạo — Saigon



NĂM THỨ VI ★ số 97 ★ 15 - 2 - 63

1.— Cảm tình của Bạn đọc ở Hải-ngoại và ở trong nước đối với Phổ-Thông tạp chí Nguyễn-Vỹ	6 — 9
2.— Năng lượng nguyên tử Hoàng xuân Hãn	10 — 14
3.— Một món ăn Tết B. s. Ngô quang Lý	15 — 20
4.— Nỗi niềm Chiêm nữ (thơ) Đặng thị Minh	21
5.— Bước tiến nhảy vọt của Y-học trong vòng một phần tư thế-kỷ nay B. s. Thiện-Ý	22 — 27
6.— Cái tết vô-duyên của Vũ-trọng-Phụng Tề-Xuyên	28 — 34
7.— Số mệnh thi-nhân (thơ) H.L. Hoài viễn Phương	35
8.— Điềm uẩn (thơ) Phạm Minh Châu	36
9.— Bữa cơm chiều 30 Tết (truyện ngắn) Thu Nhi	37 — 42
10.— Vấn đề Lữ Gia Nguyễn đức Cung Trần vĩnh Anh	43 — 47
11.— Người vũ trụ viết bài thơ không gian Thiếu Sơn	48 — 52

12.— Nhật Bản với hoa Anh đào Nông Bằng Giang	53 — 59
13.— Bức thư Paris : ăn Tết ở Paris Nguyễn văn Côn	60 — 63
14.— Mỗi xuân, một chút xuân (thơ) Nguyễn Vỹ	64
15.— Hồ sơ văn hóa : sự mạng của nhà trí thức Tam Ích	65 — 68
16.— Quan niệm về Thơ Nguyễn-Vỹ	69 — 74
17.— Tết Chiêm thành Paricham	75 — 78
18.— Phiêu lãng (thơ) Lương trọng Minh	79
19.— Xem tranh của Lương văn Tỷ Châu Giang	80 — 83
20.— Phương này (thơ) Thanh Nhung	84
21.— Tuấn, chàng trai nước Việt Nguyễn-Vỹ	85 — 90
22.— Bên lò sưởi Hồng Anh	91 — 94
23.— Minh ơi ! Diệu Huyền	95 — 102
24.— Phê bình sách mới Nguyễn-Vỹ	103 — 108
25.— Thơ lên ruột Tú Be	109
26.— Sách báo mới P.T.	110 — 113
27.— Lợi ngược Nguyễn Vỹ	114 — 117
28.— Thư bạn đọc P.T.	118 — 120
29.— Đáp bạn bốn phương Diệu Huyền	121 — 122
30.— Phụ trương ngoại ngữ P.T.	123 — 148



- ★ Bài lai cáo không đáng, không trả lại.
- ★ Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- ★ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHỔ-THÔNG, printed in Việt-Nam.

Tổng-Phát-hành PHỔ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
 ● Notre Représentant général pour l'Europe et l'Afrique
 ● Our General Agent in Europa & Africa:
LONG HIỆP
 13, Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS V
 (vente — abonnements — Publicité)

CẢM TÌNH CỦA
BẠN ĐỌC
HẢI NGOẠI
VÀ Ở TRONG
NƯỚC

Từ ba năm nay tạp chí *Phò-Thông* đã có một số bạn đọc mua năm ở Hải-ngoại, phần đông là nam nữ sinh viên các trường Đại-học Pháp, Anh, Bỉ, Đức, Ý, Nhật, Đài-loan, Philippines, Indonésia, Australia, Canada, Mỹ. Một số trí-thức, thương mại, ao-động Việt-nam cư ngụ ở các nước ấy cũng là bạn đọc trung thành của *Phò-Thông tạp chí*. Ngoài ra, còn khá đông độc giả người ngoại quốc, nhất là các bạn Pháp, Mỹ, Nhật, Anh, Hoa, thông thạo tiếng Việt, cũng đọc thường xuyên *Phò-Thông tạp chí*.

Cho nên chúng tôi không ngạc nhiên mỗi khi thấy số báo *Phò-Thông* lưu hành ở Hải-ngoại mỗi năm mỗi tăng.

Hôm 28 tháng chạp, một bức thư của anh Nguyễn

ĐỐI VỚI TẠP-CHÍ PHÒ-THÔNG

văn Cồn gửi về tòa báo khiến cho chúng tôi cảm động vô cùng. Anh cho biết anh có đến thăm hãng Lo: g Hiệp, nhà phát hành *Phò-Thông* ở Paris, thấy « có nhiều người đã đặt tiền trước để mua *Phò-Thông* số Xuân ». và « số báo ấy gửi sang Paris không đủ bán, cần gọi thêm gấp ». Nhưng rất tiếc ở Việt-nam số Xuân cũng đã hết ngay từ hôm 25 Tết.

Chúng tôi rất cảm-động thấy kiều-bào Việt-nam ở Hải-ngoại yêu mến *Phò-Thông* đến thế.

Từ hôm Tết đến nay, chúng tôi đã nhận được rất nhiều thư của các bạn ở các nơi Hải-ngoại, gửi về tỏ cảm-tình nồng-nhiệt đối với tạp-chí. Cả với tập thơ *Hoang-Vu* mà các bạn đã gửi mua một cách rất phiền-phức, khó-khăn, vì vấn-đề bưu-phiếu quốc-tế, các bạn cũng đã dành cho nhiều cảm-mến nồng-nàn. Thơ *Hoang-Vu*, chúng tôi chỉ gửi phát hành ở Pháp và Âu-châu, còn các nơi khác không thể nào gửi được vì cước phí máy bay quá đắt, thế mà các bạn ở Manille, Tokyo, Bangkok, HongKong, Mỹ, cũng đã tìm cách mua được, như *Phò-Thông*, thật là một điều kích thích cho chúng tôi vô cùng.

Các bạn đọc người ngoại-quốc cũng tỏ ý hoan nghênh Phụ-trương Anh-Pháp-Hoa văn trong *Phồ-Thông* số Xuân và yêu cầu chúng tôi tiếp tục cho ra phụ trương ấy mỗi kỳ. Nhiều bạn còn mong muốn chúng tôi cho xuất bản riêng mỗi tháng 2 quyển *Phồ-Thông* đặc-biệt bằng ngoại-ngữ chuyên nói về văn-hóa Việt-nam. Nhưng điều này, chúng tôi không dám hứa hẹn trong lúc này vì cần nhiều điều kiện kỹ-thuật và tài-chánh hơi khó khăn. Có lẽ nếu hoàn cảnh thuận tiện, chúng tôi sẽ cố gắng thực hiện mỗi tháng một số *Phồ-Thông* đặc biệt ngoại ngữ trong vài năm sau chẳng ?

Hôm nay, nhân dịp số Tân-niên, toàn thể bộ Biên-tập tạp-chí *Phồ-Thông* ở quốc-nội và quốc-ngoại xin có chút chân tình nồng-hậu cảm ơn tất cả các bạn đọc đã gửi nhiều thư về khuyến khích chúng tôi.

Dù ở Paris, Bruxelles, London, Bone, hay ở Tokyo, Manille, Bangkok, New York, ở đâu có *Phồ-Thông tạp-chí* là có một chút sắc hương của Văn-hóa Việt-Nam ngào-ngạt xinh tươi ở đấy. Chúng tôi sẽ cố gắng mãi đeo đuổi lý tưởng làm cho rạng rỡ Tổ-quốc Việt-nam, Dân-tộc Việt-nam và Văn hóa Việt-Nam trên diễn-đàn quốc-tế.

Đối với các bạn trong nước, chúng tôi cũng xin chân thành cảm tạ thành tình của quý bạn đã trung-kiên ủng-hộ chúng tôi.

Mỗi bức thư và mỗi thiệp chúc Tết gửi về Tòa-soạn, xa từ Đồng-Hà, Bến-Hải, đến Châu-Đốc, An-Giang, gần như ở Sài-gòn Chợ-lớn, là một an-ủi vô-cùng lớn-lao cho toàn thể chúng tôi. Chúng tôi xin chân-thành cảm tạ tất cả quý bạn.

Một số bạn đọc lại nhờ Tòa-soạn chuyển lời cảm phục và thân-mến sang các bạn Biên-tập ở Hải-ngoại, quý bạn Hoàng-xuân-Hân, Nguyễn-văn-Cồn, Võ-quang-Yến, Minh-Đức, ở Paris, Nông-Bằng-Giang, ở Tokyo, Phùng-Lê-Ánh, Minh-Châu ở Manille, v.v...

Bức thư của cô sinh viên Minh-Nguyệt, đăng trong số Xuân, chỉ là một trong những biểu-lộ cảm tình nồng-nhiệt, và tin-tưởng ấy.

Chúng tôi không biết nói gì hơn là xin gửi những lời cảm tạ chân-thành đến với quý bạn đã tỏ lòng lưu-luyến chúng tôi trong dịp Xuân.

Toàn thể ban Biên-tập ở trong nước
và ở Hải-ngoại, thân-ái chào quý bạn



NĂNG LƯỢNG



(Tiếp theo P.T 96)

6. 4. Động-tác của lò nguyên-tử

Lò nguyên tử khi mới tạo thành có kích thước lớn hơn kích thước lâm giới để có nhiên-liệu giữ trữ trong lò. Vậy lúc ban đầu, một vài thanh khống-chế, phải xâu vào trong lò để ngăn lò bén sớm. Rồi, người quản lò rút dần-dần thanh khống-chế, cho đến lúc những nhiệt kế báo tin rằng nhiệt đã phát-sinh trong lò. Lò đã bén. Quản lò lại rút thêm thanh khống-chế, nhiệt tăng dần-dần và muốn chừng tăng rất chóng, nhưng nhiên-liệu U-ran có tính

NGUYÊN TỬ

★ Hoàng-Xuân-Hân
(Paris)

bớt phá-nhân khi nhiệt tăng lên, cho nên số hòa-nhân-tử lại tự-nhiên giảm. Nhờ vậy mà lò không phát cuồng, tuy rằng nhiệt độ trong lò đã tăng. Bấy giờ người ta cho máy bơm lạnh-liệu chảy quanh. Lạnh-liệu thu lấy nhiệt trong lò mà thành nóng. Khi vào lạnh, khi ra nóng, thế là nó đã tổng dần nhiệt khỏi lò, khiến cho nhiệt-độ trong lò không lên quá mức. Ống lạnh-liệu xuyên qua nồi nước, truyền nhiệt của mình sang cho nước, làm nước nóng sôi, mà lạnh-liệu lại thành lạnh trước lúc trở lại vào lò. Trong những lò nguyên-tử to ở Anh

NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ

và Pháp hiện nay, lạnh-liệu là thán-khí (CO₂) với áp lực cao từ 15 đến 25 ki-lô-gờ-ram trên mỗi phân vuông. Thán-khí có tính ít hút hòa-nhân-tử mà lại hút nhiệt nhiều. Ở Nga, thì trong những lò tương tự như trên cũng có dùng nước thường làm lạnh-liệu. Nước hút nhiệt nhiều, nhưng cũng hút hòa-nhân-tử nhiều, và đối với than lại có điều bất tiện khác.

Chung quanh lò có các thứ máy đếm những hòa-nhân-tử và tia Gam-ma thoát ra ngoài tường bảo-vệ. Nếu lượng vượt quá định-phân và có thể làm nguy hiểm cho chung quanh, thì phải bớt năng-lượng trong lò: viên quản lò cho hạ những thanh khống-chế một ít. Nhưng cũng có khi, vì một cơ gì, nhiệt tăng lên chóng, hoặc vì rút thanh khống-chế quá chóng, hoặc lỗ tổng nhiệt bị nghẽn, hoặc máy bơm lạnh-liệu bị ngừng, thì viên quản lò chỉ có cách cấp-cứu là đâm tắt cả các thanh khống-chế vào lò: hòa nhân-tử thôi sinh, và lò nguội dần-dần đến tắt. Phải đợi ít lâu rồi mới rút thanh khống-chế để lò bén lại.

Còn như nhiệt tổng ra ngoài

thì tùy sở-thích mình dùng. Nếu đủ thì dùng đun sôi nước lấy hơi để cho chạy tua-bin mà làm điện. Nếu không đủ nhiệt, thì có thể dùng nó để sưởi. Đến như những lò nguyên-tử nhỏ dùng để thí-nghiệm, thì nhiều khi chỉ buông nhiệt ra ngoài trời mà thôi.

Ta giả-thử lò bén, rồi động-tác trong ít tuần. Bấy giờ, nhiên-liệu đã bắt đầu đổi khác vì sự hấp-thu hòa-nhân-tử và sự phá-nhân. Sự thay đổi quan-trọng là mọi vật trong lò đã thành phóng xạ. Ví như then U-ran lúc ban đầu ta có thể sờ mó mà không bị hại gì, bấy giờ đã trở thành một nguồn bắn ra các tia sát hại. Sự thay đổi thứ hai quan-trọng là đã có phần U-ran 235 bị phá, thì ta có thể nghĩ rằng nhiên-liệu tất-nhiên phải kém phẩm đi. Nhưng ta chớ quên rằng trong khi ấy U-ran 238 cũng đã ăn hòa-nhân-tử và đã biến thành Po-lu-ton 239 là một chất có thể bị phá-nhân như U-ran 235. Mất U-ran 235 mà được Po-lu-ton 239 thay thế một phần nào. Chung qui sau một thời gian chừng trong ngoài một năm, dẫu rằng các thanh khống-chế đều rút ra ngoài, mà lò cũng

tự tắt, vì số nhân bị phá trong mỗi giây không sinh đủ hòa-nhân-tử để duy-trì phản-ứng chuyển nữa. Lúc bấy giờ, phải thay một phần nhiên-liệu « cháy dở » bằng nhiên-liệu mới, thì lò mới bén lại.

Bây giờ ta hãy xét về lượng-nhiệt thoát từ lò nguyên-tử ra. Muốn tính nhiệt lượng, người ta thường dùng đơn-vị gọi là *uát-giờ* hoặc đơn-vị nghìn lần lớn hơn là *ki-lô-uát-giờ*, nghĩa là nhiệt phát ra bởi mười ngọn đèn 100 nến đỏ trong một giờ, hoặc nhiệt có thể đun sôi chừng mười lít nước lã. Nếu ta hoàn-toàn phá nhân một *gờ-ram* U-ran 235 (chừng 5 phần trăm phân khối), thì nhiệt phát ra là 23 nghìn *ki-lô-uát-giờ*, có thể đun sôi 23 vạn lít nước. Muốn đạt mục đích ấy với dầu hỏa thì phải *hai tấn dầu*, và với than đá thì phải *ba tấn than*. Thật ra thì vì nhiều lý-do lý-học và kỹ-thuật, người ta chưa thể phá nhân hết thấy những nguyên tử U-ran-235 trong nhiên-liệu. Trong những lò « chậm », chỉ non nửa nhiệt-lượng nói trên lấy được mà thôi : nghĩa là với một *gờ-ram* U-ran 235 lần trong U-ran thiên-nhiên đốt trong lò dùng than chì giảm-tốc, người ta rút được chừng một vạn *ki-*

lô-uát-giờ mà thôi ; nhưng thế cũng đã to bằng hàng triệu lần đối với dầu và than rồi.

Xem vậy, ta có thể tưởng rằng điện làm ra với nhiệt của lò nguyên tử chắc rẻ hơn điện làm với lò than, dầu hay là với đập nước. Hiện nay sự ấy không đúng. Nhưng đối với những nước kỹ-nghệ cao mà thiếu than thiếu dầu, thiếu nước sông, ví dụ nước Anh, nước Nhật, thì lò nguyên tử đã là một giải pháp nên dùng. Còn như các nước giàu than, giàu dầu, giàu nước, như Mỹ và Pháp, Đức, Nga, thì giải pháp ấy chưa cấp tốc, cho nên họ đợi hay đang thí-nghiệm những lò nguyên-tử khác có lẽ hay hơn.

Còn như những nước sơ-tiến như nước ta, thì kỹ-nghệ, kỹ-thuật chưa đủ, mà nguyên-liệu như than, nước còn rất nhiều. Lò nguyên-tử chỉ mới là vấn-đề thí-nghiệm lý-học, hoặc tốt hơn nữa là vấn-đề làm những chất đồng-vị phóng-xạ để dùng chữa bệnh ung-thư hoặc để ứng-dụng về canh-nông. Lò nguyên-tử dùng vào các việc này là những lò thí-nghiệm. Lò này dùng nước ja vừa làm giảm-tốc liệu, vừa làm lạnh-liệu, vừa làm phản-xạ,

ại vừa làm bảo-vệ. Vì nước giảm-tốc rất chóng, cho nên không cần nhiều : lò chỉ là một bể nước nhỏ. Nhưng nước ăn không hòa-nhân-tử khá mạnh, cho nên với U-ran thiên-nhiên, lò không thể nào bén nổi. Người ta chế thêm phần U-ran 235, tỉ-lệ sẽ tăng từ con số thiên-nhiên 7 phần 1000 đến vài phần 100 hoặc vài chục phần 100. Nhiệt phát ra ít, không thể dùng được, cho nên cũng không cần ống dẫn lạnh-liệu. Nước gần nhiên-liệu bị nóng, tự-nhiên chảy ngược lên, rồi nước nguội chỗ khác chảy lại bù vào. Nước nóng gặp không-khí lạnh ở trên sẽ nguội dần rồi trở xuống. U-ran chứa nhiều chất phá-nhân hơn thường có tên *U-ran nóng-hóa*. Những then hoặc tấm nhiên-liệu ấy mang áo thép không gỉ, không sợ rách : cho nên cũng không cần phần tìm áo rách. Nếu có những chất phóng xạ bị nước kéo theo, thì chỉ cần một lớp nước dày ba bốn mét trên nhiên-liệu là đủ khử-độc. Ngoài ra, phần không-chế rất cần.

Lò thí-nghiệm là một nguồn hòa-nhân-tử, dùng để thí-nghiệm, để làm đồng-vị phóng-xạ. Tuy nhỏ, nhưng nó cũng đủ mở cho sinh-viên và khảo-gia một cửa sổ để trông ra lãnh-vực khoa-học nguyên-tử.

★

Trên đây tôi sơ-lược vấn-đề năng-lượng và lò nguyên-tử. Trong khi giải-thích, tôi chỉ cốt tìm theo lý-luận đại-cương mà thôi. Tôi đã tránh những chi-tiết chính-xác như rườm-rà. Những nhà chuyên-môn về nguyên-tử-học và nhân-học chắc đã thấy những chỗ thiếu sót hoặc đơn-sơ.

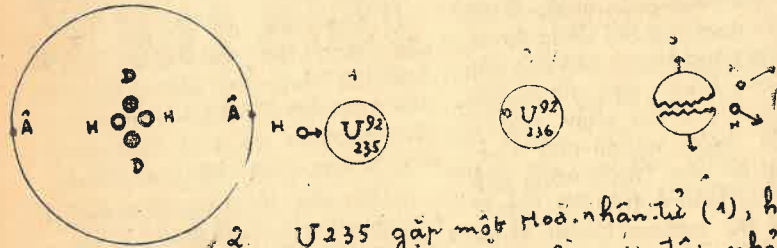
(Trong cuộc nói chuyện với các sinh-viên ở PARIS, có đoạn kết-luận tuy không trực-tiếp quan-hệ đến vấn-đề nguyên tử, nhưng tôi cũng sẽ đem vào đây, tưởng cũng không vô ích :))

« Đến đây tôi xin chấm dứt câu chuyện mà tôi đã muốn ngắn, nhưng đã trót kéo dài. Tôi xin cảm ơn các bạn đã chăm-chú nghe, tuy rằng những danh-từ mới và sự kém tài miệng lưỡi của tôi đã không khỏi có lúc làm chán tai các bạn. Những danh-từ ấy đâu lạ sau quen. Các bạn đừng có ngại. Hướng chỉ giải-biện mọi ngành bằng tiếng mẹ là một vấn-đề then-chốt đối với các bạn ; trong lúc tùng-học ở đây, các bạn nên luôn-luôn nghĩ tới. Chắc các bạn không chóng thì chầy cũng sẽ đem sự học của mình thi-thổ trên đất nước chúng ta, cộng-tác với nhân-dân trong nước và những đồng-bào du-học ở các nước khác về Ngôn-ngữ chung, nào có thể khác tiếng mẹ được. Dầu vấn-đề khó đến đâu, nếu cố-gắng, chúng ta

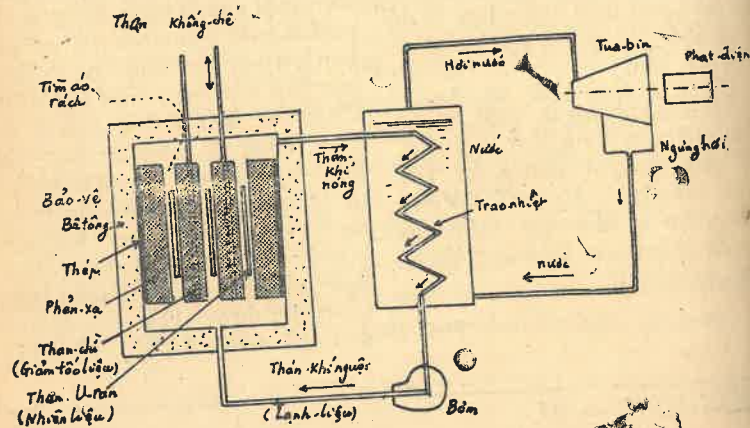
cũng giải-quyết được. Cốt thiết là phải tin-tưởng vào tương-lai, vận-mệnh nước mình, dân mình, tiếng mình. Hướng chi nước ta nay đang lâm vào cảnh chính-trị khó-khăn, giống như hồi Nguyễn Trãi phân-tranh gần 200 năm trước. Hồi ấy, chúa Nguyễn có lúc muốn bày ra óc địa-phương đề tăng lòng tự-chủ, nên bắt người Đàng Trong đổi cách ăn

mặc và hình như đời cả cách xưng-hô. Ngày nay, với sự phân-tách chính trị, càng lâu thì từ-ngữ, nhất về chuyên môn, biến chuyển càng khác. Vậy chúng ta không những phải nghĩ đến danh từ chuyên-môn trong tiếng Việt, mà còn nên chú-trọng đến điều duy-trì thống nhất từ-ngữ chuyên môn.

● HOÀNG-XUÂN-HÂN
(Paris)



2. Nguyên tử Heli thành U₂₃₆ (2) rồi nứt đôi, nhả ra hình phân hạt: 2 lượng hoả-nhân-tử (3)
 Phân hạt: 2 lượng hoả
 Phân vỏ: 2 âm
 Khối-số: 4
 Nguyên-tử-số: 2



3. Lược đồ một trung-tâm phát điện với lò nguyên tử



MỘT
MÓN
ĂN
TẾT
BÁNH CHƯNG

NGƯỜI đời sinh ra trên mặt đất đã bao lâu, tạ ờ cho các nhà khảo cổ bàn luận. Nhưng theo thuyết đông-phương từ cái « hờn mang chi sơ » phân ra trời đất. Có trời đất, rồi có âm dương. Âm dương tương hợp, tương điều hòa rồi nảy ra sự sống. Có sống thì có sinh. Cây cỏ, sinh vật, rồi đến giống người, sinh sau, đẻ muộn: « Nhân sinh ư dãn » có đúng hay không? Chỉ biết:

« Có âm dương, có vợ chồng, Dẫu rằng trời đất cũng vòng phu thê ».

Nhìn vòm trời mênh mông, trông trái đất thênh thang dài dằng-dằng, người ta tượng trưng bằng hai thứ bánh trong các

Trong ngày xuân vui tươi đẹp đẽ, mà chúng tôi chúc quý vị « Một năm đầy Hạnh Phúc » không lẽ lại đem câu chuyện bệnh hoạn nêu trên mặt báo, không những mất thú vị ngày xuân, mà nói cho chí-tình, không ai thèm đọc.

Tân Y-Học có một ngành mới: ngành Bình Dưỡng mà trong đó khoa tiết-thực rất cần thiết cho cả người đau lẫn người mạnh. Người ta khảo cứu về các thực phẩm, về mọi món ăn, cách ăn uống.

Riêng tôi, xin hiến quý vị, một câu chuyện vui ngày Tết, món bánh chưng.

★ B.2. Ngô - quang - lý

cuộc nhân duyên : bánh dày và bánh chưng.

Người ta ước cuộc nhân duyên của con người cũng bền như duyên trời đất, người ta mượn tích trâu cau để duyên kia thăm lại, dùng « *xanh như lá, bạc như vôi* », nên trong các « *lễ hỏi* » người ta đem chia cho họ hàng bà con quen thuộc, cặp bánh dày, bánh chưng, kèm theo bốn quả cau, bốn lá trầu không, là vậy.

Nếu cái bánh chưng tượng trưng cho mặt đất, nó cũng phải có bốn phương tám hướng với mọi khía cạnh của địa cầu, cho nên « *bánh chưng phải ra góc* », phải vuông vắn và phải có góc cạnh phân minh.

Rồi Tết đến, thử hỏi ở Việt-Nam, nhà nào chẳng có bánh chưng.

« *Nêu cao, pháo nổ, bánh chưng xanh, Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ* ».

Cái bánh chưng xanh lại gồm bao ý nghĩa. Nó đã tượng trưng cho mặt đất, thì mặt đất ngày xuân, lộc nảy khắp sơn hà, một màu xanh, ngọn cỏ, lá cây như khoác cho trái đất một chiếc áo xanh, màu tượng trưng cho sự an cư và lạc nghiệp. Cho nên cái

bánh ấy, sau khi nấu chín cũng được phủ ngoài một lớp áo xanh mà khi gói nó, những hạt gạo trắng tinh cũng được nhuộm màu xanh của những xơ lá giềng già nhỏ.

Cách tổ hợp của chiếc bánh lại là cả một cuộc khảo-cứu công phu.

Việt-Nam là một nước sống về nông-nghiệp, nên tục lệ cho phép con người Việt có những tháng nghỉ ngơi.

« *Tháng giềng ăn Tết ở nhà*
Tháng hai cờ bạc tháng ba hội hè ».

Ăn Tết ở nhà, vậy phải nghĩ đến cái nhàn hạ, trong mấy ngày xuân, khỏi phải bù đầu vào bếp núc. Do đó mới nảy ra cái bánh chưng, món ăn dự trữ, ngon, không thiu, và với thịt mỡ, dưa hành, đủ nuôi sống con người trong ba ngày Tết. Tục gói bánh chưng trước Tết ở Việt-Nam đã thành như quốc lệ.

★

Gói bánh chưng Tết, tuy đã thành tục lệ, nhưng nó có cả một nghệ thuật, mà nghệ thuật ấy cần đến một giáo-dục, giáo-dục gia-đình. Những nhà còn giữ cái « *lễ* » xưa, thì mẹ dạy con, chị dạy em, mỗi năm mỗi làm, cho khéo tay, nó thuộc về nữ

hạnh, nữ công của người con gái, mà nó cũng là một cuộc sum họp vui vẻ gia-đình mỗi độ đông tàn, xuân tới.

Tôi nói gói bánh chưng là một nghệ thuật vì nó có một kỹ-thuật rất khắt khe. Phải trù liệu biết bao món trước ngày « *gói bánh* ».

Có những món phải trù liệu trước như lạt, gạo, đậu. Những món dễ thiu, úa thì gần ngày gói mới mua, nhưng đừng quên cái nồi nấu bánh.

LẠT.— Không phải lạt nào cũng gói được. Muốn phải « *điều* », cần có lạt giang. Phải chọn những ống giang « *bánh tẻ* » cho dễ chẻ. Lớn nhỏ tùy ý, nhưng cần phải đủ dài, để cuốn cho chặt chẽ. Chẻ lạt là cả một nghệ-thuật đấy. Các ông bà đàn rồ rá thì rất quen tay, nhưng không lẽ đi nhờ, đi thuê, nên phải biết chẻ, tập chẻ, để cho có những cái lạt không dày, không mỏng, vừa tay cho dễ gói. Mỗi bánh là hai lạt, nhưng khi gói xong lại buộc thành cặp, cần hai hay bốn lạt nữa, thành ra phải tính mỗi bánh bốn lạt, cho khỏi thiếu. Tùy theo số bánh muốn gói mà chẻ lạt.

GẠO.— Phải chọn nếp cho

tốt. Đông rồi, phải lựa thóc và nhất là không để « *lộn tẻ* », nếu không bánh sẽ « *xạm xứt* », ăn mất ngon.

Khi đã có đủ số gạo, tương ứng với số bánh muốn gói, để đó, chờ ngày sắp gói sẽ vò.

Bữa gói, vò xong, để khô và phải nhuộm gạo cho xanh, bánh mới thơm.

Muốn vậy phải cần *lá giềng*. Lấy lá giềng rửa sạch, để cho ráo nước, rồi tước nhỏ. Nên nhớ cọng lá để dành lót thùng bánh cho khỏi cháy. Tước hết lá giềng rồi, phải giã nhỏ. Cho thêm nước để lấy chất lục-diệp-tố ở lá giềng ra. Đem trộn với gạo. Trộn cho gạo xanh đều, để khi luộc rồi, bóc ra, mặt bánh xanh đều và mịn.

ĐẬU.— Đậu xanh đông rồi, tỷ lệ hai gạo một đậu, phải nhặt, lựa cho hết những hạt « *đậu nhọt* ». Đến ngày gói, đậu phải đãi cho hết vỏ. Xong, đem đồ cho chín. Đậu chín phải giã nhỏ rồi nắm từng nắm, lấy dao thái thật nhỏ. Tay trái nắm đậu, tay phải cắt, người cắt nhanh còn hơn máy nữa.

LÁ.— Không thể gói bằng lá chuối, mà bánh chưng phải

gói lá dong. Ngoài Bắc lá dong để cả năm mới cắt một lần gói bánh Tết. Trong Nam vì còn gói bánh ú mừng năm tháng năm, nên một năm cắt hai lần, lá nhỏ. Bây giờ có lá dong miền thượng đem về nên đã có nhiều lá lớn.

Tùy theo bánh gói lớn nhỏ, phải lựa lá. Cứ tính mỗi bánh bốn lá lớn. Nếu lá nhỏ phải tính sao cho vừa gói. Thế nào cũng phải mua trội lá. Vì thiếu lá, dư gạo, là cả một khó chịu, khi gói bánh.

Chọn lá và tước cọng rồi, hôm gói phải luộc lá. Luộc xong, đem cột đầu lá chúc xuống, để chảy hết nước.

Trước khi gói phải có khăn sạch lau lại cho thiệt ráo.

THỊT. — Thịt đây là thịt lợn (heo). Tùy sở thích, muốn bánh béo ít hay nhiều, mua thịt vai, thịt mỡ hay thịt « ba rọi » (nửa nạc nửa mỡ). Cắt thành miếng cho thanh rồi phải trộn mắm muối cho vừa và đừng quên hạt tiêu, cà cưỡng.

Muốn ngon và rẻ, mua « cà cưỡng cay », để cả con, muối trước. Khi sắp gói, đem băm rồi trộn với thịt. Nếu có sẵn « nước cà cưỡng » thì lúc ướp thịt, cho

thêm ít giọt cho ngấm vào thịt. Chớ tham, mà bánh hắc cà cưỡng, mất ngon.

Tùng ấy món: lạt, lá, gạo, đậu, thịt trù liệu đủ rồi, bây giờ gói.

Bao nhiêu cái khéo là ở lúc này. Có người sửa soạn được mà gói không được. Gói bánh chưng không phải là đùm mấm tôm, hay bọc bánh giò, bánh khoai, bánh nếp. Nó không « nát nhèo » như người Tàu gói « Khô-chính - chung » nó cũng không cứng ngắt như « cuốn giò thủ ». Nghệ thuật gói bánh chưng, bắt buộc có những điều kiện như sau : « bánh chưng phải ra góc ». Nghĩa là nó phải có tám góc, bốn cạnh đều ngang. Lá bẻ làm sao, khi bóc khỏi dính tay. Lúc bóc bánh ra, đậu không được lòi ra ngoài bánh. Để tránh cho những người xấu thói, ăn cứ lựa miếng giữa, người khéo gói, miếng góc cũng đủ thịt đủ nhân. Tuy bánh có tám góc đấy, nhưng nghệ thuật là ở lúc gói, lúc buộc. Năm, buộc làm sao cho bánh không chặt không lỏng. Chặt quá bánh sẽ « hấy », (có chỗ sống) lỏng quá, khi nén rồi bánh nhèo hay lòi.

Lắm nhà gói khuôn, tuy nhanh, nhưng không tỏ được cái khéo của hai bàn tay.

Đây tôi không nói về những nhà gói bánh bán. Nghệ thuật gói bánh đây là ở gia-đình, là một cuộc thi Nữ-Công trong nhà, vì bánh ai gói phải đánh dấu, để khi luộc, nén xong, đem cúng rồi, bóc ra ăn, gia-đình sẽ chăm và định thưởng. Tranh được giải thưởng, nó chỉ gồm trong mấy câu khen tặng của ông bà cha mẹ, là cả một danh dự đầu năm, một cái vui gia đình trong ngày Tết.

Lúc gói, xếp mặt phải lá vào trong, mặt trái ra ngoài rồi, đồ gạo, đậu, gắp nhân để vào giữa, phủ đậu, phủ gạo, rồi gói. Bánh ngon và khéo, đều nằm trong tỷ lệ, hai gạo, một đậu. Chúng tôi, thường thi nhau, để nhân sao cho bốn góc cũng đủ thịt đậu mà bánh không lòi.

Tính hay cách mấy, vẫn còn dư thứ nợ thứ kia. Thường dư gạo và đậu, nên gói thêm ít cái bánh nhỏ nhân đường, để khi luộc xong cho các « tí nhau » « tím sục » trước. Nếu còn dư đậu, thì quay ra Chè Kho, thêm chút « dò ho », thật đúng mùi vị Tết.

Gói xong, buộc cặp rồi, đến

việc luộc. Luộc bánh không phải việc dễ. Trong lúc gói, phải thủ xếp lò bếp, củi nước, thùng để xếp bánh. Gói xong phải luộc ngay.

Thùng luộc bánh cần phải lót dưới bằng những cọng lá giềng. Xếp bánh vào rồi, mới đổ nước cho vừa ngập đầy, đây này. Bên cạnh thùng bánh, bao giờ cũng phải có một thùng nước không, để thỉnh thoảng giờ này, châm thêm nước nóng ở thùng không, như vậy lúc nào nước cũng ngập trên mặt bánh. Bánh sẽ xanh chín đều.

Củi phải xếp sao cho ngon lửa được đều. Khi nước bắt đầu sôi, lửa đều là cần thiết, nếu không bánh sẽ « hấy ». Ở ngoài Bắc, luộc bánh là một cuộc vui. Trời tuy rét, nhưng quanh nồi bánh, vừa sưởi, vừa chuyện đề trông bánh, ai cũng tranh thức. Ở trong Nam, Tết có « gió chướng » nên bếp phải che, chắn gió. Vì thường nấu ngoài trời, nếu Trời thương, giáng xuống cho trận mưa, thật là một tai hại.

Trung bình luộc trong mười hai tiếng đồng hồ thì vớt được. Vớt bánh ra phải nén. Để bánh

tùng cặp trên miếng ván, trên phân hay bàn. Lấy ván đè lên trên, rồi nén bằng cối đá hay các dụng cụ nặng. Nén chừng sáu giờ, rồi, nếu là «bánh thờ», cối lật, bọc thêm lớp lá xanh, buộc lật cho đẹp, nấn lại góc, đè bàn thờ. Các cặp bánh còn lại, buộc dây, treo cho thoáng khí.

**GIÁ TRỊ THỰC PHẨM
CỦA BÁNH CHUNG**

Nếu về môn dinh dưỡng, khoa học dạy rằng khâu phần của mỗi người chúng ta phải gồm đủ : đạm, đường, mỡ, khoáng chất và sinh ố, thì bánh chung của Việt-Nam chúng tôi, là một thực phẩm tương đối đầy đủ.

Đường dư, mỡ đủ, đạm thừa, thiếu chút sinh-tố thì ngày Tết thiếu chi trái cây để bù vào chỗ thiếu.

Nó là một món ăn dự trữ, cốt sao trong ba ngày Tết khỏi phải vào bếp mà vẫn có cái ăn.

Gói luộc như trên, không cần một vi-trùng nào có thể bám vào mà không chết. Bánh có thể để được đến khi «Hạ Cây Nêu». Và nếu ta có ngâm bánh luộc thì từ mồng bốn trở đi, ngả món bánh chung rần, ăn cũng tuyệt. Người sành ăn còn món bánh chung nướng. Cứ để cả

lá, nướng than, bóc ra ăn, không thấy ngán.

Ông Vũ-Bằng đã viết cả một cuốn sách về «*Miếng ngon Hà-Nội*» nhưng ông chỉ tả món ăn và cái thú thưởng thức.

Về bánh chung, tôi đứng về phương-diện nghệ-thuật, muốn «*Khoe*» cùng người ngoài cái kỹ-thuật gói bánh chung nó thuộc về nữ-công trong gia-đình, làm câu chuyện vui ngày Tết.

Tôi ước mong, những bạn đồng-nghiệp tôi ở Viện Dinh-Dưỡng sẽ có dịp đem phân tích món ăn này, như Viện Pasteur đã phân tích nước mắt, tương-tầu, v.v.. để bánh chung được liệt vào bảng khoa-học của những món ăn Việt-Nam.

Tôi dư biết nhiều bạn vẫn «*dừng dừng dừng*, như bánh chung ngày Tết» Nhưng tôi cứ viết ra đây, không phải để làm vừa lòng mấy bà giáo nữ-công, mà thật ra, để làm vui những bà, những cô, những gia đình, trong cảnh «*giấy rách còn giữ lấy lề*», trong gia-đình giáo-dục, tìm một cuộc vui lành mạnh, bổ ích mà giữ được cái «*gia-phong*», để người con gái khi về nhà chồng không bỡ ngỡ, với cái bếp, và nhất là biết tưởng nhớ đến Ông Bà.

● B.S. NGÔ-QUANG-LÝ

nỗi niềm Chiêm nữ

* ĐẶNG - THI - MINH

Tôi, Chiêm-nữ Phan-Lý-Chàm yêu-đấu
Tuổi đôi mươi nhìn thế-sự thảng trầm
Hồn quê hương còn vương-vấn trong tâm
Sầu hoát cổ, lắng hồn về cổ quốc...

Tôi khép kín bờ mi...

Hồn dân Chiêm còn quyện

Đâu đây vắng vắng tiếng rên hồn

Tình quê hương! Ôi tình quê hương!

Chiêm-quốc bây chừ đâu còn nữa...

Xa rồi...

Chiếc tháp buồn bờ ngõ ngóng thời-gian

Nhớ xa xưa, tháp được thiết huy-hoàng

Do bàn tay của muôn dân Chiêm-quốc

Mà ngày nay...

Với tháp mòn vách nứt

Tháp chỉ là mồ chôn dấu Chiêm-hồn oan

Tháp không cười, ngạo nghệ ngư đời hoang

Nhìn quá khứ, Tháp ơi buồn không đã...

Tạo-hóa ơi!

Từ lâu tôi vẫn nghĩ:

Nước non Chàm hoàn mỹ do hóa công ???

Dựng lên chỉ một Đế-quốc kiêu-hùng ??

Nền văn-hóa thời-gian không bội-ước ??

• HẠN SUY-VONG • Dân Chiêm đâu có ước ?

Chiêm-quốc này không cùng sống với thời-gian ??

Chiêm-nhân ơi!

Vì định-mệnh hay Chiêm-nhân bội ước ?

Đề hậu-kiếp này lạc hướng giữa thời-gian

Xây lên chỉ những ngọn tháp huy-hoàng

Ghi kỷ-niệm cho lớp người vông quốc ??

Ta nhớ đi... Nhưng phải tiến lên đi...

Đừng ôm ấp một tâm-hồn ủy-mị!

Vì kiếp người nhận lấy nỗi bại vong

Hồn dân Chiêm dù oằn-oại hay không ?

Xem đã biến cùng thời-gian vạn-kỷ...

Dân Chiêm ơi! bây chừ ta nên nghĩ

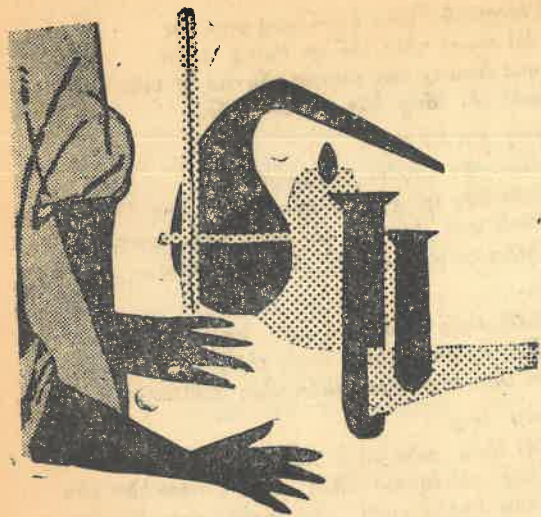
Thế kỷ này là Thế-kỷ hai mươi,

Nền văn-minh kỹ-nghệ tân tiến rồi

Đừng ôm ấp chuyện thần-thoại xa xôi

Ta phải tiến... Nhưng hướng về Cổ quốc...

Ghi vào lòng bao cuộc sống huy-hoàng xưa.



*bước tiến
nhảy vọt của*

Y-HỌC

**TRONG VÒNG
MỘT PHẦN TƯ
THẾ KỶ NAY**

● Đi hia bảy dặm

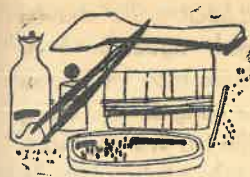
NÓI rằng y-học đi hia bảy dặm đề tiến bước, cũng không ngoa. Thật vậy trong vòng non trong ba chục năm gần đây, Tân-y-học đã tiến-bộ nhiều hơn là trong khoảng hai ngàn năm về trước.

Mới ngày nào, người ta còn lạ lùng khi nói tới tế bào ung thư, thì ngày nay, xử-dụng máy hiện-vi điện tử, người ta không còn ngạc nhiên, từ thành-phần tế-bào tới cách cấu-tạo các phần-tử hóa-học. Mới ngày nào vị y-sĩ già ngần ngại trước một trường-

hợp thương hàn, mà ngày nay thuốc Chloramphénicol đã giúp cho ông bác-sĩ trẻ tuổi khỏi băn khoăn, thắc mắc. Y-học phát triển khá mau chóng đến nỗi các thầy thuốc ngày ngày phải đảo qua các báo chí năm-châu đề theo cho kịp trào lưu tiến bộ, các vị giáo-sư phải luôn luôn sửa đổi lại tài-liệu, vì sau một cuộc phát minh, thí nghiệm, ý-kiến của mình có thể vì đó mà hóa ra lỗi-thời!

★ B. 1. Thiện-Ý

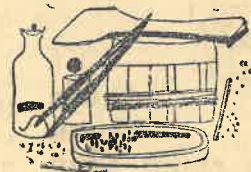
BƯỚC TIẾN NHẢY VỌT CỦA Y-HỌC



**Y-khoa
là khảo
cứu**

Một hiện tượng mới cho ngành y-khoa những năm gần đây là khi nói tới y-khoa, phải nói tới khảo cứu tìm tòi. Thật vậy, chính nhờ những phát minh, những khám phá kỳ thú, bất ngờ mà y-học mới được địa vị ngày nay. Biết bao nhiêu nhà bác học đã cặm cụi trong phòng thí nghiệm để chế hóa, pha trộn, hầu làm sáng tỏ những lẽ huyền bí của chất sống (matière vivante). Ta thường tự hỏi tế bào lành khác tế bào bệnh như thế nào? Những vi-sinh vật nào đã gây ra bệnh: vi trùng, ri-kết-trùng hay cực-vi-trùng? Những sự tìm kiếm lục lợi, thử thách này rất cần thận, chu đáo đi từ đơn vị cấu tạo cơ thể con người là tế bào mà đi lên. Hoạt động nhằm hai mục đích chính yếu, một là tìm cách định rõ những điều kiện cần thiết cho sự sống của tế bào, hai là tìm cách loại trừ hoặc sửa chữa những tế bào hư hỏng, ảnh hưởng lây sang các tế bào kế cận. Rồi người ta lại khảo cứu tìm tòi phương tiện để chế hóa một vài hợp chất hóa-học

có khả năng tiêu trừ được bệnh tật, nghĩa là có thể sửa đổi lại những tế bào cho thích hợp với đời sống. Công việc khó khăn và tỉ mỉ biết là chừng nào!



**Thuốc
Kháng-
Sinh:
Sulfamide**

Dẫn đầu phải kể loại Sulfamide, loại thuốc này đã oanh liệt trên thị trường một dạo, thuốc quý như vàng, và cũng nhờ nó mà một số bệnh nhân thập tử nhất sinh đã được cứu sống. Ngày nay phong độ tuy có kém xưa, nhưng sự có mặt không phải là không giá trị. Đặc biệt từ năm 1957 người ta tung ra thị trường một số sulfamides có tác dụng trị được bệnh nước tiểu có đường (diabète): Đó chỉ là những viên thuốc, không độc, uống vào miệng, có thể làm giảm bớt số lượng đường ở trong máu và như thế là tránh hộ cho bệnh nhân khỏi trích insuline rồi. Những thuốc mới nhất đó là: *tolbutamide*, *métahexamide* và *chlorpropamide*. Cũng nên kể thêm năm vừa qua người ta cho lưu hành thuốc *sulfanylurée*,

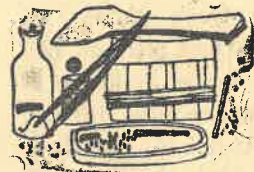
trị những trường hợp thận nhiễm trùng, và thuốc *Ethosuximide* chữa trẻ em kinh phong.



Thuốc kháng sinh chính-cống

Kể từ 1925 — năm mà nhà vi trùng học Anh quốc Sir John Fleming khám phá ra *Penicilline* — cho đến nay, vô số thuốc kháng sinh ra đời, lấn áp nhiều loại sulfamide. Những thuốc gần đây nhất và nổi tiếng, thì có: *Streptomycine* do nhà sinh-học Mỹ-quốc Waksman tìm ra có công dụng trị bệnh lao phổi ngay tại nhà không cần bắt bệnh nhân phải vào bệnh viện, dưỡng-dưỡng tốn kém, phiền phức. Thuốc *Auréomycine*, trị được nhiều bệnh truyền nhiễm, và đặc biệt nhất loại pommade này đã một thời là thánh dược để trị bệnh đau mắt hột. *Chloromycétine* (chloramphénicol), hãnh diện trong việc diệt trừ bệnh thương hàn. Thuốc *érythromycine* điều trị tất cả những trường hợp nhiễm-bệnh do loại-khuẩn trùng gây

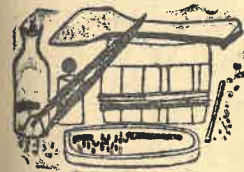
nên và thuốc *bacitracine* chuyên trị những bệnh ngoài da có vi-trùng. Hai thuốc mới *viomycine* và *cyclosérine* cũng đặc lực trong công cuộc tiêu trừ vi-trùng Koch khi mà cơ thể bệnh nhân đã quá quen thuốc strepto rồi. Năm vừa qua, người ta thấy lưu hành khắp năm châu thuốc *Penbritin* (tức BRL 1341), một thứ penicilline mới, có tác dụng còn mạnh hơn, mà lại chỉ là những viên thuốc uống không cần chích nữa.



Loại kích thích tố

Bên cạnh những thuốc kháng sinh vừa kể, loại kích thích tố cũng giữ được một địa vị ưu đãi. Ta biết rằng kích thích tố (hormone) là những chất do tuyến nội-tiết (glandes endocrines) của cơ thể tiết ra, mục-dích điều hòa các cơ năng trong người, vì không phải ta chỉ mắc bệnh khi nhiễm trùng, nhưng con người cũng mất bệnh khi cơ-thể suy yếu, các cơ quan làm việc chệch choạng, lỏng lẻo. Một thí-dụ như tuyến giáp (glande thyroïde) ở cổ khi làm việc không điều hòa, ta thấy xuất

hiện luôn ngay những sự rối loạn tinh thần hoặc vật chất. Ông thầy thuốc sau khi chẩn bệnh chỉ việc cho một thứ thuốc nào, hoặc hãm bớt sự hoạt động của tuyến này hay ngược lại kích thích tuyến này cho hoạt động mạnh hơn, là con người khỏi bệnh. Trong địa-hạt kích-thích-tố, kết quả khả quan nhất phải nhường cho hai thứ là *Cortisone* và *A.C.T.H.* chất thứ nhất do tuyến nang-thượng-thận — ở phía trên thận — tiết ra, còn chất thứ hai của não thùy, ở trong não người ta. Hai chất này đã ảnh hưởng nhiều đến bệnh phong thấp (rhumatisme) tuy rằng trong thực tế kết quả chưa hoàn toàn. Một số kích-thích-tố rất có hiệu lực trong công việc điều trị những trường hợp biến-ứng (allergie), như trường hợp hen-suyễn chẳng hạn, hoặc hữu-hiệu trong việc điều trị những biến-chứng bệnh cúm và một số bệnh tật thông thường của bộ máy hô-lấp.



Những dược phẩm mới

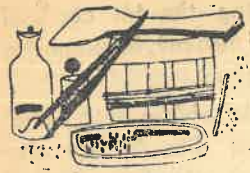
Bệnh quỷ phải có thuốc tiên, cho nên các phòng thí-nghiệm

không ngừng tìm tòi các loại dược phẩm mới-mẻ, hiệu-nghiệm hơn các thứ cũ.

Trong các chứng bệnh, phải kể tới bệnh điên đã làm cho nhiều vị y-sĩ nản lòng. Những thuốc an-thần danh tiếng đều lần lượt mang ra áp dụng. Hiện nay phòng thí nghiệm trường y-khoa HARVARD chú ý tới một chất kích-thích-tố lấy trong não con bê có nhiều tác dụng đáng kể: đó là chất *schizophrénie*. Trong tương lai, nếu các cuộc thí nghiệm mà hoàn hảo thì nhờ chất này, cả một ngành học tiến một bước khá dài.

Trong cuộc sống mới, luôn luôn ồn ào nhộn nhịp, chứng huyết-áp-cao cũng là một thứ bệnh thời-dại. Những dược phẩm loại *chlorothyazide* tuy chưa thật hoàn-thiện nhưng cũng gây được nhiều kết quả đáng kể. Và những dược phẩm trị chứng đông huyết (anticoagulant) mới nhất thì có *Warfarin* dùng để chữa cho cựu tổng thống Eisenhower năm 1955, và chất *Syntrom* hiện mới đang lưu hành tại Âu-Châu.

Thực ra những dược phẩm mới còn nhiều, vì mỗi năm, lại xuất hiện một số thuốc mà giá trị của nó phải chờ thời gian mới định rõ được.



**Công
cuộc
xử dụng chất đồng vị**

Chúng ta hiện nay đang ở vào kỷ nguyên phóng-xạ tính, vậy công việc xử dụng những chất phóng xạ vào y-học cũng là lẽ thường. Chất đồng vị là những phần tử cũng giống như phần tử thông thường của vật chất nhưng đặc biệt là có tính chất phóng xạ mà người ta có thể dò ra bằng máy điện-tử. Khi một chất đồng vị đột nhập cơ thể rồi, thì viên y-sĩ hoặc nhà giải phẫu có thể tìm kiếm nhờ một dụng cụ gọi là máy Geiger, để rời theo các luồng phóng xạ. Chính nhờ kỹ thuật này mà người ta muốn biết tuyến giáp-trạng hoạt động như thế nào, chỉ việc cho người bệnh nuốt chất iốt phóng xạ, chất iốt sẽ tới đóng ở tuyến, và nhờ máy người ta sẽ theo dõi bệnh tình.

Trong trường hợp ung thư, người ta xử dụng chất phosphore phóng xạ để định rõ sự tiến-triển của bệnh, có như vậy mới liệu phương điều trị được. Ta cũng còn chích những hợp chất

phóng xạ vào các chỗ xương cốt để ngăn ngừa không cho bệnh trướng đến các cơ quan lân cận.



**Khoa
giải-
phẫu**

Bước tiến của khoa giải-phẫu mới thật đáng kể. Mới có mấy chục năm trời, mà ngoảnh lại con đường cũ đã xa lắc xa lơ. Sự tiến bộ này do ở nhiều yếu tố. Trước tiên là cải tiến việc đánh thuốc mê: cẩn-thận, chắc - chắn và bảo đảm. Các phụ-tùng được tăng cường: phòng giải-phẫu năm 1962 khác xa phòng mổ năm 1930. Kỹ-thuật cũng được hoàn-thiện hơn. Phương pháp tối tân áp dụng đến triệt để. Máy tim, phổi nhân tạo đã cứu sống được nhiều người, trong khi giải-phẫu mà trước kia, công việc khó khăn vì sự lưu thông của máu làm trở ngại không ít cho nhà giải-phẫu.

Khoa ghép — nối đã đem lại hạnh-phúc cho nhiều gia-đình. Nhà băng các cơ-quan, nhờ sự hạ nhiệt độ xuống rất thấp, đã gìn giữ được trong một thời gian khá lâu những mẫu

xương, mầu da, những đoạn mạch - máu, những đoạn dây thần-kinh, gần đây còn giữ cả những giác-mô để ghép nối con mắt, và người ta hy-vọng trong tương-lai, ngân-hàng này còn giữ hộ cho nhân loại những cơ-quan, những bộ-phận hoàn toàn đầy đủ để mà, khi kỹ-thuật phát triển, con người có thể đánh đổi hẳn một bộ máy hoặc hẳn một bộ phận cũng không ảnh hưởng tai hại gì đến cơ thể cả.

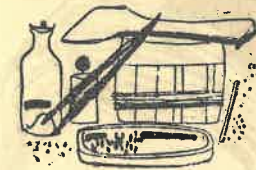


**Y-học
phòng
ngừa**

Đó là một phân-khoa mới xuất hiện ít lâu nay trong ngành y-được, mục đích là phổ biến một cách khoa học các tiêu chuẩn về vệ-sinh, rồi từ đó rút ra một phương-tiện ngừa bệnh.

Phương-pháp đơn giản và hoàn thiện hơn cả là chích thuốc chủng ngừa. Hiện nay người ta chích thuốc phòng ngừa bệnh trái trời, bệnh dịch tả, bệnh thương hàn, bệnh phong đòn gánh, bệnh yết hầu, bệnh ho gà, bệnh dịch hạch, bệnh lao và cả bệnh-tê-liệt nữa (poliomyé-

lite). Nhiều thuốc chủng mới cũng rất hiệu nghiệm như thuốc chủng ngừa bệnh quai bị, bệnh ban đỏ. Người ta hy-vọng khi khoa-học càng tiến, loài người còn nhiều phương-tiện chủng thuốc phòng ngừa một số bệnh khác nữa.



**Đề
kết
luận**

Con người hy-vọng với bước tiến không ngừng của y-học, rồi đây sẽ hết bệnh tật, hoặc nếu không, bệnh tật cũng giảm xuống tới mức tối-thiểu. Tuy nhiên, phòng bệnh hơn chữa bệnh, chúng ta thấy cần phải ngăn chặn tất cả những gì ảnh hưởng không lành hoặc xa hoặc gần tới sức khỏe, tới cơ thể chúng ta. Ngày nay với lối sống nhộn nhịp, xô bồ nền văn-minh cơ khí luôn luôn thúc đẩy con người, thần kinh, trí não không lúc nào được thanh thoi, thì hỏi con người khi tránh được một số bệnh nọ có thoát khỏi một số bệnh mới, đang từ từ sắp sửa đến với chúng ta không? Tới lúc đó y-học sẽ phải làm gì, chúng ta hãy chờ xem.

● Bs. THIÊN-Ý

cái tết vô duyên của vũ-trọng-phụng

VŨ TRỌNG PHỤNG



và

« HỢP - TÁC - XÃ
CHƠI BÁO »

vì ai cũng chỉ nghe nói đến Vũ trọng-Phụng một cây bút viết phóng sự, chứ chưa mấy ai chú ý đến cuộc đời ký-giá của họ Vũ, nó quá gần gũi làm sao !

CÁCH đây ba mươi năm, Vũ-trọng-Phụng đã ăn một cái Tết vô duyên, một cái Tết chằm-dứt sự nghiệp làm báo của một ký-giá mới bước chân vào tòa-soạn chỉ đầy một tháng, đã phải ngao-ngán bước chân ra. Chắc hẳn bạn đọc ngạc-nhiên

Năm ấy tôi không nhớ rõ là năm nào, Vũ-trọng-Phụng còn là một thanh-niên ở nhà viết những chuyện ngắn và những phóng sự ngắn gửi đến các tòa-soạn nhật-báo ở Bắc-Hà. Tất cả những bài này đều bị xếp vào ngăn kéo của các ông chủ-bút vì ba chữ « Vũ-trọng-Phụng » chưa ai

CÁI TẾT VÔ DUYỀN CỦA VŨ-TRỌNG-PHỤNG

nghe nói đến bao giờ ; người nắm bút-quyển trong tòa-soạn chắc hẳn cho là một thanh niên hiệu danh muốn có tên trên báo, nên các ông không muốn mất thì giờ đọc bản thảo.

Nhưng bỗng một hôm bài truyện ngắn « Chồng nặng lên đường » của Vũ-trọng-Phụng được đăng lên « Ngọ-Báo » với lời giới-thiệu khuyến-khích của chủ-bút Tam-Lang. Bài truyện ngắn này được một số anh em bạn đồng niên với họ Vũ khen ngợi. Chẳng bao lâu Vũ-trọng-Phụng được thêm một vài tờ báo khác đăng những bài của anh. Hồi ấy số nhà văn rất ít, có thể đếm trên năm đầu ngón tay, một bút hiệu có chân-tài là được in liền trong trí nhớ của độc-giá. Vũ-trọng-Phụng đã thành một cây bút được nhắc nhở đến trong làng văn. Nhưng « có tiếng lại không có miếng », những bài truyện ngắn hay phóng-sự ngắn của anh không đem về cho anh một xu nhỏ nhuận-bút nào ; có lẽ tòa-soạn tưởng rằng đăng bài để nâng đỡ một mầm-non có đường tiền-thủ, chớ chưa đáng xếp hạng với những cây

bút đã thành nhà nghề.

● Dịp đầu may-mắn...

Nếu Vũ trọng-Phụng không được thù lao bằng tiền mặt thì cũng được anh em làng văn đến công khó-nhọc bằng một hai châu « che tàn » ở Thái-Hà-Áp hay Khâm-Thiên. Hồi ấy có tục-lệ lấy xóm cô Đào làm nơi hẹn-hò, gặp-gỡ, của khách văn-nhân. Văn-hữu nào có đủ điều-kiện tài-chánh chi tiêu một châu hát, được mệnh-danh là kẻ « dương tàn » ; nếu thiếu hụt chút-đỉnh thì có một vài bạn khác « vá tàn » để đủ số tiền đi hát, còn những túi rỗng không cũng nhập bọn và được gọi là kẻ « che tàn » ; ngụ-y nấp dưới

CỦA ÔNG CHỦ
TIỆM VÀNG
CHÂN - HƯNG

★ Tế - Xuyên

bóng cái tàn của kẻ khác đã dương lên.

Vũ-trọng-Phụng là một khách che tàn gần như thường trực vì một gã thư-sinh mới bước chân vào đường đời lại không phải là con nhà giàu có thì tiền đâu mà « dương tàn » hay « vá tàn ».

Tuy-nhiên, nếu người ta thường thấy mặt họ Vũ trên chiếu cô Đào, không phải là vì anh ham đi hát « cạp » ; anh « bị che tàn » thì đúng hơn. Thật vậy, anh bị các bạn làng văn kéo đi đập trống vì họ mền tài anh hay có khi vì nhà báo đăng bài của anh đã muốn thù tạc anh bằng lời « tao nhã » ấy. Vũ-trọng-Phụng đâu có thích cái thú cô đào. Trong khi Tam-Lang, Tạ-đình-Bính, Phùng-bào-Thạch... thả hồn theo khói thuốc, hay ngậy ngật với những « khâu » trông chầu thật « xinh » thì Vũ-trọng-Phụng cúi đầu xuống xấp giấy viết lia lịa, không thấy môi tay. Anh viết gì ? Viết nhật-ký chẳng hay ghi chép những điều tai nghe mắt thấy trong chôn yêu hoa ? Có lần Tạ-đình-Bính giựt lấy xấp giấy của anh đang viết, thì trời đất

ơi ! té ra bức thư anh viết cho người vợ chưa cưới ở làng Mọc. Họ Vũ thú nhận rằng mỗi ngày ý trung nhân của anh nhận được một bức tâm thư do anh viết, từ Hà-nội gửi về. Đi hát cô đầu mà đứng đứng trước những bông hoa biết nói, tập trung hết tâm trí để viết thơ cho vị hôn thê, cũng đáng gọi là một người gan, và từ chỗ « gan » cho đến chỗ « gàn » chỉ cách nhau có một dấu huyền. Sự chung tình tuyệt đối của nhà văn trẻ tuổi lại trở trêu thay bị tạo-hóa đến bù một cách thật là chua chát : Vũ-trọng-Phụng tâm sự với các bạn thân rằng khi cưới vợ về, nhắm đúng tôi tân hôn, anh mới biết vợ anh là một người diệc ; dù nói lớn nàng cũng không nghe được tiếng gì, thét rồi anh phải... bút đàm với vợ.

Cuộc giao-du của anh với làng văn tại các xóm cô đào, nếu chỉ là một chuyện bắt đắc - dĩ không có thú-vị gì, nhưng một hôm bỗng đưa anh tới một cứu cánh bất ngờ, anh được mời làm chủ-bút một

tờ nhật-báo, tờ « Nông-Công-Thương » mà chủ nhân là ông chủ tiệm vàng Chân-Hưng lớn nhất ở phố Hàng Bạc (thi sĩ Phạm-huy-Thông là con ông chủ tiệm vàng này).

Chính trên chiếu rượu của nhà hát cô đào mà Vũ-trọng-Phụng gặp được kịch - sĩ Trương-đình-Thi lúc ấy đang nổi danh là tài tử số một của thoại-kịch. Câu chuyện giữa hai người lúc đầu còn dè-dặt, sau đi tới chỗ thông-cảm và thân-thiết. Sẵn dạ hiểu-tài đối với họ Vũ, kịch sĩ Trương-đình-Thi mới chỉ biết cây bút này qua mây bài truyện ngắn, đã dám đề-nghị với anh nắm bút quyền tờ báo « Nông-Công-Thương » mà anh « đang thương thuyết » với chủ-nhân bỏ tiền khai-thác. Vốn là người có óc xoay-trở, với một tinh-thần thực - tế, Trương-đình-Thi nảy ra trong óc một phương-thức làm báo mới để làm say-mê ông chủ tiệm vàng. Anh nói với Vũ-trọng-Phụng :

— Tôi sẵn quen thân với thằng cha Chân-Hưng ; nó lại có sẵn nhà in, ta dụ nó làm tờ « Nông - Công - Thương » theo

một kế-hoạch hợp-tác thật là mê-ly, hấp-dẫn, thế nào nó cũng ký cả hai tay. Chúng ta sẽ qui-tụ một nhóm anh em nhà văn, cùng với nó lập thành hợp-tác-xã cùng nhau khai-thác tờ báo ; nó bỏ tiền mượn thợ sập chữ chạy máy, còn chúng ta hùn hiệp bằng cái vốn văn-chương của chúng ta ; có lời sẽ chia nhau.

— Còn tiền nhuận-bút thế nào ? Anh hãy nói mau cho anh em biết.

Thiệt-Can có mặt trong cuộc hội kiến, vội hỏi câu thực tế ấy. Nhưng Trương-đình-Thi neho mắt với tất cả bộ mặt bí-hiêm theo tài đóng kịch của anh ; rồi anh chỉ nói một câu mơ-hồ, ai muốn hiểu sao thì hiểu :

— Tiền nhuận-bút thì hạ hỏi phân-giải, các ngài hãy tin chắc là thế nào cũng có tiền ăn Tết. Nhưng chúng ta cứ cam đoan lúc đầu không lấy lương.

— Khó lắm đây các ngài ơi, vì tờ « Nông Công Thương » chêt đi sông lại mấy lần rồi, nay như khúc xương không còn chút thịt nào, quăng cho

chó cũng không đất; chúng mình có muốn làm cho nó chạy thì cũng lại là công dã tràng xe cát mà thôi.

Trương-đình-Thi vỗ vai Thiết-Can nói nhỏ vài tiếng vào tai như để gây niềm tin-tưởng. Rồi anh tuyên-bỏ tòa soạn với thành phần như sau:

Chủ-bút: Vũ-trọng-Phụng.

Thư-ký tòa-soạn: Thiết-Can

Biên-tập-viên: Tề-Xuyên, Nguyễn Hoàn, Trương-đình-Thi...

— Bây nhiêu cũng đủ làm cho Chân-Hưng nó «lác mắt». Sau này tòa-soạn còn tăng-cường thêm nữa, biết đâu làm chơi ăn thật, tờ «Nông Công Thương» lại chẳng lên như điều, làm cho nhóm «Ngọ báo» phải phục chúng mình sát đất.

Thế là trong một phút cao hứng, một nhóm văn sĩ tay mơ, còn trẻ tuổi, chưa kinh-nghiệm việc đời, tuổi nghề mới được chừng dăm ba bài đăng báo, đã ôm-ấp hoài-bảo chỉ-huy một cơ-quan ngôn-luận. Cái gì mà tuổi trẻ chẳng dám làm! Tuổi trẻ bắt-chấp tất cả những trở-lực trên đời, hay nói cho đúng là không bao giờ nhìn thấy những trở-lực ấy. Cái sáng-kiến lập một hợp-tác-xã làm báo vừa lè sáng trong trí tưởng-tượng của kịch-sĩ Trương-đình-Thi, hôm

sau đã thành một dự-án kế-hoạch viết bằng giấy trắng mực đen đưa cho ông chủ tiệm vàng Chân-Hưng ở phố Hàng Bạc. Mồm mép hoạt-bát của họ Trương đã từng chinh-phục khán-giả của sân-khấu, nay lại chinh-phục thêm một nhà tư-bồn có tiếng là «một khối óc Do-thái». Ông Chân-Hưng còn mong gì hơn nữa: một tay trợ phú đầu hôm sớm mai bước lên ghế chủ nhiệm tờ nhật báo mà tòa soạn gồm những cây viết đã «ăn khách», lại không phải trả tiền nhuận-bút, còn «áp-phê» nào «ngon xoi» cho bằng!

● Cuộc hợp-tác quá ngắn ngủi

Trong buổi nhóm tòa-soạn lần đầu tại tiệm vàng Chân-Hưng, ông chủ-nhiệm mới của tờ «Nông-Công-Thương» mập lu như củ khoai mỡ, đã tập-tễnh tập nói văn-chương với một nhóm nhà văn trẻ tuổi mà ông tưởng lầm rằng sô-phận từ nay sẽ liên-kết chặt-chẽ với sô-phận của ông. Ông đề cao phương-thức mới là lập một hợp-tác-xã giữa người bỏ tiền khai-thác tờ báo và một nhóm người moi óc, rút ruột tâm, sông bằng nước là cầm hơi, hay sông bằng hy-

vọng một ngày kia sẽ được chia lời của tờ báo. Ông tân chủ-nhiệm cô nói «văn-chương» nhưng ông cũng không quên điều-kiện chính trong hợp-tác-xã:

— Tôi xin nhắc lại để các ngài nhớ: tôi cũng như các ngài không lấy một đồng lương nào lúc đầu, chúng ta sẽ chờ khi nào báo có lời mới chia nhau nhé; đó là một lời «chơi báo» cũng như ta «chơi chim họa mi» vậy. Tuy ông Chân-Hưng kêu chúng tôi là «các ngài» theo lời xã giao của giới thượng-lưu trí-thức hồi đó, nhưng chúng tôi phải bầm bụng để khỏi phì cười về hai chữ «chơi báo» của ông và nhất là sự so-sánh với cái thú chơi chim.

Nhưng cuộc «chơi báo» của ông chủ tiệm vàng rút cục cũng chỉ là một trò chơi đùa giỡn với một nghề cao quý trong đúng một tháng.

Hàng ngày nhóm ký-giả bắt-đắc-dĩ, vẫn còn nặng đầu óc văn-nghệ-sĩ, lo viết câu văn cho hay cho đẹp, bắt-chấp tất cả những yếu-tố cần-thiết của một tờ báo thông tin. Họ tưởng chừng văn-nghệ của họ trong vài ba bài truyện ngắn, phóng-sự, thi-ca cũng đủ đánh bại những tin tức mau lẹ mà hai tờ nhật báo lớn «Đông

Pháp» và «Ngọ báo» đang cạnh tranh nhau. Báo «Nông Công Thương» mỗi ngày mỗi sút kém và cái mộng chia lời đã tan như mây khói sau gần một tháng trở tài văn-nghệ. Năm hết Tết đến rồi lấy gì mà ăn Tết đây? Hàng ngày mây ông ký giả của báo Nông-Công-Thương oai vệ bước vào tòa nhà đồ sộ ở phố Hàng-bạc (tiệm vàng Chân-Hưng cũng là tòa soạn của tờ báo); những khách nợ cũng phải chừa chân hy-vọng: các ông sẽ trả nợ trước khi qua năm mới, vì không lẽ làm ở một tờ báo lớn như vậy mà không có lương lớn hay sao?

Nhưng kịch-sĩ Trương-đình-Thi là một người tính-toán, chắc hẳn đã nhìn xa thấy rộng và đã tiên liệu những ngày đen tối cuối năm. Hàng ngày anh không viết một chữ gì, anh chỉ lên bộ đồ lớn, ôm cặp da bự, xẹt qua tòa soạn, bắt tay anh em, rồi lại ra đi. Anh đến các nhà buôn mời đăng quảng cáo. Nhờ sự quảng cáo của anh nên tờ báo có một số quảng-cáo không nhiều lắm nhưng cũng khá quan. Ông chủ nhiệm đã thường khen ngợi: «ông Trương thật là tận tình giúp cho nhà báo».

Nhưng ông khen không được bao lâu thì ông đã thầy

rõ sự tận tâm của người cộng sự...

« Làm báo chơi » được đúng một tháng, ông Chân-Hưng tính số thầy lỗ, bên nhóm tòa soạn để thảo luận việc giải tán « Hợp-tác-xã chơi báo ». Ông không muốn chịu đựng thêm lỗ-lã nữa, bởi vì ông là một con buôn muốn cầm dao đang cán chớ không cần dang lưỡi. Ông nói đến chuyện cho người đi thuê quảng-cáo để trả tiền cho nhà in, tức trả cho ông, thì Trương-dình-Thị đã đưa hàm răng hô — mà anh em thường gọi là « hàm răng má hiện » — rồi họ Trương cười khi mà nói một cách tinh-bơ :

— Tiền quảng-cáo, tôi đã thu gần hết để chia cho anh em, mỗi người chút ít tiêu Tết.

— Ông nói sao ? Ông thu hết rồi à ? Thề còn lời cam kết lúc đầu, các ông nuốt được hay sao ?

Trả lời câu hỏi phản-nộ của chủ-nhiệm, kịch-sĩ họ Trương nở một nụ cười ngoại-giao mà đáp :

— Chúng tôi cũng phải sống chớ ! Huống chi năm hết Tết đến rồi.

Ông Chân-Hưng còn xô ra một tràng những danh-từ không-tạo-nhã như buổi họp

lần đầu ông đã « nói Văn-chương ». Anh em trong tòa soạn cũng trả lời ông, không còn tiếc lời nói :

— Chúng tôi đâu có thể ăn cơm nhà vác gà voi suốt đời được... Nếu chúng tôi cũng làm chủ tiệm vàng như ông...

Trương-dình-Thị sợ cuộc xung-đột trầm-trọng, vội-vàng tuyên-bỏ bề-mạc và hẹn sẽ nhóm tiếp ngày mai. Nhưng ngày mai là một ngày vô-định. « Hợp-tác-xã chơi báo » ấy đã kết-liệu trong tình-trạng của hai câu thơ :

*Anh đi đường anh tôi đường tôi
Tình-nghĩa đôi ta có thể thôi.*

Vũ-trọng-Phụng chán ngán với nghề viết báo hằng ngày, vì bước đầu của anh đã thành một bước thất-bại. Anh thế không trở lại con đường ấy nữa. Anh quyết tâm viết những phóng sự xã-hội, bán cho các báo, và anh đã thành công trong lãnh vực này. Nếu như tờ « Nông Công Thương » phát-triển được thì ngày nay đâu có những thiên phóng sự độc-đáo mà Vũ-trọng-Phụng để lại cho chúng ta.

● TẾ-XUYỀN



bữa
cơm
chiều

30

t ết t

★ Thu - Nhi

DẪN đi chơi về, đèn bên thò thề nói với mẹ :

— Má à... ! Chị Hai thăng Ứt đi chợ về, mua bông, chuối, bánh, mứt nhiều... nhiều lắm.

— Cô ấy lo ăn Tết đây !

— Thề sao mình không ăn Tết, hả Má ?

Nghe con hỏi, Chị Tám không biết trả lời ra sao cả.

Trong khi chị lặng thinh để suy tính thì Dẫn đặt tay trên vai mẹ nhong nhèo hỏi :

— Có gì ăn không má ? Con đói bụng lắm rồi nè.

— Má đang lột khoai đây, con ráng chờ một chút nữa..

— Hông, con hông chịu ăn khoai nữa đâu. Mấy bữa nay má cứ bắt ăn khoai luộc, ngần quá, con ăn cơm, ha !

Chị Tám quay nhìn gương mặt tiu ngưu của Dẫn, lòng chị xót xa. Chị thầm nghĩ : « Phải chi Ba nó còn ở nhà thì nó đâu đến nỗi khổ sở như thế này. »

Nghĩ đến đây, chị đưa mắt nhìn phía ngoài xa để nhớ lại một ngày...

« .. Nghe tiếng súng nổ liên hồi phía xóm trên. Chị bỏ luống rau trồng dở chạy vào nhà thì vừa gặp anh Tám hơi hải vác cuốc trở về. Anh báo tin cho chị biết Tây đã đến khủng bố ở đầu xóm trên. Thề là vợ chồng chị, kẻ công con, người mang xách đồ-đạc chạy vào rừng.

Giảm bữa lên gai-góc... vợ chồng chị vào núp trong bụi rậm. Sau khi dọn được một chỗ ngồi bằng-phẳng, kín-đáo,

anh Tám sắp đồ-đạc lại ; bỗng anh bật cười lòi trong giỏ ra mảy cái nổi đồng mà lúc xách chạy vợ chồng chị cứ đinh ninh là giò gạo.

Chưa nghe tiếng súng hay tiếng chó sủa xóm dưới, nên anh Tám định về lấy gạo và bắt thêm mấy con gà mái đang ấp, kéo sợ chúng bỏ vào túi quần treillis thì uống.

Thoạt nghe chồng đòi về, chị ngăn cản, nhưng sau một hồi bàn-bạc chị đồng-ý để anh Tám lần về lấy gạo lên nấu cơm cho con ăn, vì sợ Tây ở lại lâu như kỳ trước, thì chẳng biết lấy gì cho Dân ăn đỡ đói.

Đi lâu rồi mà chẳng thấy tăm dạng chồng. Chị nóng ruột quá, nên khi nghe tin Tây vừa rút lui về đồn, chị bỗng con trở lại nhà ngay.

Đặt Dân trên giường, chị chạy ra đầu xóm để hỏi thăm tin tức mới biết chồng bị bắt dẫn đi rồi.

Liên tiếp mấy ngày sau, chị đi hỏi thăm, hết đón trước cửa phòng nhì, lại chờ ngoài lao xá, chờ đón nhiều ngày, hỏi thăm nhiều nơi mà vẫn không

tim thấy bóng chồng. Cho mãi đến ngày nay... »

— Má ơi ! Nấu cơm ăn, nghen má ! Con thèm cơm lắm.

Tiếng nói của Dân cất ngang ý nghĩ, chị giật mình quay lại nhìn con, trả lời :

— Ăn đỡ khoai đi con à ! Gạo còn ít để chiều ghé khoai...

— Sao má không đi chợ mua gạo nhiều nhiều vậy, để còn ăn ba bữa Tết nữa chứ !

Nghe con nói, chị đau lòng quá. Chị nghĩ đến ngày còn chồng, tuy không khá giả nhưng cũng đủ ăn đủ mặc. Chị không ngờ ngày nay không lo đủ miếng cơm tấm áo cho con.

Một cơn ho khô khan nổi dậy Chị ôm ngực ngồi bệt xuống đất, đầu tựa bên ngạch cửa.

Nhìn kẻ mệt nhọc in trên gương mặt xanh xao hốc hác của mẹ, Dân lo lắng hỏi :

— Má muốn bệnh rồi đó, má vô nằm đi kéo mệt, con ra nấu cháo để má ăn nhé !

Nghe con đòi đi nấu cháo, chị Tám xua tay ngăn cản, chị biết Dân thèm cơm lắm, chị

để số gạo còn lại đó nấu cơm cho Dân ăn ; còn phần chị... chẳng cần.



Dân ơi ! Dân !

Nghe tiếng mẹ gọi, Dân vội vàng bỏ trái bắp khô đang lấy đồ xuống tràng rồi bước nhanh về phía giường-tré.

— Dạ ! Má kêu con... ?

— Con làm gì đây ?

— Con lật xâu bắp khô để ra giềng tría.

— Con ăn gì chưa ?

— Dạ... Chưa ; Còn một chén gạo, con đang nấu cháo cho má ăn ngoài ấy. Khi hôm má nói sáng, con sợ quá.

Để trấn an lòng con, chị Tám nói dối rằng chị chẳng có bệnh đau gì cả. Khi hôm vì thức khuya rồi đến khi ngủ say ; nằm mơ mà kêu mở đây. Chị sai Dân pha một bát nước rồi cho ra tiếp tục làm công việc.

Bước xuống chái bếp, Dân thấy một con gà mái đứng ung dung mổ mảy hột bắp rời. Tức quá, Dân định cho nó một đá. Nhưng không hiểu nghĩ sao, Dân rút chân lại rồi hốt-thêm

vài hạt rải gần bên. Gà ta ạn say sưa, Dân nhanh tay chụp lấy ôm vào lòng.

Thầy con gà đã to, Dân vui mừng quá, Dân nhớ mới ngày nào Bà Bi đem cho Dân « để làm vốn », ngày ấy nó nhỏ bằng nắm tay, mà bây giờ nó gần kêu ó rồi, nó sắp đẻ nhiều trứng, nở nhiều con gà con nhỏ nhỏ xinh xinh...

Trong khi Dân vuốt bộ lông vàng óng của con gà thì tiếng ho của chị Tám vọng ra, Dân sực nhớ đến bệnh tình của mẹ, nhớ đến bữa khoai trừ cơm, nhớ đến số gạo nấu ăn trong 3 ngày Tết. Nên Dân ôm gà vào xin mẹ cho đi chợ bán ..

Nghe con nói, Chị Tám ngẫm nghĩ một chốc rồi buồn bã gật đầu.

Được mẹ cho phép. Dân tìm giấy trói gà rồi chụp vội chiếc nón lát bung vành, lên đầu mà ôm gà chạy đi bán cho kịp buổi chợ cuối năm.

Đến nơi trưa rồi, chợ 30 Tết sẽ tan sớm, Dân phải xách gà đi nài nỉ bán.

Phần nhiều vật gì mà bán nài ép đều bị coi thường và hay bị nghi ngờ là vật không có giá trị, hoặc không cũng bị người mua bóp chẹt để trả rẻ. Vì vậy mà con gà của Dẫn chuyển tay 2, 3 người rồi mà chẳng bán được. Người thì chê gà ốm, kẻ nghi ngờ gà bệnh... cho đến khi Dẫn gặp hai người đàn bà ăn mặc đàng hoàng xách gà lên coi rồi bảo bán rẻ bà ta mua giùm cho.

Nghe có người mua, Dẫn mừng quá, trao gà cho bà mà không nói đến giá cả, Dẫn sợ

minh thách đắt quá rồi bà ta không thèm mua thì gạo đâu mà ăn Tết. Chẳng lẽ công trình chạy từ nhà ra chợ, bây giờ òm gà trở về lại hay sao. Nghĩ thế nên Dẫn làm thỉnh cho đến khi bà ta giục nhiều lần, Dẫn mới nói rằng tùy nơi bà chứ Dẫn không từng bán gà nên không biết giá.

Nghe Dẫn nói thế bà ta móc bóp đưa 3 tờ giấy bạc mười đồng. Thấy tiền ít quá nên Dẫn xin thêm để mua thuốc cho mẹ, nhưng bà ta khăng khăng từ chối, bà ta bảo rằng



chợ tan, gà bệnh ai cũng chê mà bà có lòng tốt mua giùm cho, nếu không bán bà ta sẽ trả lại.

Nghe nói thế, Dẫn vội xếp tiền bỏ vào túi rồi quay đi ngay. Vừa đi, Dẫn vừa thầm cảm ơn lòng tử tế của bà ta, chứ Dẫn có biết đâu, phía sau lưng mình, hai người mua gà nhìn nhau mỉm cười...

Cho tay vào túi giữ chặt tiền, Dẫn bước nhanh về phía hàng gạo.

Thầy thẳng bẻ rách rưới, hai tay không thọc vào túi, biết không phải khách hàng, cô hàng gạo gắt :

— Này ! tránh chỗ khác cho người ta buôn bán chứ đứng chằng ràng trước đây à !

— Tôi muốn mua gạo.

— Lấy gì mà mua ?

Tôi có tiền đây.

Nói xong, Dẫn rút ra xấp giấy bạc 10\$.

Vì ngượng với mấy câu kém lịch-sự của mình mà cô trở đề nói giọng :

— Lấy gì đựng gạo mà mua ?

Dẫn nhìn quanh một vòng

rồi lẩn tay mở nút áo của mình ra, nói :

— Cởi áo bọc gạo cũng được

Sau khi trả tiền gạo xong, Dẫn ôm bọc gạo ra tiệm mua thêm 1 chai dầu cho mẹ rồi rào bước về nhà.

Trời nắng gay gắt, mồ hôi chảy nhễ-nhại mà Dẫn không ngó nghĩ, nó cầm cúi bước nhanh. Trong đầu óc non nớt của nó đang chứa đựng bao nhiêu ý lạ. Nó định chốc nữa đây, bên mâm cơm ngon lành, nó sẽ kể lại cho mẹ nó nghe những câu chuyện ở chợ sáng nay.

Nghĩ đến những chuyện ấy, nó sung sướng chạy băng qua đường để được gặp mẹ sớm ; bỗng một người đang cỡi xe đạp chạy ngon tròn, gặp Dẫn băng ngang, chiếc xe tránh không kịp nên lao vào Dẫn. Cả xe và người đều ngã sòng soài trên mặt đất.

Trong khi Dẫn lúi thúi trở về thì bên chái bếp xiêu vẹo, chị Tám đang gượng dậy nhóm lửa nấu sắn mấy món ăn rồi đặt cẩn thận vào chiếc mâm gỗ trên bàn.

Hôm nay chị làm mấy món mà Dân thích nhất. Chị tưởng tượng đến cái miệng nhỏ nhắn của Dân chốc nữa sẽ nhai ngấu nghiến một cách ngon lành.

Bếp lửa đã cháy mạnh trở lại, chị Tám gát thêm mấy que củi rồi với tay lấy cái nồi ra rửa, vì chị đoán Dân sắp về. Chị định có gạo, chị sẽ nấu cho mau — để mẹ con chị đang đói — ăn một bữa cơm chiều 30 tết cho ngon lành.

Tâm phen lá động đây, chị Tám quay lại nhìn ra, mắt chị sáng lên vì thấy Dân dở líp lách mình vào.

Thoảng nhìn về mặt mệt nhọc và ngân nước mắt như còn ứ đọng trên rèm mi, nỗi hy-vọng tiêu-tan, chị vội hỏi :

— Gạo đâu ? Con không mua à ?

Nghe mẹ hỏi, Dân không trả lời được, bật lên tiếng khóc, rồi ném trên văng chiếc áo rách, vãi hạt gạo còn sót rơi ra...

Nhìn qua, Chị Tám chợt hiểu. Chị bậm môi để nén đi tiếng nấc.

Nước trong nỗi sôi sùng-sục rồi dần dần im tiếng lại. Chị còn nghe tiếng khóc tức-tưởi của Dân xen lẫn tiếng thổ dài áo-nào của chị Tám liếc nhìn mâm ăn đặt sẵn trên bàn.

Tiếng chuông cúng tất-niên của những ngôi nhà lân-cận vô-tình ngân-ngã từng hồi dài gây thêm xót xa cho người chẳng biết có Xuân.

● THU-NHI.

* MAY

VỢ : Này mình, thằng nhỏ vừa bị ngã, đánh vỡ cả những chai rượu ở thang gác rồi đấy.

CHỒNG : Lúc nó trở lên hay trở xuống, hả mình ?

VỢ : Lúc nó quay trở xuống.

CHỒNG : Ồ ! nếu thế thì may quá ! Vì đó chỉ là mấy cái chai không !

LỮ - GIA
TRONG
LỊCH - SỬ
VIỆT - NAM

★ NGUYỄN-ĐỨC-CUNG

● TRẦN-VINH-ANH

(Tiếp theo P.T. 95)

CHÚNG tôi xin ngừng công việc điềm qua ý kiến của các nhân chứng, vì ông Đào-đăng-Vỹ đã yêu cầu Tòa xem « Vấn đề tiền quyết đã được đặt ra và giải quyết xong rồi » (nghĩa là nhà Triệu và Lữ Gia đương nhiên thuộc vào lịch-sử Việt-nam) để trở lại mục tiêu chính của phiên Tòa. Và ông Nghiêm-Thâm đã nhận danh Chánh án tuyên bố :

« Phiên Tòa ngày hôm nay xử

việc Lữ-Gia, một nhân-vật lịch sử Việt-Nam ».

Lữ-Gia là một nhân-vật lịch-sử Việt-Nam ! như thế ông cũng chẳng khác gì các vị anh hùng Việt-nam như Trần-Hưng-Đạo, Lê-Lợi, vì hai vị này cũng là hai nhân-vật lịch-sử Việt-nam. « Tòa án văn-ngệ » đã quả quyết như vậy, chúng tôi thiết tưởng nên ngừng bàn về « quốc tịch Triệu-Đà và Lữ-Gia », để quay sang xét thử « thẩm quyền » của Tòa

án này và ý-nghĩa về việc làm của họ.

Đối với chân lý lịch-sử không phải chỉ những nhà khảo cứu chuyên môn về lịch-sử, những người suốt đời chú trọng vào những sự kiện thuộc về quá khứ mới có quyền nói đến. Cũng như việc luận công định tội một nhân vật lịch-sử không dành riêng cho một ai, mà là quyền chung của mọi người. Tuy vậy quyền ấy nói này không phải được đem ra dùng một cách bừa bãi, mà lại đòi hỏi nhiều công phu tìm tòi, khảo chứng nơi người sử dụng quyền đó. Và vấn đề tiên quyết là phải căn-cứ vào tài liệu khi muốn xác nhận hay chối bỏ một sự kiện hoặc một trường hợp lịch-sử. Tầm quan-trọng của tài-liệu trong sử học đã được Ch. V. Langlois nói đến : « L'histoire se fait avec des documents. » (1) Và ở một chỗ khác Langlois còn quả quyết rằng : « Faute de documents, l'histoire d'immenses périodes du passé de l'humanité est à jamais inconnaissable. Car rien ne supplée

(1) CH. V. LANGLOIS, CH. SEIGNOBOS — Introduction aux Etudes Historiques. P. 1-2. Paris, Librairie Hachette et Cie, 1898.

aux documents : pas de documents, pas d'histoire. » (1)

Nhận định như vậy cho nên trên nguyên tắc chúng ta có thể tạm đồng ý rằng « Tòa án văn nghệ » có thẩm quyền bàn đến công và tội của Lữ-Gia. Điềm qua những nhân vật tham dự « Tòa án văn nghệ » do Tuần san Văn-Đàn tổ-chức, chúng ta thấy hầu hết đều là những người có uy-tín, có tên tuổi trong làng văn, cũng như trong giới khảo-cứu, họ gồm cả hai lớp người, tân và cựu học. Chúng ta đã đặt nhiều hy vọng vào họ, nhưng sự thực mọi người đều bị thất vọng vì đường lối làm việc phản khoa-học của phiên Tòa này. Sau đây là một dẫn chứng.

Ông Nghiêm-Thầm, Chánh-án « Tòa án văn nghệ » đã mở đầu phiên tòa bằng câu nói : « Mai trưa hôm nay tôi mới được ông Phạm-dình-Tân cho biết chương trình buổi họp này. Tôi không có nhiều thì giờ để sửa soạn, tôi chỉ mới kịp đọc qua được ít tài liệu. »

Tình trạng của ông chánh án cũng thấy xảy ra cho ông luật sư Thái-Bằng. Chính ông Thái-Bằng đã than thở : « Đáng

lẽ tôi phải xin tòa hoãn phiên xử hôm nay lại tám ngày theo đúng kiểu các tòa án thường bởi vì mãi đến chiều nay tôi mới được tham khảo hồ sơ nội vụ, và cũng chỉ có rất ít thời giờ để làm việc hệ trọng ấy. »

Một việc hệ trọng đến nỗi cần phải lập một tòa án để xét xử, vậy mà hai nhân vật quan trọng của phiên tòa lại chỉ được chuẩn bị hồ sơ trong vài tiếng đồng hồ, thử hỏi tinh thần làm việc như vậy có đáng cho chúng ta trông cậy không ? Nhiệm vụ của ông chánh án bắt buộc ông phải biết rõ ràng về mọi vấn đề thuộc vụ án mình xét xử, thế mà ở đây đầu chưa chuẩn bị chu đáo, ông Nghiêm-Thầm vẫn cứ ngồi vào ghế chánh án. Thái độ của ông chánh án Nghiêm-Thầm đã khiến chúng ta nghĩ rằng chính ông cũng không ý thức được tầm quan trọng trong việc duyệt lại vụ án Lữ-Gia.

Nhiệm vụ của luật sư đòi hỏi khá nhiều thì giờ để soạn thảo công việc. Ông Thái-Bằng cũng biết thế nhưng lại vẫn liều lĩnh đứng ra biện hộ cho

Lữ-Gia. Lý do thúc đẩy ông Thái-Bằng hành động như thế thật là giản dị : ông chánh án cũng ở vào hoàn cảnh tương tự như ông — thiếu thì giờ tham khảo hồ sơ.

Chúng tôi thấy có một sự mâu thuẫn là trong khi vị chánh án và một luật sư lâm vào tình trạng đáng buồn như trên, thì ông đại diện công tố viện và một luật sư khác đã phải nghiên cứu tài liệu trong gần 4 tháng.

Hẳn đọc giả đã thấy rõ đường lối làm việc lúng cùn của những người đứng ra tổ chức « Tòa án văn nghệ » kia. Và do đó chúng ta không lạ gì khi thấy mục đích của tòa án là để luận công tội của Lữ Gia mà những người trong phiên tòa đó lại đề quá nửa thời giờ cho việc bàn cãi về quốc tịch của Triệu Đà và Lữ Gia đề rồi cuối cùng lại từ chối việc nhìn nhận sự thật.

Do sự nhìn nhận Lữ Gia vào lịch sử Việt nam một cách gượng gạo mà việc làm của tòa án này mất hết ý nghĩa. Đành rằng việc luận công, tội của Lữ Gia là một việc ai cũng có quyền làm, nhưng không có gì vô lý cho bằng biết họ Lữ không

phải là người Việt nam mà lại mạnh dạn tuyên bố ông ta là « một nhân vật lịch sử Việt Nam » để rồi coi ông ta như một nhà ái quốc đầu tiên, một nhà cách mạng và cuối cùng là một anh hùng của dân tộc. Việc làm của « Tòa án văn nghệ » sẽ có ý nghĩa nếu ai cũng sáng suốt tham dự phiên tòa một cách vô tư ; nghĩa là tất cả mọi người đều cố gắng tìm tòi và đưa ra những bằng chứng để nhìn nhận Lữ Gia vào lịch sử Việt-Nam, chứ đừng dùng lối lý luận tình cảm như chúng ta đã thấy.

Sử-học là một khoa học, nó tách ra ngoài văn học và nghệ thuật. Chúng ta phải khảo cứu lịch sử với một tinh thần hoàn toàn khoa học, với những phương pháp, những quy luật mà người ta đã đặt ra, mới có thể đi đến chân lý được. Và do đây lập một « Tòa án văn học » để phúc khảo một sự kiện lịch sử thì thật là đã làm một việc thất sách.

Chúng tôi đã bàn luận về thẩm quyền của « Tòa án văn nghệ » và cũng đã xét qua ý nghĩa việc làm của phiên tòa đó ; bằng vào tất cả những gì đề cập đến trong bài này, chúng tôi phủ nhận giá

trị bản án của Tòa án nói trên.

Chúng tôi chủ trương : Triệu Đà và Lữ-Gia là người Tàu. Với tư cách là người dân Việt-Nam có lòng tự trọng và biết nhận xét, chúng tôi từ chối việc nhìn nhận Triệu Đà và Lữ Gia vào lịch sử của nòi giống Việt - Nam. (Chúng tôi còn nhận Lữ Gia là một kẻ anh hùng, có tài, một người đã hy sinh cho nước Nam Việt). Chúng tôi sẵn sàng nêu ra những bằng chứng để mọi người nhận thấy Triệu Đà và Lữ-Gia là người Tàu. Và bằng chứng chúng tôi dẫn ra đây để chấm dứt bài này sẽ chứng tỏ rằng chúng tôi không nói vô căn cứ.

Sách Đại Việt Sử - ký Toàn thư (1) chép rằng :

« (Đinh Hợi, tứ thập tứ niên, Tần-thủy-Hoàng tam thập tam niên) Tần phát chư đạo phụ vong nhân chuế tể, mại nhân, vi binh ; sử Hiệu Úy Đồ Thư tương lâu thuyền chi sĩ ; sử Sử-Lộc giám cử vận lương thâm nhập Lĩnh-nam, lược thủ Lục - Lương địa ; trí Quế-lâm (kim Quảng-tây, Minh-quý huyện thị dã) Nam-hải (tức kim Quảng-đông) Tượng quận

(1) Quyển I, tờ 8a.

(tức An-Nam) ; dĩ Nhâm Ngao vi Nam-hải Úy, Triệu Đà vi Long xuyên Lệnh (Long-xuyên, Nam-hải thuộc huyện)...»

Tạm dịch : (Đinh Hợi năm thứ bốn mươi bốn, năm ba mươi ba đời Tần-thủy-Hoàng) Nhà Tần bắt các kẻ lang bạt trồng các đạo, kẻ ở rề, người buôn bán ra làm lính ; sai quan Hiệu Úy là Đồ Thư đem quân lâu thuyền ; khiến Sử-Lộc coi việc vét sông và chở lương thực ; đi sâu vào đất Lĩnh nam, lấy đất Lục lương, đặt ra Quế lâm (nay là huyện Minh quý thuộc tỉnh Quảng tây), Nam hải (nay là Quảng đông), Tượng quận (tức là An-nam). Đặt Nhâm-Ngao làm Úy ở Nam-hải, Triệu Đà làm Lệnh đất Long-xuyên (Long xuyên là một huyện thuộc Nam-Hải)..

Đoạn sử vừa trích dẫn đã cho chúng ta biết Triệu Đà là người Tàu, làm quan cho nhà Tần ở Nam-hải, với chức Lệnh. Một đoạn sử khác sẽ chứng minh một cách mạnh mẽ Triệu Đà thuộc về Hán-tộc. Sử thuật lại rằng vào Năm Ất-Tỵ, tức 196 trước kỷ nguyên, Cao-đế nhà Hán sai Lục Giả sang phong cho Đà làm Nam-Việt vương.

Chuyện Lục-Giả (1) chép rằng :
« ... Lục sinh chí, úy Đà thời

(1) SỬ-KÝ : q. 97, tờ 5 - 6.

kết cơ cứ kiến Lục sinh. Lục sinh nhân tiến thuyết Đà viết : « Túc hạ Trung quốc nhân, thân thích côn đệ phần mộ tại Chân định ; Kim túc hạ phản thiên tính, khí quan đại dục dĩ Âu chi Việt dữ thiên tử kháng hoành vi địch quốc, họa thả cập thân hĩ... »

Tạm dịch : Lục Giả đến, Đà ngồi xồm tiếp Lục Giả. Giả nhân đây nói với Đà rằng : Ngai vốn người Trung quốc, thân thích, con cháu, phần mộ ở tại Chân định, Nay ngài phản lại thiên tính, bỏ mũ đai, muốn lấy cả Âu, Việt cùng thiên tử chống cự làm thành nước thù địch, thì chắc là họa đến thân...

Lục-Giả là người Tàu, biết rõ về lai lịch của Triệu-Đà, đã cho chúng ta biết Triệu - Đà là « Trung-quốc nhân », thiết tưởng không có nhân chứng nào giúp chúng ta xác nhận quốc tịch của Triệu-Đà đáng tin cho bằng ông.

Sử liệu đã làm chứng rằng Triệu-Đà là người Tàu, mà giải quyết xong trường hợp Triệu-Đà tức là giải quyết xong trường hợp Lữ-Gia. Ghi nhận cuối cùng của chúng tôi :

LỊCH-SỬ LÀ LỊCH-SỬ VÀ
LỮ-GIA LÀ NGƯỜI TÀU.

● N.Đ.C

NGƯỜI VŪ
 • TRỤ
 VIẾT BÀI
 THƠ
 KHÔNG GIAN

★ Thiệu - Sơn

HAI nước Nga, Mỹ đương mở ra những cuộc thi-đua ngoạn-mục. Mà ngoạn mục nhất là cuộc thi đua phóng người lên không-gian. Nga có Gargarin, Titov lại mới thêm Nikolayev và Popovich. Mỹ có Glenn, Carpenter lại mới thêm Shirra. Gần đây, mỗi khi sắp sửa phóng người lên không-gian, Nga cũng như Mỹ đều kêu gọi đối-phương tạm-ngưng thí-nghiệm nguyên-tử trên không-trung vì sợ làm chết người không-gian.

Nga cũng như Mỹ đều thi-đua làm quân-tử, chẳng những tạm ngưng thí-nghiệm nguyên-tử mà còn chúc cho người không-gian của nhau thành-công mỹ-mãn.

Mặc dầu sự đố-ky vẫn là

chứng-bịnh cồ-diễn của loài người, hai đại-cường phải có thái-độ xứng đáng trước những dư-luận của nhơn-loại. Những thắng lợi trong cuộc chinh-phục không-gian không phải là thắng lợi riêng của Nga hay của Mỹ. Đó là những thắng-lợi của loài người và tất cả loài người đều phải hoan-hô cồ-vô.

Người ta đã lặn sâu hơn cá, đã bay cao hơn chim, nay lại xâm-nhập vào khoảng không vô-tận để mở đường lên nguyệt-cầu và những hành-tinh khác trong vũ trụ kè thật là vĩ-đại, phi-thường, không hoan-nghinh sao được?

Trình-độ khoa-học mà người ta đã đạt được chứng tỏ những khả-năng vô-tận của con người.

Nhớ lại nhà triết-học Pascal ở thế-kỷ XVII đã nói : « sự im lặng của không-gian vô-tận làm tôi hoảng-sợ. » Ông hoảng-sợ vì tư-tưởng của ông đã vượt khỏi áp-lực của địa-cầu với những cái nhỏ-nhen ti-tiện của con người để thông-cảm với vũ-trụ bao-la. Nhưng vũ-trụ im-lặng đã đè nặng lên tâm-hồn của ông làm ông hoang-mang hoảng-sợ.

Sự sợ-hãi của nhà triết-học tiền bối khích-thích óc tìm hiểu của những nhà bác-học tới sau. Và nhờ thế mà khoa-học không-gian nay đã phát-triển với tốc-độ phi-thường.

Chính người đồng thời với Pascal là nhà Bác-học Galilée đã khám-phá ra vị-trí của trái đất trong vũ-trụ, biết rằng có hình tròn và nó quay. Nhưng Galilée đã bị Tòa Án và Tòa Thánh lên án là tà-thuyết.

Tòa Thánh lên án rằng :

« Chủ-trương trái đất không nằm ở trung-tâm vũ-trụ, nó không ở yên một chỗ và nó quay là một chủ-trương vô-lý, hư-ngụy về triết-học và sai lầm về tin-ngưỡng. »

Galilée buộc lòng phủ-nhận lý-thuyết của mình trước Tòa Án nhưng trong thâm-tâm vẫn

tin-tưởng rằng mình đã nắm được chân-lý.

Cái chân lý đó được người sau khai-thác triệt-đề đề lần lần đi tới những cuộc khám-phá không-gian như ta được chứng-kiến ngày nay.

Như vậy thì cả Nga lẫn Mỹ đều đã thừa hưởng rất nhiều những phát minh của người trước. Họ chỉ có ưu-thế về kỹ-thuật và phương-tiện. Khoa-học không-gian là công-trình chung của nhơn-loại. Nó không phải là độc-quyền của một nước nào.

Ngồi trong thuyền không gian Mỹ hay ngồi trong tàu vũ-trụ Nga những người không gian của hai nước phải được coi như những vị sứ giả của loài người đã được trí óc và khả-năng của loài người đưa tới những khoảng tuyệt vời để khám phá những bí mật còn chứa đựng trong thái không vô-tận.

Đầu hôm sớm mai tên tuổi họ vang lừng khắp năm châu và chính bản thân họ cũng thấy nhiều thay đổi. Họ hành diện được sống những giờ phút phi thường ở trên tất cả mọi loài trong thiên hạ. Rồi có phải chết thì họ cũng được chết ngoài thế tục. May mà được sống thì họ cũng sống mãi với những kỷ-niệm siêu-phàm.

Văn Pháp có chữ *terre à terre* để chỉ những cái gì là trên mặt đất, những cái gì tầm thường, thô-bi ở con người.

Những người không-gian nhứt định không *terre à terre*. Họ đã vượt biên-cương của xứ họ và vượt khỏi áp-lực của địa-cầu. Bởi thế nên sau khi trở về trái-đất họ mới tìm kiếm để gặp nhau. Họ không còn là người Nga hay người Mỹ. Họ là những người không gian hiện nay chưa đầy chực mạng. Sau những cuộc du hành không-gian như thế họ không thể còn có óc kỳ-thị chủng-tộc, có óc quốc-gia hẹp-hòi, họ phải ghét chiến-tranh và tha-thiết với hòa bình. Họ sợ chiến-tranh sẽ giết tất cả và giết luôn người vũ-trụ. Hòa-bình cần phải được củng-cố để bảo-vệ loài người vì loài người còn phải tiếp-tục thám-hiềm không-gian.

Mong rằng những ông Kennedy và Krchutchev và những nhà lãnh đạo quốc gia trên thế giới chịu khó tìm hiểu để học tập ở những người không gian để cho nhân loại tránh được cảnh tương tàn và để cho địa-cầu còn là trạm đầu tiên cho những cuộc du-hành trong vũ-trụ.

Mong rằng các ông cũng được

cảm-hóa phần nào để vượt khỏi áp-lực của địa-cầu và bớt *terre à terre* cho thiên-hạ được nhờ.



Một người không-gian Mỹ, thiếu-tá Carpenter khi sắp được đẩy lên không-gian đã nói: « Ngày đó là ngày tối-đại của đời tôi. Tôi nhớ lại khi cha tôi sắp chết, ông đã nói với vị lương-y của ông rằng: « Rồi đây tôi sẽ biết sự bí-mật tối-đại ». Ngồi trên danh hỏa-tiến Atlas hôm nay tôi cũng có cảm-tưởng rằng tôi sẽ khám-phá được sự bí-mật tối-đại ». Một thế hệ trôi qua mà con người đã bỏ nhau xa lác.

Người cha phải chờ tới phút chót của đời mình mới dám nghĩ rằng mình sẽ khám phá được cái bí mật tối-đại ở thế-giới bên kia. Nhưng người con ngay từ hồi còn niên tráng lực cường đã được tìm hiểu cái bí-mật tối-đại của loài người. Người cha đi rồi đi luôn và cũng chưa chắc được thấy những gì ở thế-giới bên kia. Những cảnh địa-ngục âm-u, những cảnh thiên-đàng rực-rỡ, những qui-sứ, thánh-thần và tiên-nữ chỉ do óc tưởng tượng được nuôi bằng thần-thoại, cổ tích, tín ngưỡng và dị-đoan.

Chính thi-hào Lamartine cũng cho mình là một thiên-tiên mắc kẹt bị giam hãm dưới cội phạm-trần và chỉ được giải-thoát sau khi hồn đã lia xác mà bay về Thượng-giới.

Ông đã viết:

Borné dans sa nature, infini dans ses vœux,

L'homme est un ange déchu qui se souvient des cieux.

Bản-chất mù tối, nguyện-vọng bao la.

Người là một thiên-tiên mắc kẹt, vẫn cánh cánh trong lòng nhớ tới cội cữu tiên).

Nhà thi-sĩ được nuôi dưỡng trong giáo-lý lại chan-chứa hồn thơ nên ông vừa khiêm-tốn, vừa tự cao, vừa chịu kiếp đọa-đày và vừa dễ lòng ở gần bên Thượng-Đế. Nhưng ông cũng đành chờ cho tới ngày thoát xác. Ngày đó ông mới sẽ trở về trời.

Tin theo lời Chúa nhà thi-sĩ không quên nguồn cội của mình là do Chúa tạo ra nhưng cũng nhìn nhận con người ngu tối, thiên cận, nhiều dục vọng nên cần phải khiêm tốn, nhỏ nhoi để

dọn mình thờ Chúa.

Ông cũng ngoan đạo như tất cả những người ngoan đạo và có ngoan đạo mới biết sống cao thượng, thoát khỏi áp-lực của thế tục và nhân-gian.

Dầu chỉ thoát tục bằng tinh thần thì đời sống cũng cao đẹp.

Nhưng trước đây 2000 năm chính Chúa là một người tiên-giác, đã có những tư tưởng tiến bộ mà người đồng thời không thể dung nạp được nên đã phải giết Chúa một cách dã-man và oan-uổng vô-cùng.

Nhưng trong 2000 năm nay loài người đã tiến-bộ rất nhiều, đã làm nhiều cuộc cách-mạng trong mọi địa-hạt tư tưởng khoa-học, chánh-trị và xã-hội.

Nếu chúa tái-sanh chắc cũng phải nhìn-nhận như vậy và sẽ có những nhân-sanh-quan và vũ-trụ-quan khác trước.

Bây giờ người ta đã có cách thoát khỏi áp-lực của địa-cầu, người ta đã không nhứt định phải sống là-là trên mặt đất thì người ta có thể bay bổng tuyệt vời để ngó xuống cội trần thấp thỏi và nhỏ bé biết bao nhiêu. Người đã khám-phá nguyệt-cầu mà không thấy Hằng-Nga. Người

ta đã khám phá đại-dương mà không thấy Long - Vương cùng Thủy điện.

Người ta đã xâm nhập thượng giới mà không thấy tiên nữ với Thiên-Cung.

Những giấc mộng siêu-phàm đã tan ra từng mảnh. Khoa học đã lấp mất nguồn thơ. Nhưng khoa-học đã khai thông nguồn mới. Khoa-học đã đưa người lên không gian để cho ta thấy sự phối hợp chặt chẽ giữa thể xác và linh-hồn. Ta không cần phải thoát xác mà cũng được bơi lội trong không gian vô tận để khám phá những gì ở thế giới bên kia.

Xác thịt này hết còn là ngọc tối để giam hãm linh-hồn.

Trái lại chính nó là căn cứ duy nhứt của linh hồn và nó đã phục vụ linh hồn với tất cả những khả năng của nó. Thể xác tiêu trầm thì linh hồn cũng hết nơi trú ẩn, không có thiên đàng mà lên, không có địa ngục mà xuống.

Vậy thì thể xác của ta không còn có thể gọi là xác phàm được nữa. Nó vẫn có những đòi hỏi phàm tục nhưng nó cũng siêu phàm khi nó bay lên không gian hay nó đi linh hồn thông cảm với linh hồn người vũ-trụ.

Hồn với xác nay chỉ là một.

Nó là tất cả. Nó là con người. Con người đó đã ăn lông, ở lỗ, sống như thú-vật nhưng đã tiến xa hơn thú vật sau khi đã chinh phục được thiên-nhiên, chinh-phục được hoàn-cầu và đương thám-hiểm không-gian để chinh-phục vũ-trụ.

Không có lý sau bao nhiêu thắng-lợi vĩ-dại như trên mà con người còn giữ hoài thú-tánh, không chịu khắc-phục bản-thân để cho lòng mình cũng thanh-khiết, cao-cả và rộng-rãi như người không-gian đang bay trong vũ-trụ.

Văn-minh ở trước mặt ta chứ không ở sau lưng ta.

Ở sau lưng ta là dĩ-vãng tối-tăm, là đời sống thú-vật, dã-man, bộ-lạc, phong-kiến, ích-kỷ, hẹp-hòi, giả-dối và ngu muội.

Trước mặt ta là ánh sáng, là tiến-bộ, là tương-ái, tương-thân, là đoàn-kết và đại-dồng, là hoàng kim thời-dại.

Người vũ-trụ đã viết được bài thơ không gian. Nhưng bài thơ không gian vẫn là bài thơ của nhân-loại.

● THIỆU-SON



NHẬT-BẢN
v ớ i h o a
anh - đ ào

★ Nông-Băng-Giang
(Tokyo)

MỖI năm cứ đến ngày Phật-Đản, mừng 8 tháng tư dương-lich (theo người Việt thì là ngày mừng 8 tháng tư âm lịch), thì ở các chùa miếu thay vì gọi là ngày lễ Phật-Đản, người Nhật lại gọi là ngày lễ Hoa. Đến ngày ấy, ở các chùa miếu đều trang hoàng nhiều hoa thơm muôn sắc. Những người đến lễ phải rửa tay bằng loại nước lạnh, nước Phật ở trước cổng chùa, và lúc vào lễ họ thường được uống một cốc trà-ngọt (trà-đường). Ngày

nay ở trước mỗi cổng chùa, đền, ngày lễ hoa thường có trang hoàng những cành hoa Anh-Đào giả, và nghi lễ cũng được hành lễ trong sự yên lặng. Trái lại đối với dân chúng thì Lễ hoa đã được xem như là một tập quán, và họ rất lấy làm thích thú lắm, và họ lại xem đấy như là ngày lễ xem hoa Anh-Đào vậy. Ở Tokyo, trong suốt tháng tư dương lịch, ở khắp nẻo đường đều có trang trí hoa Anh-Đào, họ cắm những cánh hoa Anh-Đào giả dọc theo đường phố, ở các nhà ga xe điện, ở các hiệu buôn lớn...

Thú thưởng hoa Anh-Đào của người Nhật thật là kỳ thú. Tất cả mọi người, không riêng gì già trẻ, mà từ đứa bé lên ba cho đến những người trên 70 tuổi, đều mê thích hoa Anh-Đào. Họ đến những khu nhiều hoa Anh-Đào nở, mang theo cả rượu thịt bánh trái, và quây quần ngồi từng nhóm dưới tàng hoa Anh-Đào, vừa uống rượu vừa vui hát. Trong họ có vẻ vui sướng ghê lắm, họ mang theo cả đĩa hát rồi hộp nhau nhảy múa những bản nhạc dân vũ. Sinh

viên ở các trường mỹ-thuật thì lại nhân dịp này mà tha hồ lấy đề tài, họ ôm giá vẽ đến những nơi hoa Anh-Đào nở, và mê say ở xđụng màu sắc. Các cô các cậu thì lại vui thưởng hoa Anh-Đào, tình tứ và say đắm hơn bao giờ hết. Họ khoác tay nhau đi len vào những gốc hoa Anh-Đào vắng người, có thể xa thành phố, hoặc đưa nhau đi chơi thuyền trên hồ rộng. Và lãng mạn hơn nữa, các cô các cậu thường nhặt những cánh hoa Anh Đào rơi rụng ép vào trang sách để gửi cho nhau, trên những cánh hoa Anh Đào ép ấy lại có những chữ yêu yêu, nhớ nhớ. Một điều lạ là người Nhật rất mê thích hoa Anh Đào, nhưng không bao giờ họ hái hoa Anh Đào, ngay đến trẻ con, tuyệt đối cũng không nghịch phá bằng cách hái hoa Anh Đào để chơi.

Một số người khác mê thích hoa Anh Đào đến nỗi không ngần ngại gì về chuyện phải bỏ xa thành phố Tokyo để đi Kyoto, hoặc Hakkone để xem hoa Anh Đào nở. Vì ở hai vùng này có hoa Anh Đào rất đẹp, nhất là

thành phố Kyoto, cứ đến mùa hoa Anh Đào nở thì đường như cả thành phố khoác chiếc áo trắng xinh đẹp. Trong những ngày ấy nếu có chuyện phải đi Kyoto, thì không gì khổ thân bằng chuyện phải chen lấn trên xe điện để lấy cho được một chỗ ngồi. Những chuyến xe tốc-hành đặc-biệt đi Kyoto đã hết chỗ từ hai tuần trước, mặc dầu đường đi Tokyo-Kyoto chỉ cách nhau độ 500 km, và mỗi ngày có trên 8 chiếc xe điện tốc hành đặc biệt loại ấy. Còn những chuyến xe tốc hành loại thường cứ tính trung bình độ hơn 30 phút có một chuyến, nhưng dù thế nào chẳng nữa cũng phải khó khăn lắm mới tìm được một chỗ ngồi. Khu hoa Anh Đào đẹp nhất ở Kyoto có thể nói là ở Gion, và ở Kyomizu. Kyomizu ở trên đồi núi, và hoa Anh Đào nở ở đây làm trắng xóa cả một khu đồi rộng, nếu được khoác tay một người đẹp đi len vào những con đường nhỏ quanh đồi dưới những tàng hoa Anh-Đào rộng thì không có gì vui thích hạnh phúc bằng. Ngoài ra thành phố Kyoto, còn có vùng Arashiyama, và Saga cũng là hai nơi có nhiều hoa Anh Đào đẹp. Ở những

vườn hoa Anh Đào (Sakurano Sono) như ở Nara hoặc Kyoto, Hakkone... chúng ta thấy có hàng ngàn cây Anh Đào xinh đẹp. Cùng với cái thú thưởng hoa Anh Đào ấy, ở Nhật-bản cũng như ở Mỹ... cứ đến mùa hoa Anh Đào họ còn bày ra cái trò chọn hoa hậu hoa Anh Đào. Đấy cũng là một lối mê hoa và chơi hoa nhĩ!

Các loại hoa Anh Đào

Cũng như hoa Lan, hoa Mai, hoa Hồng... hoa Anh Đào có đến hàng chục loại khác nhau. Ngay như trong công viên Fuji-Hakkone-Izu, người ta đã phân biệt được hơn hai mươi ngàn loại hoa Anh Đào. Nhưng năm 1681, trong cuốn sách khảo-cứu về hoa Anh Đào của tác-giả Motokatsu Mizuno, thì có đến 40 loại hoa Anh Đào khác nhau. Nhưng mãi đến năm 1713 thì cũng một nhà khảo cứu khác về hoa Anh Đào lại cho biết thêm rằng có tất cả 55 loại hoa Anh Đào. Gần đây nhất, một nhà khảo cứu khác lại cho biết rằng ông đã tìm ra được hơn 400 loại hoa Anh Đào. Đấy là hoa Anh Đào dưới mắt những

nhà khảo-cứu chuyên môn, còn hoa Anh Đào dưới con mắt thường của người bình dân thì có thể phân biệt được dễ dàng 16 loại như sau :

- 1.— Hoa Anh Đào Yama-Zakura
- 2.— Hoa Anh Đào Yoshino-Zakura
- 3.— Hoa Anh Đào Ito-Zakura (Prunus pendula)
- 4.— Hoa Anh Đào Higan-Zakura (Prunus subhirtella)
- 5.— Hoa Anh Đào Kan-Zakura (Prunus campanulata)
- 6.— Hoa Anh Đào Mame-Zakura (Prunus ineisa)
- 7.— Hoa Anh Đào Hime-zakura (Prunus pogostila)
- 8.— Takane-zakura (P. Mi-queliana)
- 9.— Hoa Anh Đào Takasago-Zakura (P. Formosna)
- 10.— Hoa Anh Đào Niwa-Ume (P. japonica)
- 11.— Hoa Anh Đào Yasura-ume (P. tomentosa)
- 12.— Hoa Anh Đào Musa-Zakura (P. taiwaniana)
- 13.— Hoa Anh Đào Karakuni-Zakura (P. glandulifolia)
- 14.— Hoa Anh Đào Shiro-

Zakura (P. marimowiczii)
15.— Hoa Anh Đào Meiji-ro-Zakura (P. cerasoides)

16.— Hoa Anh Đào Shima-Sumomo (P. kawakamii)

Những cây Anh Đào xinh đẹp ở Nhật bản: cây Anh Đào Usuzumi-Zakura: có chiều cao đến 8 thước, ở vùng Gifu, cách Tokyo độ hơn 300 cây số.

— Cây Anh Đào Shidarezakura: ở làng Nakazato, vùng Fukushima, cao độ 9m50.

— Cây Anh Đào Jindai-zakura: có thể nói là cây Anh Đào cao nhất Nhật bản, 10m50.

— Cây Anh Đào Kiku-zakura: có những cánh hoa thật nhỏ, trắng đẹp, cao độ 9m.

● Hoa Anh Đào đối với thi-sĩ Nhật-bản

Nhật bản thường được người ngoại quốc khen tặng, và gọi nước Nhật là xứ hoa Anh Đào (The Land of the Cherry-Blissoms). Điều ấy cho chúng ta hiểu rằng Nhật bản có rất nhiều hoa Anh Đào, đâu đâu cũng có màu sắc của hoa Anh Đào, và màu sắc ấy được tất cả mọi người đón nhận với tất cả tình nhiệt. Chúng ta có thể tìm thấy những

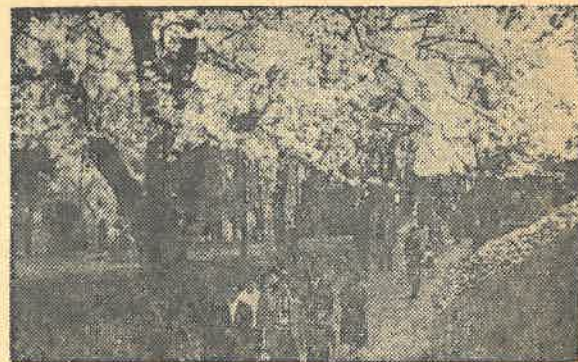
cảm tình ấy trong lối thưởng hoa Anh Đào của họ, và hơn thế nữa chúng ta còn thấy được những cảm tình ấy trong thơ văn của họ.

Những thi sĩ Pháp thường đem tình cảm của họ gói trọn vẹn trong màu sắc hoa Hồng, từ Ronsard, cho đến A. De Musset, Malherbe, Delille, Mme Dufrenoy, TH. Gautier, Lamartine... đều lộng vào trong hương sắc hoa Hồng một cảm tình thương yêu. Mà trong những thi sĩ Pháp, Việt, Anh, có thể không nói thi sĩ nào mê say hoa Anh Đào bằng Thi-sĩ Nhật-Bản. Họ nói đến hoa rất nhiều nhất là hoa Anh-Đào. Thi-sĩ nổi danh trong thời đại Meiji (Minh-trị) đã khóc thương cho hoa Anh Đào không phải là ít. Thử xét một vài vần thơ đẹp của thi sĩ Shiki.

*Hoa Anh Đào rơi nhẹ,
Từng cánh Anh Đào rơi, rơi
nhẹ,*

Hai lần Anh Đào qua.

Nữ thi-sĩ Yosano-Akiko, một thi sĩ nổi danh trong thời, Meiji, có những vần thơ buồn nhẹ nhàng.



Công viên Chichibu Nagatoro

*Cánh Anh Đào cuối cùng
lìm lìm chết, mùa xuân đi qua
Lòng thoáng buồn lệ sa.*

Nữ sĩ Akiko khóc thương cho hoa Anh Đào thì ít mà tự khóc thương cho nữ-sĩ nhiều hơn, không phải chính vì những cánh Anh Đào cuối cùng đã làm cho nữ sĩ buồn khổ mà chính tình yêu của nữ-sĩ đã làm nữ-sĩ băng khuâng nhiều hơn. Dù đang yêu mê say cuồng nhiệt, nhưng nữ sĩ vẫn lo ngại cho tình đầu dở dang.

*Khóc chiếc áo tình yêu,
Mà sao hồn vẫn buồn, băng
khuâng,*

Anh Đào mãi mãi vương ?

Thi-sĩ Rosodo Eiki tuy không lãng mạn bằng nữ sĩ Akiko, nhưng cũng cho chúng ta một

tâm sự buồn nhẹ nhàng trong những ngày đầu, tình yêu biết bao giờ trở lại.

Anh Đào nở trong đêm,

Làm động hồn tôi những buổi đầu,

Giã biệt lòng thất đau.

Người yêu đã ra đi để lại trong lòng thi sĩ một kỷ niệm đẹp mà chính kỷ niệm ấy đã làm cho thi sĩ như điên như dại, đi mãi trong đêm lạnh để tìm lại những ngày qua.

Bên tôi không người yêu,

Đi hoài trong đêm lạnh, im lìm,

Gió nhẹ Anh Đào rơi.

Trên đây là những bài thơ thuộc loại Haiku (hài cú) ở thời đại Meiji. Loại thơ Haiku này rất giản dị, tất cả bài thơ chỉ có ba câu gồm 17 chữ. Sự sắp đặt của những chữ ấy theo thứ tự 5, 7, 5 chữ ở mỗi câu. Theo thể thơ Haiku này không có luật bằng, trắc, và về cách gieo vần cũng không cần, điều cốt yếu là làm thế nào để có thể tóm thâu tình ý vào trong ba câu thơ theo sự sắp đặt 5, 7, 5 thôi. Trong thơ văn Nhật bản ngoài loại thơ thể Haiku, còn có loại thơ thể Tanka (đoản ca), cũng là loại thơ rất thường thấy trong văn thơ Nhật

bản ở thời đại Meiji (Minh-Tri). Loại thơ Tanka cũng không theo quy luật bằng bằng trắc trắc, hoặc về cách gieo vần, tất cả gồm có 31 chữ (có nghĩa là 31 âm), năm câu sắp đặt theo thứ tự 5, 7, 5, 7, 7 chữ mỗi câu.

Trong thể thơ Tanka này chúng ta cũng thấy một vài thi sĩ đã dùng hoa Anh Đào để nói lên tâm sự của họ. Thi sĩ Kitahara trong bài thơ Anh Đào.

Hoa Anh Đào trắng nhỏ,
Vương trên tóc đẹp huyền thơ thướt,

Mắt đẹp tình ngắt ngây.

Rồi những mùa xuân nhẹ đi qua,

Thư viết cho người lệ thấm rơi.

Thú chơi hoa thì có thể nói không một dân tộc nào không mê say, và trong cái thú chơi hoa ấy ở mỗi địa phương lại khởi xướng một phong trào chơi hoa riêng biệt. Đồng thời với sự phân biệt địa phương, thú chơi hoa còn tùy theo tuổi tác, không khí xã-hội nữa. Các cụ già thì mê say hoa Lan, người đứng tuổi thì mê hoa Mai, hoa Đào, nhưng người đang yêu thì mê hoa Hồng, sắc hoa Ty-Gôn, cánh Immortel và đa số học sinh, sinh viên thì mê màu

hoa Phượng vĩ. Trong lối thưởng hoa và chơi hoa của người Nhật, hoa Anh Đào mới chính là hoa đất nước đối với họ. Dù cho người mê thích hoa Anh Đào đến như thế nào chẳng nữa cũng không thể nào mê mê lấy hoa Anh Đào được, như lời của một nhà văn lãng mạn ở Saigon: «Tôi không thể nào ngủ được nếu không có hoa Lan trong phòng tôi.»

Những ngày đầu của mỗi niên học, cứ mỗi lần trông thấy màu trắng hoa Anh Đào phủ lấy công viên đại học, hồn dâng lên một niềm vui rạo-rực. Tôi đã mê say hoa Anh Đào trong những mùa xuân qua, nhưng những cánh hoa trắng nhỏ xinh xinh ấy không làm cho tôi quên được màu đỏ thắm trong những ngày hè ở Saigon. Mà quên làm sao được màu đỏ thắm nhiệt tình ấy, màu hy vọng của thanh thiếu niên và là màu máu của dân-tộc. Với tất cả những thiên tính ấy thì tại sao tất cả mọi người không mê thích nó, lại mê thích những cánh hoa Hồng, Lan, Thủy tiên, Thược dược... Riêng đối với tôi vẫn muốn hoa Phượng vĩ sẽ là Hoa đất nước đối với tất cả mọi người, để năm mươi năm

sau, chúng ta sẽ thấy những công viên hoa Phượng vĩ và màu đỏ nhiệt tình, màu hy vọng của tất cả mọi người sẽ phủ lấy đất nước chúng ta. Đến lúc bấy giờ không phải chỉ một vài thi sĩ như Anh Huy, trong bài thơ Lại Mùa Hoa Phượng, mà nhiều thi sĩ khác sẽ yêu màu Phượng vĩ nhiều hơn.

«Giờ đây lại đến mùa hoa phượng,

Mùa: đỏ rơi rơi khắp lối mòn,

Kẻ một ra đi cười nước mắt

Của người thành thị bé con con,

(Nhìn hoa mắt khuất ra mây bạc,

Chẳng biết bên kia nước vẫn còn).

Gió nhẹ mãi xui hoa rụng mãi:

Đầy trời, màu đỏ chảy từng cơn»

«Giờ đây lại đến mùa hoa phượng,

Mùa: đỏ bay bay khắp mọi trời.

Tim mãi trong hoa không thấy bạn,

Hoa buồn như những mảnh tim cô.

Mà thôi tôi viết thành thơ đây,

Đề gửi ra ngoài vạn dặm khơi.

Phượng vĩ đêm nay còn nở nữa,

Bao giờ cho hết máu đào rơi?

● Nông-Bằng-Giang



Bức thư PARIS

ăn Tết ở PARIS

★ NGUYỄN-VĂN-CỎN

BẠN thân mến,
Đầu Năm Quý
Mão, bạn hỏi tôi
« Tết » của người
mình ở Paris thế nào?

Năm ngoái, trong số Xuân
Thống, tôi có kể lại cách
Kiều-bào và tôi ăn Tết. Còn
năm nay?

Câu hỏi ấy làm cho tôi ngập
ngừng! Không phải năm nay
người mình không ăn Tết ở bên
Pháp! Năm nay cũng như năm
ngoái, Việt-Kiều cũng tổ-chức
ăn Tết, mỗi nhóm theo khuynh
hướng chính-trị của mình, nhưng
không ngoài ý niệm vọng về
Tổ-quốc. Nhóm « Pháp-Á thân
thiện » cũng có tổ-chức Tết tại
Palais d'Orsay. Lễ tự nhiên trong
những cuộc hội họp này đều có
diễn thuyết, ca hát, nhảy múa
và « nhảy đầm. »

Nhiều bạn đọc có bụng tốt
gởi thiệp chúc tôi « ăn Tết » vui
về. Xin thành thật cảm tạ.

Dẫu muốn hay không, dẫu xa
hay gần, tôi vẫn là người Việt-
Nam và Tết vẫn là Tết chung
cho cả dân-tộc, thế thì tôi cũng
đề tâm mừng Tết.

Ngày Mừng Một năm nay
đúng vào ngày thứ Sáu. Tôi xin
nghỉ ở nhà, vì từ thuở bé đến
giờ, bất cứ ở trong trường
hợp nào, ngày Mừng Một tôi
đều ở nhà. Thuở bé thì vui
chơi, lớn lên nghĩ đến những
người thân thuộc còn hay khuất!
Tuy đã có anh chị tôi ở Saigon
cúng « ông bà », nhưng lòng tôi
cũng bồi hồi tưởng nhớ. Tại

Paris tôi ở vùng ngoại ô « Porte
des Lilas » (Cửa Hoa Xoan). Ở
góc trời Tây này, trong lối xóm,
có lẽ chỉ có tôi là người Việt-
Nam, vì vậy ngày hôm nay, tôi
được yên lặng nghĩ đến bao
nhiều ân tình dang dở, hoài bão
triền miên.

Mấy hôm trước đã có hai ba
thiệp mời đi dự Dạ-hội Tết.
Nhưng than ôi! Cùng đồng thời,
các báo ở Thụy-sĩ và ở Mỹ-quốc
đã cho ra bản thống-kê « kết quả »
chiến-tranh tại Miền Nam Việt-
Nam năm 1962: hàng ngàn
người đã thiệt mạng.

Lòng tôi se lại. Những người
chết đó là xương máu của dân-
tộc tôi; biết bao nhiêu gia-đình
đang mặc áo tang, đang nhỏ bao
nhiều nước mắt.

Thế thì làm sao mà tôi còn
có thể đi dự Dạ-hội Tết được,
dẫu là Dạ-hội đó, chỉ để chiêm
ngưỡng đất nước xa xôi. Nhưng
nào phải dễ thế đâu! Lát sau, sẽ
có cuộc nô đùa, nhảy nhót, trai
gái ôm nhau, cô đầm, người Việt
thì nhau trong các điệu « tu-uyt »,
« Bi-bốp », cợt cười suồng sã.
Những vong hồn tử hận như
còn nhắc lại hai câu:

« Thương nữ bắt tri vong quốc
hận,

Cách giang do sướng! Hậu
đình hoa ».

Chắc có người sẽ cho tôi quá
yếm-thế và làm giảm bớt « vui
về, trẻ trung » của người ta.
Không, tôi không nghĩ thế! Tôi
chỉ buồn là đã bao nhiêu cái Tết
rồi mà dân mình vẫn chưa được
an ninh, nhân hạ đề ăn Tết với
cả tấm lòng hân-hoan, hoài
tưởng.

Tôi lại sức nhớ năm nay, đêm
Noël và đêm cuối năm 1962,
tất cả báo chí Pháp và các Đài
Phát-Thanh đã nhấn mạnh là sau
hai mươi ba năm, sau khi có
giải pháp hòa bình ở Algérie,
dân Pháp đã được ăn lễ Noël
và ăn « Tết Năm Mới » trong
hòa bình và không có người
chiến sĩ Pháp nào còn ngã gục
trên bãi chiến trường.

« Thấy người lại ngắm đến ta »

Vì những lẽ ấy mà Tết năm
nay, tôi đành ở nhà, không đến
dự Dạ hội nào cả.

Nói như thế không phải là cả
ba ngày Tết, tôi đã đóng cửa
« ôm sầu làm cơm ». Tôi cũng đi
thăm vài người họ hàng, bạn
hữu. Vài nén hương trên bàn
thờ, một cành đào, một chén
trà, một miếng mít đã đem lại

chút an ủi cho kẻ lữ-thứ tha hương.

Tôi cũng đã đến những nơi Tết im-lặng và hoài bão. Anh Kim, sinh viên trường thuốc, đã có nhã ý mời tôi đến dự tiệc trà tân Xuân với vài anh em sinh viên. Tôi thường gần gũi với các anh em, vì tôi tin chắc rằng anh em sẽ là cán bộ tương lai của xứ sở và mong rằng các anh em sẽ đem tài học để phụng-sự dân tộc, chứ không phải để riêng mình ích kỷ hưởng thụ « bổng lộc ». Sau vài câu chúc Tết thân mật và vài câu chuyện thăm nom, « cuộc gặp gỡ Tết » đã thành ra một cuộc thảo luận chặt chẽ, gây chấn về đời và về Tổ-Quốc. Các anh em đã quên Tết và đã biểu lộ nhiệt huyết của tuổi trẻ trên đường học vấn và trong trách nhiệm mai hậu. Có nhiều anh em, tuy chuyên môn kỹ-thuật, nhưng vẫn tìm

tôi học hỏi văn hóa nước nhà, nhứt là về lịch-sử và thi văn. Tương lai của họ một phần nào liên can đến tương lai của xứ sở. Tôi-mong rằng sau này khi về nước, các anh em không bị danh lợi làm sai lạc chí hướng buổi thiếu thời.

Hôm Chủ-nhật, tức là hôm Mừng Ba, tôi đến dự buổi phát bánh và vui đùa của trẻ em các gia-đình Việt-Nam ở Paris. Đây chỉ là cuộc hội họp thân mật để các gia-đình được gặp gỡ nhau. Mỗi một gia-đình đã lãnh một phần việc : người thì đem kẹo mứt, người thì làm bánh cuốn, hay chả giò, người thì đem bánh chưng hay các thức giải khát. Trẻ con Việt-Nam trông phần đông khoẻ mạnh và ngộ nghĩnh. Một vài anh sinh-viên đã giả bộ làm « hề », hay làm « Táo quân », một nữ sinh viên hát « ru em » rất đậm đà...



Xóm Saint-Germain des Prés, nơi tụ họp của Văn nghệ sĩ, và của phái « Hiện Sinh »

Đây là một cuộc hội họp cho con nít và là dịp gặp gỡ cho một số gia-đình Việt Kiều, không đến nỗi trái ngược với bao nhiêu đau thương hiện nay của xứ sở. Chỉ buồn một việc, là phần đông trẻ con Việt-Nam đều nói tiếng Pháp và không biết tí gì về Việt-ngữ. Nếu trong gia-đình, có một người, hoặc vợ hoặc chồng là người Âu phương thì còn hiểu được. Nhưng nhiều khi vợ chồng vẫn còn là họ Nguyễn, họ Trần, họ Lê, thế mà trẻ con vẫn không biết nói tiếng Việt. Có người đề nghị mỗi thứ năm, sẽ có buổi dạy tiếng Việt cho trẻ con Việt-

Nam. Tôi rất mong đề-nghị ấy được thực-hiện.

Bạn thân mến, Tết Quý Mão của tôi là thế đó.

Nếu khói hương trong ba ngày Tết có thể từ Paris bay về cố-quận, thì Trời Phật và Ông Bà sẽ nhận thấy trong đó lời cầu nguyện *Thanh-Bình* cho xứ sở của phần đông đồng-bào nơi khách đạ.

Thân mến chào bạn và xin hẹn « *Bức thư Paris* » sau.

NGUYỄN-VĂN-CỒN
(Paris, 4-2-63)

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài « TẾT VÀ TÔI » của Ô. Nguyễn-văn-Cồn ở số *Phò-Thông Xuân*, xin sửa lại như sau :

1) — Eluard, nhà thi-sĩ của thời-đại mới, bị quân Đức Quốc Xã bắt trong khi chiếm nước Pháp. (trang 14, cột hai).

Eluard sinh năm 1895 chết năm 1952.

2) — Hiệp-định Genève 1954, chứ không phải 1955. (trang 16, cột một).

* TÌM BẠN

Trong mục « Tìm bạn bốn phương » của một tờ Tuần san, có đăng vài hàng như sau :

« Thiếu phụ còn trẻ, đẹp, có việc làm, khá giả, có xe hơi Chev-olet 1941, muốn tìm một người đàn ông khỏe mạnh, tánh tình vui vẻ, chịu khó và... biết máy móc xe hơi để kết bạn. Thư về tư-bin Địa-cầu ».

môi xuân,
một chút xuân

★ Nguyễn - Vỹ

Ai vui mừng đón «Xuân về»,
Tôi nghe từng bước náo-nề Xuân đi!..
ai nghênh Xuân, reo-rất những vần thi,
ai say Xuân, ngây-ngất rượu tràn ly,
ai tung bừng ca hát,
Nhạc lừng, hương ngát!
Tôi lặng nhìn tan-tác bóng Xuân đi...

Phấn xuân trôi-dạt,
Mơ xuân phiêu-bạt,
Thương mến ai tàn tạ một xuân thì.

Mỗi Xuân, một chút Xuân
Rã-rời trong phím nhạc,
Một chút mơ băng-khuâng,
Tôi bời trong khói nhạt,
Một chút men tình si
Năm lịm trong đáy ly!

Thời, nhắc làm chi?
Cỏ hoa Xuân tan-tác,
Gió mưa bi-đát
Nước non Xuân xơ-xác còn gì?
Sầu hận phân-ly
Vương nặng mấy Xuân kỳ!
Ai say cuồng Xuân-vũ
Ai mơ buồn, rêu phủ bước Xuân đi!

N. V.

SỨ MẠNG

của nhà
TRÍ - THỨC
trong
LỊCH - SỬ
và
XÃ - HỘI

(Tiếp theo P.T 95)

II. - AI LÀ TRÍ-THỨC

VỀ sự định-nghĩa « nhà trí-thức », quan - niệm của học - giới cũng khá phức - tạp. Người Việt - Nam chúng ta gọi là « người trí-thức »; người Pháp gọi là « un intellectuel »; người Nga gọi giới trí-thức là « интеллигенция ». Ông Đào-Duy-Anh cho rằng trí-thức là tri-thức; Rồi ông nói « tri-thức » là « những điều người ta vì kinh-nghiệm hoặc học-tập mà biết, hay vì cảm-xúc hoặc lý-trí mà biết ». Rồi ông thêm chữ Pháp « connaissances ». Nói một cách khác, đối với họ Đào thì « nhà trí-thức » là người có « những điều kinh-nghiệm hay học-tập... », nghĩa là

có « connaissances ». Ông Đào còn nói thêm rằng « trí thức giai-cấp » là « những người trong xã-hội thuộc về lạng có trí-thức, đã từng chịu giáo-dục khá cao »; rồi ông thêm « classe intellectuelle ». Còn bộ Từ-điển bách-khoa « Larousse du XX^e Siècle » thì định nghĩa chữ « intellectuel » thế này: « (Subst). Qui s'occupe par goût ou par profession des choses de l'esprit » (Người do thị-hiếu hay vì nghề-nghiệp mà lo về những vấn-đề của lý-trí). Tôi cho rằng hai định-nghĩa trên chưa thỏa mãn thiên-hạ trong học-giới, vì ý-niệm về trí-thức do ông Đào-Duy-Anh và cuốn

từ-điền *Larousse du X^e siècle* gây ra trong trí chúng ta về *nhà trí-thức* không rõ ràng. Bấy giờ chúng ta viện Từ-điền Oxford của Anh. Cuốn Oxford Dictionary, in lần thứ ba, năm 1934, định nghĩa *intelligentsia* như thế này: « La partie d'une nation (particulièrement en Russie) qui aspire à penser librement ». (Cái thành-phần của một dân-tộc, nhất là ở Nga-la-tư, hướng về sự tự-tưởng tự-do). Nhưng thế nào là *tư tưởng tự-do* mới được chứ! Cuốn từ-điền không nói tới. Nhưng chúng ta có thể có một ý-niệm rõ ràng được: đây không phải là tự-do tư-tưởng mà cũng không phải là muốn tư-tưởng gì thì tư tưởng — ở Pháp là một nước dân-chủ, người ta không tự-do tư-tưởng sao! Vậy chúng ta phải hiểu rằng: « penser librement » hay *tư-tưởng tự-do* đây là có những tư-tưởng khác với những tư-tưởng chính truyền hay truyền thống do giai cấp nắm chính quyền thừa nhận và dùng làm lợi khí chính-trị và cai-trị; và của thành phần của dân-tộc có óc bảo thủ. Nói một cách khác, người *tư-tưởng tự-do* không lệ thuộc vào những công-thức văn-hóa cố-định; và từ những luận

cứ văn-hóa có sẵn, sáng tạo ra những luận-cứ mới thúc đẩy sự tiến hóa của lịch sử... Thế là rõ chứ gì! Nhưng đến năm 1936, cũng bộ từ-điền *Oxford Dictionary* chữ « intelligentsia » có một định nghĩa hơi thay đổi: « La classe composée de la partie cultivée de la population que l'on considère capable de former l'opinion publique » (Giai cấp gồm có cái thành phần của dân chúng mà người ta cho là có đủ khả năng tạo ra những luồng công-luận). « Former l'opinion publique » đây có nhiều ý: thay đổi bản-chất một nền tư tưởng cố định; tạo ra những luồng dư-luận mới có ảnh hưởng đến sự tiến-hóa của xã-hội và lịch-sử. Tại sao lại có sự thay đổi về định nghĩa này trong từ-điền Oxford? Có lẽ vì năm 1936 là năm mà *phong trào bình dân* (Front populaire), đứng trưởng thành dưới sự thúc đẩy của giới trí thức!

Riêng tôi, tôi thoả-mãn về định-nghĩa của từ-điền Oxford Dictionary hơn nhiều; đã đành là ý-niệm do những giới-thuyết ấy không đầy đủ, nhưng ít nhất nó cũng rõ ràng. Có hiểu nhà trí-

thức là ai, chúng ta mới định được vị-trí của họ trong xã-hội, và sự quan-trọng của họ trong sự tiến hóa của lịch-sử.

Để hiểu lắm: *trí-thức-giới*, theo nghĩa chân-chính của nó, có thể làm nặng những cái « mầm » trên *bàn cân* lịch-sử, và hướng lịch-sử theo những hướng do họ định! Lâu nay họ được coi là một thành phần của thượng-lưu (élite) trong xã-hội: người làm quan còn có thể một sớm về vườn trồng cải-bắp, người làm giàu có thể một sớm trắng tay... còn người trí-thức... họ chỉ có một số vốn về trí-thức...; số vốn ấy là một lợi-khí văn-hóa, họ muốn « xài » lúc nào thì « xài »... Ngày xưa Tần-Thủy-Hoàng sợ trí-thức lắm: họ Tần phải đốt sách chôn học-trò, Tần-Thủy-Hoàng không sợ cái dũng của người cầm kiếm mà cũng không sợ thế-lực của một đạo-quân: bạo chúa chỉ sợ mấy *kẻ sĩ* dùng văn-chương chữ-nghĩa để tạo những phong-trào...

Ngày xưa, trí-thức-giới gọi là giai-cấp sĩ-phu. Nhà trí-thức gọi là *kẻ sĩ*, hay *nhà sĩ*... cao một bậc nữa, gọi là *người hiền*... Ngày nay, sự trưởng-thành của trí-thức-giới không theo một con đường như ngày

xưa.. *Kẻ sĩ* thì có, nhưng *người hiền* hay *hiền giả* (hay một bậc *đại hiền*...) thì không có nữa, vì cho có họ cũng không có đất đứng! Vậy thì ngày nay, chỉ có một số nhà trí-thức tập-trung lại gọi là giai-cấp *trí-thức tiểu-tư-sản* (petite bourgeoisie intellectuelle), đóng một vai trò xã-hội và lịch-sử nhất định... Trong cái giai-cấp rộng lớn này có đủ màu sắc: văn, thi, họa, nhạc, kịch, điêu khắc, điện-ảnh... cộng vào đó những nhà giáo, nhà báo và tất cả những người đọc ít nhiều sách, có một số vốn hiểu biết lớn nhỏ... và *nhất là phải có óc sáng tạo* (Theo tôi, thì những nhà trí-thức *nhai lại* không phải là chân-trí-thức...)

Óc sáng tạo là bản chất chân chính của nhà trí-thức. Nói một cách khác: nhà trí-thức hướng dẫn thời-đại nếu không phải là *đi trước* thời-đại. Những người đi sau thời-đại để phục-vụ quyền-lợi riêng của cá-nhân riêng; còn những người đi trước là những người « duyệt lại » (reviser) những *giá-trị văn-hóa* cũ, tạo ra những

giá-trị văn-hóa mới đem ra thử thách trong cái phòng thí-nghiệm thông minh của con người ; đối với dân chúng thì hướng dẫn dư luận đối với chính quyền thì *phê-bình xây-dựng* ... Nhà trí-thức bao giờ cũng vượt quá những giá-trị cố-định, vượt quá biên-giới của một giai-đoạn lịch-sử nhất định... Chả chi, Khổng Khâu ngày xưa cũng đã san định sách vở cho hằng mấy ngàn năm trí-thức của con người (Nếu Nho-giáo có trở nên lạc-hậu là tại *con người* ngày sau chớ chẳng phải vì Khổng-phu-tử). Chả chi, Einstein cũng đã dùng những bài toán để thay đổi cả bộ mặt lịch-sử loài người... sau này (Nếu loài người sau này có tự-tử; là tại loài người, chớ chẳng phải tại con người làm toán giỏi ấy!). Và nói gần gần ở cái mục thông thường... Nếu chẳng có gã Apollinaire thì có lẽ chẳng có những phong-trào văn-nghệ hiện-đại: họa và thi hiện-đại đương làm giàu cho nền văn-

hóa ngày nay của cả thế-giới, thật tình ra; đã « nợ » Apollinaire nhiều lắm ! Trừ phi, người ngày sau bội-bạc, ấy lại là một chuyện khác... Lấy một người suy bao nhiêu người, lấy một chuyện suy bao nhiêu chuyện .. chúng ta thấy *chất trí-thức* chân-chính bao giờ cũng là *chất trí-thức sáng-tạo*... kể cả sự *sáng-tạo về tư-tưởng*. Cái chuyện *sáng tạo về tư-tưởng* này đối với trí-thức-giới Việt-nam thật là một chuyện khá cấp bách và cần-thiết : mấy ngàn năm tư-tưởng Việt-nam thật chỉ là mấy ngàn năm tư-tưởng *mượn*.

Tôi thấy người ta hay hãnh-diện... Đó chỉ là một chuyện hãnh-diện gượng... Khéo không mà lại thành một góc Á Q của Lỗ-Tấn, ở một trình-độ tập-thê ! Thà mình cứ thành thực với chính mình là hơn, đừng đề rồi làm trò cười ngầm cho những người khác nước !

TAM-ÍCH



● *Người ta muốn đi vì cần tiêu khiển và muốn về vì cần hạnh phúc.*

(On s'en va parce qu'on a besoin de distractions et l'on revient parce qu'on a besoin de bonheur). VICTOR HUGO

QUAN NIỆM VỀ THƠ

★ NGUYỄN - VỸ

Đáp bài Phòng-Vân của báo « Văn Đàn »

Trong « VĂN-ĐÀN » số đặc biệt Lễ Giáng-sinh 1962 vừa qua, hai nhà Thơ Phạm-đình-Tân và Thái-Bạch, Chủ-nhiệm và Ký-giả báo ấy, muốn biết các quan-điểm về Thơ, có đến Tòa-soạn phỏng vấn tôi.

Dưới đây là những câu hỏi và những câu trả lời :

★ HỎI : 1) *Thơ phải nhiều tình, nhiều cảnh hay nhiều ý-nghĩa ? Phê nói gì, gợi gì, hoặc có mục-đích gì ?*

● TRẢ LỜI : *Tôi không có quan-niệm riêng biệt về thơ. Khi một cảnh-vật xúc-động lòng tôi, tự nhiên tôi viết ra thành bài thơ để ghi lại cảm-xúc ấy, thể thời. Trong lúc viết, tôi không nghĩ rằng phải tả cảnh, tả tình, phải có ý-nghĩa này nọ. Tôi chỉ ngồi, hay nằm, chép bài thơ theo cảm-xúc trực-nhiên lúc bấy-giờ. Tôi là kẻ bị « động-cơ » Thơ thúc - đẩy*

chứ không phải kẻ chủ-động làm thơ. Tôi không phải là tác-giả trực-tiếp, mà chỉ là một thứ thư-ký của Nàng Thơ. Nàng Thơ, dĩ-y mới là yếu-tố sáng-tạo của Thơ. Tôi có thể nói : Thơ tạo ra Thơ. Người-Thơ chỉ cảm, mà không sáng-tác.

Thơ tình - cảm, thơ tả cảnh, thơ xã-hội, thơ hùng-tráng, thơ hài-hước, v.v... đều là tình - túy riêng-biệt của mỗi Hồn-Thơ, — cái mà Montaigne gọi là « *la substantifique moëlle* », và Abbé Brémond gọi là « *l'œsïe pure* », — là cái tính-chất thuần-túy sẵn có, cái bằm-chất của Hồn-Thơ hay là Nàng Thơ, mà *người-thơ không tạo ra được*.

Thơ chân-chính, là chất thơ đã nảy nở trong người trước khi người thành ra thi-nhân. Trái, lại tín-điều của J. P. Sartre, trong phạm-vi thơ, bằm-chất có

người khác, tôi không được rõ.

Đạo họ, tôi có nói chuyện với một nhà thơ Đức, giáo-sư Đức-ngữ trong trường Pháp tại Saigon. Thơ các của ông có nhiều bài hay tuyệt, nhưng lối viết lung tung không chấm, không phết. Thật là bừa bãi. Ông cho tôi xem. Tôi không đồng-ý, nói với ông thứ sắp-xếp lại xem thế nào. Ông chấm phết lại đàng-hoàng, đọc lên thấy cảm hơn, hay hơn. Chỉ thêm một dấu phết, một dấu chấm, tự-nhiên câu thơ rung-động lên như một linh-hồn hồi-sinh. Mỗi dấu phết trong Thơ, đặt đúng chỗ, thêm vào một nốt nhạc cho bài thơ.

Tôi có đọc khá nhiều các tập thơ đã xuất-bản ở trong nước và ngoài nước trước và sau Đệ-nhi Thế-chiến. Nhờ vậy, tôi nhận chân được tình-hình Thơ hiện đại, một phần nào. Tôi cũng theo dõi các nhà Thơ ngoại-quốc, nhất là từ 1945 đến nay. Tôi thấy đại-khái: thể-hệ thơ trẻ của Pháp đang tiến đến ngõ bí, chờ xem họ sẽ thoát ra bằng cách nào. *Jean Cayrol, Maurice Fombeure, Loys Masson, Luc Estang* v.v... đã lười-biếng trong lớp *Surréalisme*, muốn chạy lang-bang ra bờ bụi. Tôi sợ họ sẽ lạc vào rừng, rồi té xuống suối.

Thơ Đức đang quật-khởi với *Jünger, R. Hagelstange, H. E. Holthusen*, chú trọng về màu sắc nhiều hơn. Thơ Suède, với *Paer Lagerkvist, Erik Blomberg* càng ngày càng đi sâu vào tâm-hồn con người. Thơ Anh của « thời kỳ *Georgienne* » còn sót lại năm ba thi-sĩ một-mỏi. Thơ Ý còn được đôi chút ảnh-hưởng của *Quasimodo* (năm nay đã 62 tuổi), nhưng tách riêng ra và trội nhất là *Vithorio Sereni. Giorgio Vigolo* chống hẳn các chủ trương tao-loạn của thể hệ Thơ Pháp hậu-chiến. Lạ nhất là các nhà Thi-sĩ Cận-dông, (A-Rập, Iran, Turquie, v.v..) như *Badr Chaker El-Sayab, El-Mala'ika, Ibrahim Jabra*, v.v... đều chịu ảnh-hưởng rất sâu-đậm của Thi-ca Tây-phương, không còn bảo-tồn giá-tài truyền-thống rất phong-phú thời xưa. Ở Ấn-độ, từ sau *Rabindranath Tagore* không còn ai tiêu-biểu xứng-đáng tinh-thần mới. Có lẽ tại vì Tagore đã chiếm cả Thế-kỷ!

Thơ Mỹ, theo tôi, không thành vấn-đề. *Sandburst* đã già quá rồi, nhưng thơ Mỹ đã chết trước ông!

Đáng chú-ý nhất là các thi-sĩ

Phi-châu và Nam-mỹ hiện-đại: *Léopold Sédar Senghor, Pablo Neruda*, (Với bài thơ: tặng quả Bom năm mười méгатonnes) *Wolé Soyinka, Okigbo*, v.v... đã chỗi dậy với những bài thơ dài kêu vang lên như tiếng tù-và, tiếng trống, Thơ Indonésia với *Chairil Anwar, Walujati, Aruir Harujah*, muốn thoát ảnh-hưởng của Hollandia, lại rơi vào ảnh hưởng thơ Pháp và thơ Anh đầu thế-kỷ. Các nhà Thơ Philippins viết bằng chữ Tagalog, *Juan Abad, Aurelio Tolentino, José Palma*, bị ảnh-hưởng Mỹ rất nặng-nề, và càng ngày càng sụp đổ xuống một lối thơ giả-tạo, khô-khạn nhạt-nhẽo, trừ đôi ba bài thơ ái-quốc, nhưng cũng thiếu nhuệ-khí dào-dạt. Thơ Nhật-Bồn mới nhất hiện nay cũng giống như những con *poupées* đen bám vào cánh tay trẻ em, do họ chế-tạo và bán ra thị-trường vài năm nay. Nó có một vẻ đẹp gượng, một sức mạnh gượng, một hình-thức cũng gượng. *Tanigawa Shuntaro* (năm nay 32 tuổi), *Tamura Ryuchi* (38 tuổi) *Ichiro Audo*, v.v... đã trình-bày những bài thơ lai, ảnh-hưởng của Đức và của Mỹ, nhưng lại diễn-tả theo lối Nhật,

không mấy hứng thú. Tôi rất tiếc những nhà thơ như nữ-sĩ *Yosano Akiko*, Thi-sĩ *Mitsuharu*, bây giờ không làm thơ nữa. Ít nhất, thơ của họ còn khả-ái hơn nhiều...

★ HỎI: Có trở lực ở ngay bản thân hay không, và những trở lực gì trong việc sáng-tác?

Có gặp khó-khẩn hoặc may-mắn gì trong việc xuất-bản, phát hành?

● TRẢ LỜI: Những trở lực trong việc sáng-tác của tôi?

Chỉ có một trở-lực duy-nhất, là ít thì giờ quá. Ước gì cụ Trời xoay cái trục quả đất cho nó chạy chậm-chậm lại, mỗi ngày 48 giờ thay vì 24 giờ, và mỗi giờ 120 phút! Ước thế thì tôi cảm ơn Thượng-đế lắm!

Thơ *Hoang-vu*, tôi tự xuất-bản và tự phát-hành lấy. Tôi in 5 000 quyền, bán đã hết trong tháng vừa rồi. Riêng ở Saigon bán được độ 1.000 quyền. Hiện còn độ 400 quyền đặc-biệt, (loại này tôi in 2000 quyền, biểu hết 600). Gởi ra ngoại-quốc bán được gần 200 quyền.

★ **HỎI:** Cuốn sách nào, bài thơ nào được hoan-nghênh nhất? hoặc được tác-giả ưa nhất?

TRẢ LỜI: Tôi không có ý kiến đối với những lời chê-khen các tác-phẩm của tôi.

★ **HỎI:** Có cần được thông-cảm do quần chúng, hay chỉ cần một số tri-kỷ?

Có nghĩ đến hậu-thế không?
Các nguyện-vọng riêng?

● **TRẢ LỜI:** Bạn đọc thông-cảm rất nhiều: đó là phần thưởng đẹp nhất, không có gì bằng.

Tôi không nghĩ đến hiện tại hay tương-lai. Hậu-thế xét mình tùy theo giá-trị chân chính của mình.

Tôi không có nguyện-vọng nào khác hơn là xin Trời cho tôi sống lâu-lâu để tôi viết hết những gì tôi muốn viết.

N. V.



★ **ANH KHINH TÔI À?**

Ông B... thường là một nhân viên kiêu mầu, đi làm việc rất đúng giờ. Chẳng may một hôm, ông đi trễ mất một giờ, bị ông Giám-Đốc mời vào bàn giấy hỏi:

— Thế nghĩa là gì? Sao ông đi trễ quá vậy?

Ông B... điềm đạm trả lời:

— Xin lỗi ông Giám đốc. Vì nhà tôi phải để một đứa con trong trường học khó khăn.

— Vậy hả. Không hề gì... và xin mừng ông.

Năm ngày sau ông B... lại đến sở trễ nữa, và lần này lại trễ đến... 4 giờ đồng hồ.

Ông Giám-Đốc hỏi:

— Sao ông lại đi trễ đến 4 giờ lận...?

Ông B... cũng điềm đạm trả lời:

— Dạ thưa, vì nhà tôi để bạn này gay quá.

Ông Giám Đốc đỏ mặt tía tai, đập bàn, hét ầm lên:

— Anh khinh tôi à? Hôm trước nói vợ để, nay lại vợ để nữa?

— Dạ thưa ông Giám Đốc bớt giận, kỳ này là vợ thứ của tôi để ạ.



★ Parichâm

I. — Danh từ «Tết» Châm theo đạo Bà-La-Môn

Chiêm-Thành vốn là một dân-tộc thích sống với các cuộc Lễ bái từ ngàn xưa và quan-niệm rằng cuộc sống của họ giải quyết do thần linh vua chúa. Vì thế mà quanh năm mỗi mỗi công việc gì liên quan đến cuộc sống là họ cúng vái thần linh hầu được thánh thần phù hộ. Có lẽ vì ảnh hưởng thế-giới-quan vô cùng mạnh mẽ, nên văn-hóa Chiêm-Thành mang nặng màu sắc Triết-lý tự nhiên. Do đó mà Tết Châm còn thịnh-hành đến ngày nay, tuy rằng Chiêm-Thành đã mất nước và chịu ảnh hưởng không ít với dân-tộc Việt-Nam các nền văn-hóa Âu, Á.

Đa số người Việt, người ngoại quốc cũng như người Châm còn lầm lẫn rằng tết tháng 7 và tháng 9 của Lịch Châm là Tết của người Châm theo đạo Bà-La-Môn, vì quan-niệm rằng Chiêm-Thành chia ra làm hai đạo giáo: Bà-La-Môn và ISALAM tức Bà-Ni. Thật ra dân Châm có nhiều giống dân trong đó chẳng hạn có giống CHAM KUR ở Làng Thanh-Hiếu, Tỉnh Bình-Thuận và làng IA-LAU ở Tỉnh Ninh-Thuận không theo đạo Bà-La-Môn lẫn Bà Ni mà vẫn ăn Tết với người Châm theo đạo Bà-La-Môn. Hơn nữa kinh sử của Bà-La-Môn và Bà Ni không hề nói đến Thánh Pô YAN-AMU và Pô NUGAR bởi lẽ hai vị Thánh này không chỉ là hai

vị sáng tạo hai cái Tết Chàm là PATÉ và CHABUR mà cả nền Văn-hóa của dân-tộc từ đời Chiêm-Thành lập Quốc nữa.

Vì vậy gọi Tết Chàm theo đạo Bà-La-Môn thì không đúng lắm nên xác định lại là Tết Chiêm-Thành

II — Tiểu-sử Pô Yan-a-Mur, vị thánh khai sinh Tết Chàm

— Theo Thượng cổ sử Chiêm-Thành, Pô YAN-A-MU' là một vị thánh thừa lệnh thánh Thượng PÔ KUK (PÔ CÚ) xuống miền PANDA-RANG (Xứ Chàm) để tổ-chức cuộc sống cho Dân Chiêm. Thành PÔ YAN-A-MU' hạ thế ngày thứ Bảy, mồng 2 tháng 10, năm Ta kuh lịch ở BRAH MA (Tuy-Hòa), đền đài của ông tại miền Chăm Rai, một vùng của người Thượng thuộc Tỉnh Phú-Yên bây giờ. Ông được Bà Nur-Gar (Bà chúa xứ) cho cái săng ca-la (1) để tạo lập vạn vật. Ông lấy lúa của Bà Nur-Gar đem gieo khắp chân trời và thời săng ca-la để trời đất khai quan, cây cối ra hoa-quả. Ông tạc hình người và cho biết sống với các giác-quan, loài chim biết kêu, biết bay, con

người biết định bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc. Ông dạy gieo lúa, cách trồng lúa cấy bừa dùng cây làm thuốc trị bệnh và đánh đá lấy lửa v.v... Ông lại đặt ra các lễ hạ điền, dựng chòi, Lễ cúng lúa con gái, lễ ra sân, và ngư-nghiệp v.v... vì thế mà Ông được gọi là Địa-Hoàng, hướng dẫn và chỉ huy mọi việc trên trần gian và âm-ti địa-ngục. Ngoài ra PÔ YAN-A-MU' còn có nghĩa là thánh cha tức coi về phụ hệ đối diện với Bà NU'GAR mẫu hệ. Vì vậy người Chàm mỗi năm phải ăn hai cái Tết; PATÉ PÔ YAN A-MU' tức là Tết phụ hệ và CHABUR tức là Tết Mẫu hệ.

III. — Paté Pô Yan-A-Mur hay là Tết Phụ Hệ

Hàng năm cứ đến tháng Bảy theo lịch Chàm tức là tháng Mười của Việt, tổ tiên Ông, Bà con cháu thân-gia, từ dưới địa ngục được ân huệ Thánh PÔ-YAN A-MU' cho về trần-gian sum họp với gia-đình, làng xóm và cho người Chàm tổ-chức cuộc Tết trọn tháng hầu thiết đãi những linh hồn quá cố cũng như thần thánh phò hộ cuộc sống

(1) — Loại ốc lớn thò ra tiếng

của họ. Lễ cuộc tuy tuần tự kéo dài trọn tháng song thủ tục trật tự vẫn được áp dụng đường hoàng. Từ ngày mồng 1 đến mồng 7 thì Hoàng Phái và các giáo chủ đạo giáo, các chư-sư, thầy xế, tổ-chức trước rồi đến dân Làng sau cho đến ngày 27, 28 trong tháng. Ngày thứ Hai và ngày thứ Sáu là ngày Phật tổ, ngày thứ Năm thuộc ngày phần hồn nên không ai được phép cúng kiến. Trong tháng Bảy có thể nói rằng một tháng vui nhất của người Chàm trong năm cũng như Tết của người Việt vậy. Từ phương xa gia-đình thân quyến đều được cho hay trước để về vui với gia-đình, làng mạc. Nếu trong năm họ bị đau khổ đầy vò bởi cuộc sống hay có

điều bất mãn riêng cá-nhân mình thì ngày đó tháng đó họ sẽ gặp những linh hồn thân-nhân quá-cố hay vua chúa thần linh để họ vái cầu và tin rằng sẽ được toại nguyện với lòng ý, công việc làm ăn sẽ được phát đạt thịnh cường trong năm mới. Ngoài nhân của gia-tộc, họ hàng hay khách làng xa đến chung vui cũng không quên dự góp một vài chai rượu, vật quà với mục đích thăm viếng chủ gia sau một năm sống đầy gian lao và nâng ly với bạn bè với câu chúc Tết đầy thi-vị, súc tích.

Đại loại một vài câu như sau, viết bằng tiếng chàm và phiên âm La-ngữ mà tôi tạm dịch toát ý ra bằng thể thơ lục bát :

- Thuốt ba rầu pa thẩu yuh cub mơ da
- Hu ga núp, hu mơ da ha luy cun pa bang.
- Thoat tạt thi thẩu ha ley pa thẩu yuh cub mơ da
- Ha bau hu khin li os mơ buyn khin ta đân
- Hu ga núp hu mơ da yuh caktat tal pa ha joi mơ da pa
- nu ploh

DỊCH Ý :

— *Xuân về kính chúc chủ gia*

Tân-Niên thịnh-vượng phước nhà lộc an.

— *Chúc cho hạnh-phúc vẹn toàn*

Trâu cày khỏe sức người làm an vui.

IV.— Cha Bur hay Tết của Bà Pô Nugar mẫu hệ

Ngoài cái tết của PÔ YAN-A-MU' tháng bảy chàm, người chàm còn có cái tết khác, tổ chức vào tháng 9 chàm tức là tháng 12 của Việt. Tết này gọi là Cha-Bur hay tết Bà Chúa Xứ do bà tạo nên. Vì lý-do hai cái Tết đó, mà người chàm cũng như Việt, mỗi khi trị bệnh bằng phép hay thuốc, các thầy đều có dùng câu NAM THẮT NỮ CỬU. Phẩm vật và thủ-tục đều giống Tết PÔ YAN-A-MU', song Tết này bây giờ rất ít thịnh hành, có chăng thì ở một vài nơi hay để dành cho gia-đình nào nghèo khổ không đủ khả-năng tổ-chức trong tháng bảy.

V.— Phong tục Tết Pô Yan-A-Mu'

Phẩm vật, bàn thờ.

Trong một căn buồng hoặc

khoản trống dài độ 4 thước, ngang 3 thước người ta trải một số chiếu thường, ngay chính giữa có một chiếc chiếu vàng bông. Trên một cái thôn để ngay giữa có lót khăn điều đã được đặt một số cờ sử kinh kệ bằng lá buông, riêng nhà dân cũng có cờ sách lưu truyền như thế song bằng giấy. Hai thôn lớn nhất để hai bên có gắn đèn sáp quạ bánh đủ loại dành cho thánh PÔ YAN-A-MU' và PÔ NUGAR. Kề bên có hai cái ống Súc hai cái Vùa nước lạnh để hai đuông trâu cau. Phía dưới có bình nước trà, hai bên 10 cỗ bàn cơm canh cá thịt dê gà vịt (trừ thịt Bò và Heo, Gà, Vịt, Ngỗng có lông trắng) một cỗ bàn lớn đủ phẩm vật để giữa dành phụng cúng cho khách. Tất cả cỗ bàn đều có gắn đèn sáp sáng chung.

Ông thầy cúng thuộc đạo BÀ-
LA-MÔN, ngồi ngay chính giữa phía dưới các bàn cỗ bàn, xoay diện về hướng đông, trước mặt có lư-hương ve rượu và chén chung. Trước hết ông thắp đèn đốt trầm rót rượu chấp hai tay khấn vái thánh PÔ YAN-A-MU' đến Bà PÔ NUGAR rồi lần lượt đến các vị tiên thần, thần táo, Ông bà con cháu quá cố rồi cuối đến các thổ chủ và thổ địa.

(Còn nữa)

phiêu lãng...

★ **LƯƠNG-TRỌNG-MINH**

(Quảng-Nam)

*Lữ-khách dừng chân một bên sông,
Con đò xuôi ngược mấy mùa đông
Tâm-tư róc rách tình lai-lãng
Sưởi mộng huyền mơ phút cảm thông...*

*Giang-hồ lê-lết gót đường tơ
Mòn-mỏi chinh-yên khách đợi-chờ...
Mỹ-nữ bao nàng say mộng-ảo
Tình đời ngang-dọc mấy vần thơ..*

*Khói thuốc vờn bay trên gác trọ,
Lững-lờ trôi chảy mấy vòm mây,
Tượng-tư quyến rũ niềm cô-lữ
Nhân-thế, người ơi! ngậm đắng cay!*

*Xuân-xanh vùn-vụt giữa trời cao
Hoa nở chim bay hát ngọt-ngào
Sông núi mây mưa... tình lữ-thứ
Con thuyền dừng lại bến bờ nao?*

*Lên-đỉnh chìm nổi kiếp phong sương,
Rũ áo trầm-tư khóc bạn đường.
Ảo-mộng chập-chờn trong ký-ức
Mờ mờ nhân-ảnh ngát hoa hương.*

*Thế-sự bao lần xoay nước bước
Giang-hồ lãng-tử thần-thờ chẳng?
Con thuyền lữ-khách chìm quên lãng
Mây gió đi về giữa bến trăng..*

*Mộng cũ tơ vương lỡ nhịp đàn,
Tâm-tình thánh-thót mấy hàn-quang.
Êm-êm gió thoảng vờn đơn lạnh
Nức-nở đau buồn vọng cổ-nhân...*

xem
tranh
của

LƯƠNG VĂN TỶ

★ Châu - Giang

THÁNG Giêng 1962, Lương-văn-Tỷ bày tranh đầu tiên ở phòng Thông Tin đường Tự Do. Chưa có gì lạ. Vẫn có thể lẫn với nhiều phòng tranh khác. Tôi nói một cách chân thành những ý nghĩ lúc bấy giờ để so sánh với phòng tranh anh hôm nay.

Hiện tại anh đang trưng bày tại Hội Quán Pháp-văn đồng minh, đường Nguyễn-Huệ.

Tháng Giêng 1962, tháng Giêng 1963. Một năm đúng. Đã chuyển biến và có một khác biệt ở Hội Họa Lương-văn-Tỷ. Thực ra thì sự

chuyển biến này đã khởi đầu từ bức tranh « Đi săn » anh đã trưng bày chung với một số bạn khác, khoảng tháng 10-1962, tại Continental (Salle du perroquet). Bức tranh đó làm tôi thích lắm và ngạc nhiên vô cùng. (Số dĩ tôi nhắc lại bức tranh « Đi săn » là bởi tôi muốn tìm thấy lại cái bút pháp đó trong cuộc triển lãm này với những tiền bộ nào lớn hơn chưa).

Tuy nhiên với lần này anh đã thu lượm được nhiều sự chú ý của người xem.

Bằng những bức tranh khá vững vàng ? Không (vì người xem không dễ tính như thế)



Lương-văn-Tỷ trong xưởng họa

na sự chú ý đó phát xuất ở dáng dấp đã có vẻ chín chắn, có vẻ phong phú, trong nghệ thuật anh vậy. Đó là điều tốt mà tôi ít thấy ở một vài cuộc triển-lãm khác. (có tính cách thương mại nhiều hơn ý muốn trưng bày nghệ thuật).

★

Sở lớn trong phòng tranh Lương-văn-Tỷ là loại tranh phong cảnh. Phong cảnh thường là miền quê : nhà lá, bụi cây, đường đất, những cánh đồng lúa mênh mông. Có một vài bức vẽ thuyền và

phò, dễ nhìn và dễ thấy, mặc dù anh đã kiêu-hiến-hóa (styliser) hình dáng của sự vật đi ít nhiều.

Đề tài của Lương-văn-Tỷ cũng không có gì khác. Đại-khái như : Xóm chiều Chiều quê, Chùa trong Đường làng, Ông lão, v.v... Cũng chẳng quan trọng lắm đối với những người làm nghệ thuật, vì chỉ là những đề tài chung. Cách biểu diễn nghệ thuật của từng người qua các đề tài đó mới đáng kể. Cho nên nhiều khi đề tài chỉ giữ phần thứ yếu, làm cái cớ, đôi lúc rất thừa đối với người thưởng ngoạn có ý thức khi họ đã bắt gặp được một thích thú nào đó trong tác phẩm. Đúng. Đổi tên khác cho một bức tranh, cái mức tốt hay xấu của bức tranh đó không hề thay đổi.

Điểm rõ nhất trong tranh Lương văn Tỷ là cảm hứng làm việc rất đều đặn. Không thấy sự cách biệt xa quá từ những bức khá đèn những bức non kém. Nhưng với cảm hứng đều đặn đó được cộng thêm vào nó sự dẫn

đất, điều kiện tôi thiếu ở
ngọn bút mình nữa thì tranh
anh sẽ khác hơn — theo tôi.
Có thể là đòi hỏi hơi nhiều
ở anh. Vì phải thành thực
mà nhận rằng: Lương văn
Tỷ có một thời gian mà kinh
nghiệm nghề nghiệp chưa lâu
lắm.

40 bức tranh sơn dầu.
Không khí của cuộc trưng
bày dễ chịu, thoải mái.
Những tranh vào loại khá
của Lương văn Tỷ là: Đường
vắng (32) Đường làng (22)
Hương quê (25) Xóm nghèo
(13) 2 bức tĩnh vật (4 và 35)
một bức vẽ trừu tượng số
40 v.v... Những tranh: Xóm
(34) Rạch (10) Lăng Tả Quân
Lê văn Duyệt (37) và một số
chân dung hơi yếu mà đại
diện là bức « Ông Lão »
(23) v.v...

Nhưng đây chỉ là sự phân
loại thông thường, bởi —
như đã nói — Sự hơn kém
ở tranh Lương văn Tỷ không
xa cách bao nhiêu.

Tôi không nhìn vào « sự
được » hay « không được »
của tranh anh. Khác hơn,
tôi nhìn vào sự đổi thay ở



Chân dung

Phố buồn



XEM TRANH CỦA LƯƠNG-VĂN-TỶ

nghệ thuật anh đang thành
hình. Đã báo hiệu từ bức
« Đi săn », tôi lại gặp cái bút
pháp đó trong bức số 40
hiện tại.

Tôi nghĩ — rất dè dặt — với
bút pháp số 40 đó, ít ra còn
có chút gì riêng biệt là Lương
văn Tỷ hơn cả. Tiếc rằng loại
tranh này ở phòng tranh anh
ít quá.

Sở dĩ tôi nói rất ít vào chi
tiết phòng tranh Lương-văn-
Tỷ là bởi một lý do: Muốn
nhân mạnh đến phần thay đổi
tiền bộ ở tranh anh bây giờ
và chính là điểm đặc biệt cần
chú ý nhất với cả phòng tranh
anh vậy.

Và chỉ điểm đặc biệt này,
người xem cũng có thể bỏ qua
được những cái thiếu sót đáng
tiếc trong tranh anh. Tôi thí
dự như bức tranh khá lớn vẽ
theo lối tranh Tàu (vẽ bằng
sơn dầu) chẳng hạn. Không
mang lại một ưu thế gì cho
cuộc triển lãm của anh cả. Đôi
khi còn làm cho người xem

nghĩ ngờ; Hoặc, còn tham
quá khiến hình thể trong tranh
trở thành phức tạp; Hoặc,
chất sơn chưa được gọn
gàng...

Cho nên phải nhìn tranh
Lương-văn-Tỷ bằng cái nhìn
tổng quát. Và chỉ nhìn vào sự
xê dịch từ một năm nay của
nghệ thuật anh (1962-1963).
Từ sự dè dặt, gò bó đến sự
phong phú đột khởi bây giờ
như một luồng gió mát.

Người làm nghệ thuật cần
luôn luôn có những chặng bắt
đầu. Tôi tin chắc Lương-văn-
Tỷ đã nghĩ đến điều đó.
Không thể mãi nguyện bằng
một vài kết quả nhỏ bé được.

Kết luận: Tôi thích nhất số
40 và ước mong được xem
nhiều tranh như thế ở những
phòng tranh sau của Lương-
văn-Tỷ. Đó không phải là sự
khó quá đối với cái đà phong
phú của anh hiện tại. Tôi hy
vọng như thế.

● CHÁU-GIANG



* QUÁ GIỎI ĐẤY CHỮ?

Một gia-đình nọ, chồng thì nhỏ-thó ốm-o, vợ lại cao lớn,
đầy đà quá sá. Một hôm vì câu chuyện gia-đình gì đó, hai người
đánh nhau, rồi đưa ra bát cảnh-sát kiện.

Ông Quận hỏi người chồng:

— Anh không thấy chướng sao, ai lại chồng mà đánh vợ
bao giờ?

Người chồng chỉ bà vợ nói:

— Thưa ông, ông hãy nhìn xem, tôi thế này mà đánh nời
cũng là quá giỏi đấy chứ, đâu có chướng?

phương này

★ THANH-NHUNG
(Tokyo, Xuân 63)

Dặm khách âm thầm tôi đã đi
Xót xa thương một thuở xuân thì
Tuổi hai mươi ném vào mong nhớ
Ray rút chi hoài buổi biệt ly ?

Trời ở phương này lạnh buốt tim
Nắng không vừa ấm một thân chim
Tuyết sương mờ phủ làn mây trắng,
Ai chờ giùm tôi những nỗi niềm ?

Giữa sóng người tôi đi ngẩn ngơ
Nghe trong hồn dậy nỗi hoang sơ
Sầu theo những bước chân hờ hững
Thương mến còn đâu mà vọng chờ ?

Thành phố Đông-Kinh đẹp sắc màu
Tưng bừng nhạc vũ suốt đêm thâu;
Niềm riêng vẫn sống trời sa-mạc
Hồn cỏ hoa đầy những giọt châu.

Trời nắng quê-hương hẳn ấm lòng?
Những người ở lại có vui không?
Người đi mất mát thời hoa mộng?
Ôi chỉ còn đây nỗi nhớ nhung.



(Tiếp theo P.T. 96)

★ Nguyễn-Vỹ

Năm 1924, khắp nước Việt-nam không có được một tờ báo Xuân. Ở Hà-nội chỉ có những tờ *Thực-nghiệp dân-báo*, *Khat-hóa*, *Hà-thành* *Ngọ-báo*, *Trung-Bắc tân-văn*... ăn-loát tèm-lem, chữ cùn, giấy xấu, bài vở khô-khan, tin-tức sơ-sài, không được phát triển mạnh-mẽ trong quãng đại quần chúng. Báo chí chỉ lưu-hành trong giới trí-thức, tư-sản và tiểu tư-sản, và trong một phạm vi nào đó thôi. Bình-dân lao-động không quan-tâm đến, và trong hoàn-cảnh thực tại thời bấy giờ, tờ báo chưa phải là một món cần thiết cho đời sống hằng ngày của dân chúng. Phạm vi hoạt-động của báo-chí không được sâu-rộng lắm và tờ

báo không có liên lạc mật thiết với độc giả. Vì thế, cuối năm các báo chỉ ra số tất niên mà không cần hình-thức duyên dáng mỹ-lệ hơn số hằng ngày. Ăn-loát và bài vở cũng theo y như thường-lệ, chỉ có rải-rác đôi ba bài thơ xuân của các nhà Nho, gọi là có chút hương vị của ngày xuân thế thôi. Ở Saigon, phạm-vi ảnh-hưởng của báo-chí được sâu rộng hơn, dân-chúng coi báo nhiều hơn, những tờ nhật báo đương-thời như *Công-Luận*, *Sát-thành*, *Điện-tín*, *Đuốc-nhà-Nam* v.v... đều được phổ-biến khắp nơi. Tuy nhiên, đến gần Tết các báo ấy cũng không phát-hành những số đặc-biệt về xuân, không tưng-bừng rộn-rịp như ngày nay. Hình-thức

các báo không màu-mè lộng-lẫy, vì lý-do kỹ-thuật ấn-loát chưa được mở mang. Chỉ có đặc-biệt về nội-dung có đăng các bài thơ xuân, phần nhiều là những thơ giản-dị bình dân hơn những thơ xuân của các báo ngoài Bắc. Cũng có những bài luận đàm, phẩm đàm, hồi-ký về xuân, nhưng ý nghĩa và văn chương thâm thúy hơn đa số những bài trong các báo xuân ở Saigon thời hậu-chiến.

Độc-giả 1924 ở Nam-Kỳ mua một tờ báo tất niên cũng như họ mua một tờ báo thường ngày, không có những đặc-diểm gì kích-thích họ, không gây cho họ một lòng ham-muốn, nô-nức hân-hoan. Và lại cũng không có sự tranh đua nào của báo chí thời 1924 về hình thức, về màu sắc, nhất là không có những hình bìa phụ-nữ yêu kiều duyên dáng. Các cô ca-nữ cải-lương danh tiếng thời bấy giờ, như cô Năm-Phỉ, cô Năm Sa-déc, cô Bảy Bạc-liêu, không bao giờ có hình ảnh in lên trên các bìa báo, hay các phụ bản đề tặng bạn đọc.

Ngày nay, Báo-chí đã khai-mạc mùa Xuân sớm hơn cả mùa Xuân ! Sớm hơn những mười lăm, hai chục ngày. Cùng một lượt với các sập bánh mứt rộ

riệp quanh chợ Bến-Thành, các báo Xuân ở Saigon đã đua nhau phát hành khiến cho lòng người trong khắp Nước đã nôn-nao lo Tết, chờ Tết, vội-và mua báo Xuân !

1924, toàn quốc không có cảnh tượng ấy. Mãi đến ngày 23 tháng Chạp, là ngày "ông Táo về Trời", báo hiệu mùa Xuân sắp đến, ngày Tết đã kề, mà các báo-chí vẫn im-lìm, chưa thấy xuất hiện một bài thơ Xuân trên mặt báo.

Đấy là ở hai thủ-đô lớn nhất, Saigon và Hà-nội. Còn ở đê-đô Huế, nơi Vua An-Nam ngự-trị, và khắp cả xứ Trung-Kỳ, tuyệt-nhiên chẳng có một tờ báo nào. Thường ngày, ở vài tỉnh lân cận với Bắc kỳ, từ Thanh-Hóa đến Hà-tĩnh, có một ít công chức có dư tiền, mua báo Hà-nội về đọc chơi. Ở các tỉnh kế cận Nam kỳ từ Phan-Thiết đến Nha-Trang cũng có một thiểu số người giàu sang, rất hiếm, mua báo Saigon. Ngoài ra, toàn xứ Trung-kỳ, không thấy bóng-dáng một tờ báo nào !

Qui-nhơn là thành-phố lớn đứng về hàng thứ hai, sau Huế, cũng như Tourane (Đà nẵng) và

Vinh (ở Nghệ-an), dân số có đến 10.000 người, có cả trường Trung học « Collège Complémentaire franco-indigène » một trong ba trường Trung-học ở Trung-Kỳ, và một trong chín trường Trung-học ở toàn cõi Việt-nam, Qui-nhơn vừa là một hải cảng, tỉnh lỵ của một tỉnh lớn phù-nhiều nhất ở miền Trung, thế mà không có một tiệm bán sách báo. Không có một người đọc báo, không có một tờ báo nào của Hà-nội hay Saigon đến đây cả.

Có một lần, năm 1924, một ông « Nhà báo » ở Saigon tên là Hồng Tiêu, « phụ-bút » hay là « trợ bút » « chủ bút » gì đó của một tờ nhật báo Saigon, đi du lịch ra Trung-Kỳ, có ghé mấy hôm ở Qui-nhơn. Thật là một biến-cổ quan-trọng, một việc hi-hữu, một chuyện vô cùng mới lạ làm xôn-xao cả thành-phố, nhất là trong đám học trò trường « Collège ». Lúc bấy giờ chưa dùng danh-từ « học-sinh ». Tuấn em nghe các bạn cùng lớp kháo nhau : « Có một ông Chủ-bút nhà báo Saigon tới Qui-nhơn mà ơ ! ». Tuấn nó nức đi xem cho biết mặt. Một « ông Nhà-Báo » chắc là một ông Thần ông Thánh, ít nhất cũng giỏi

bằng ông Không-tử, ông Mạnh-tử chứ đâu phải là người thường ! Tuấn càng nôn-nao khi nghe mấy đứa bạn khoe với Tuấn rằng tụi nó đã được thấy mặt ông « Chủ Bút Nhà Báo Saigon », và nghe ông nói chuyện hay lắm. Tụi nó khen ngợi ông ghê lắm, và mét lại cho Tuấn biết rằng ông chính là người tỉnh Quảng-Ngãi, ông học giỏi lắm, ăn nói toàn là văn-chương thơ-phú, không ai bì kịp. Ông có người anh ruột, tên là ông Bút-trà cũng là ông « Nhà Báo » và đang làm Chủ-bút tờ báo gì lớn lắm ở Sài-gòn. Hai anh em đều làm Chủ-Bút và đều là những tay cự-phách, ít nhất học cũng đã đỗ bằng Tiến-sĩ Phó-bang. Tụi học trò lại cho Tuấn biết rằng ông Hồng-Tiêu có viết một quyển sách thật hay nhan đề là « Lá thư rơi » đọc nghe mê và hay hơn chuyện *Lục Vân Tiên* mà Mẹ của Tuấn thích ngâm tối ngày. Tuấn rủ một bạn học cùng lớp, và cùng tỉnh, đến chỗ nhà ông Trợ-Bút Hồng Tiêu ở trọ. Hai đứa đều rất hăng-hái nhưng cứ do-dự, sợ, tuy không biết tại sao mà « sợ ». Sau cùng, Tuấn bảo : « Sợ cái gì ? Tụi mình đến nói với ông là tụi mình học trò, quê ở Quảng-ngãi, nghe thiêm hạ đồn ông ở Saigon đi du-lịch ra

đây, mình đến chào mừng ông, và đề xin ông diễn-thuyết cho mình nghe. Nếu ông đuổi mình đi ra, thì mình đi ra, chớ hồng lễ ông bỏ tù mình sao ? » Lần đầu tiên nghe nói đến ông Chủ-Bút tờ báo ở Sài-gòn, thật ra tui học trò sợ lắm, nhưng rớt cuộc. Tuấn và thằng bạn, là Nguyễn-Thiệu, nhất-dịnh đi xem thử cho biết mặt « Ông Chủ-Bút-nhà-Báo-Sài-gòn » như thế nào. Hai đứa mặc áo đen dài, quần mới giặt sạch sẽ, tóc mới cúp, nhưng không dám mang guốc, sợ vô-phép. Dọc đường, Thiệu hỏi Tuấn :

— Chắc ông « Chủ-Bút » giỏi lắm Tuấn hi !

— Ừ, ông làm Chủ-Bút Nhà Báo ở Sài-gòn thì ông phải giỏi hơn mấy ông Thầy giáo của tui mình chớ.

— Ông làm ra sách nữa, hay lắm.

— Ừ. Tao nghe nói mà tao chưa đọc sách ông.

— Tao sợ đến ông rồi ông hỏi về văn chương, mình trả lời hồng được, mắc cỡ chết, mầy à.

— Ông giỏi như Thần, như Thánh, còn mình là học trò thì mình hỏi ông, chớ hồng lễ ông hỏi mình ? Trò Thiệu vẫn cứ nhút nhát,

không dám gặp ông Chủ Bút Nhà Báo.

Ông Chủ-Bút Hồng-Tiêu ở trọ một căn phố hẹp, ngay đường chính giữa thành-phố, và bên cạnh một tiệm thợ cúp tóc. Trò Tuấn và trò Thiệu vừa đến cửa, thì trò Thiệu sợ quá, bỏ chạy mất. Tuấn hơi ái-ngại, nhưng cứ liều bước vô nhà. Cánh cửa đã mở sẵn, Tuấn thấy một ông mặc áo quần Tây, (hồi đó ở Quinhơn, mặc đồ Tây hiếm lắm, trừ mấy ông giáo và mấy ông Thông, ông Phán), ông ngồi viết gì nơi bàn viết kê sát vách tường. Trên vách, có dán những tấm giấy viết những câu bằng nét chữ to, mà Tuấn còn nhớ đại-khái :

« Thì giờ là tiền bạc.

Người có học, phải có chí.

Thánh hiền có học mà nên

Văn-chương phong-nhã, là
tiên trên đời. »

Tuấn nghĩ thầm ngay rằng ông Chủ Bút Nhà Báo thật là bậc Tiên Thánh, cho nên ông viết ra những câu văn-chương thật là thâm-thúy. Trò Tuấn lễ-phép chấp hai tay trước ngực, cúi đầu thưa :

— Dạ bẩm ông !

Ông Chủ Bút Hồng-Tiêu, kéo ghế đứng dậy, đến gần trò, đưa tay ra vỗ vai trò, ra chiều thân-mật. Ông hỏi :

— Trò đến thăm tui hi ? Trò học lớp mấy ?

— Dạ, thưa ông, tui học lớp Đệ-nhứt-niên.

— À, trò giỏi quá, hi,

Trò Tuấn không dám nói câu gì, chỉ cứ làm thỉnh ngó ông Chủ-Bút Hồng-Tiêu. Ông cười dễ thương, không phải nghiêm khắc như mấy ông Giáo-sư trong lớp. Ông lại hỏi :

— Quê trò ở đâu ?

— Dạ, bẩm ông, quê tui ở Quảng Nghĩa.

— Vậy à ? Tui cũng ở Quảng-Nghĩa. Dân Quảng-Nghĩa mình học giỏi lắm, trò ráng học nghe hông ?

— Dạ.

— Trò định học rồi lớn lên làm nghề gì ?

— Dạ, tui hồng biết.

— Học cho giỏi rồi đừng thèm làm quan ! Ra làm báo, làm Văn-sĩ như tui đây nè.

Trò Tuấn thấy ông Chủ-Bút Hồng-Tiêu dễ thương, mới bạo dạn hỏi :

— Bẩm ông, làm Báo có khó hông ?

Ông Chủ-bút - Hồng-Tiêu cười :

— Khó chớ, dễ sao được !

Tuấn đánh bạo hỏi tiếp :

— Bẩm ông, tui học Toán dở lắm, cứ bị thầy giáo cho zéro hoài, như vậy sau tui lớn lên có làm Báo được hông ?

— Được. Hồng cần giỏi Toán nhưng phải giỏi văn-chương. Trong lớp, trò làm bài luận có khá hông ?

— Dạ, mấy cô học trò con gái họ cứ nhờ tui làm gà bài luận cho họ, rồi họ cho tui kẹo thèo-lèo.

Ông Chủ-Bút Hồng-Tiêu cười hả-hả-hả rồi vỗ vai trò Tuấn :

— Vậy thì trò này tài quá. Trò ráng học giỏi rồi lớn lên viết văn cho đàn bà con gái đọc được đó ! Tên trò là chi ?

— Dạ, thưa ông, tên tui là Tuấn.

Ông Chủ-Bút Nhà-Báo liền chỉ cho trò Tuấn mấy câu của ông viết dán trên tường :

— Nè, trò Tuấn nhớ mấy câu danh ngôn đây ! *Thì giờ là tiền bạc*, Tây cũng nói : *Le temps, c'est de l'argent* ; *Người có học*

phải có chí, không có chí thì học sao nên được, phải hông, hỉ? Thánh hiền có học mà nên, Văn chương phong-nhã là tiên trên đời! Phải hông? Hỉ?

Trò Tuấn nở một nụ cười ngây thơ:

— Dạ, phải.

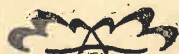
Nói chuyện khá lâu, xong trò Tuấn kính cần chấp hai tay trước ngực, cúi đầu chào:

— Thưa ông, tui xin về.

— Ủ. Trò này dễ thương quá! Tuấn sung-sướng hãnh - diện, được thấy mặt ông «*Chủ-Bút Nhà-Báo Sài-gòn*», biệt-hiệu là *Hồng-Tiểu*, quê ở *Quảng-ngãi*.

Hôm sau vào trường, Tuấn khoe khắp lớp là được ông *Hồng-Tiểu*, «*Chủ-Bút Nhà Báo Sài-gòn*» về vai và bắt tay... au revoir!

(còn nữa)



★ NIÊN HIỆU

Kịch sĩ *Sacha Guitry* thường tự hào và lấy làm khoe-khoang khi thuở nhỏ là một cậu học-trò lười biếng vào bậc nhất, kịch-sĩ có kể lại một câu chuyện sau đây.

Năm kịch-sĩ đi thi sơ-học vào vấn đáp, quan chấm trường hỏi mãi chẳng trả lời được câu nào, sau cùng hỏi một câu:

— *Thôi được, tôi hỏi gì anh cũng không biết, vậy anh biết gì?*

Kịch-sĩ đáp:

— *Thưa thầy, con biết những niên hiệu trong lịch-sử.*

— *Nếu thế thì được lắm, anh thử kể một vài niên hiệu ra tôi nghe.*

— *1515, 1683, 1789, 1811, 1830.*

Quan chấm trường đăm hoảng:

— *Ít ít chứ! song những con số nối đuôi nhau ấy là số gì vậy?*

— *Thưa thầy là những niên hiệu.*

— *Phải rồi. Song vào những niên hiệu ấy thì có những việc gì xảy ra?*

Cậu học trò liền dõng dạc đáp:

— *Thưa thầy, con đã bầm với thầy là con chỉ nhớ những niên hiệu chứ con có nói là nhớ cả những việc xảy ra vào những niên hiệu ấy đâu!*

VÂN-AN

bên lò sưởi



★ *Hồng - Anh*
(Bruxelles)



Ồi không là nhà Thơ. Tôi không biết làm thơ nữa. Hồi còn học bên nhà, trường *Marie Curie* yêu-dấu, tôi là đứa nữ-sinh kém Việt-văn nhứt. Nhưng tôi lại thích nghe Thơ, cũng như nghe Đờn mà chính tôi không biết đánh đờn. Qua bên này đã lâu, tôi vẫn nhớ đến những bài Thơ cũ đã học hồi còn ở học-đường. Mỗi lúc nhớ nhà, chỉ ngâm một

vài câu hát bình-dân cũng đã cảm thấy có ý-nghĩa thâm-trầm cách lạ thường. Tôi có thể nói thật rằng dù ở đâu xa Việt-Nam, chúng tôi vẫn yêu thơ Việt-Nam. Như đọc Thơ «*Hoang-Vu*» tôi thấy thích không gì bằng. Tôi thuộc lòng nhiều bài trong đó vì đọc đi đọc lại nhiều lần, chán ngấy những danh-từ kỹ-thuật. Tôi nhớ quê-hương Việt-Nam, đọc thơ *Hoang-Vu*, đỡ nhớ. Quê-hương, là *Hoang-Vu*

đó. Hoang-Vu là quê-hương đó.

Đêm nay trời lạnh buốt. Bạn tôi nói ở Paris lạnh hơn, tôi không tin. Hai đứa ngồi bên lò sưởi, nhớ nhà, tự-nhiên nói đến Thơ bên ta, và Thơ bên này. Tôi muốn viết thử một bài đề so-sánh, nhưng chắc là không viết được, bởi lẽ tôi không viết văn bao giờ. Nhưng tôi tìm thử hiểu sự cách biệt trong linh cảm, và Pháp-ngữ hình như làm thơ không-xúc-động bằng Việt-ngữ. Thơ Pháp hồi Thế-kỷ XIX, như Victor Hugo, Alfred de Vigny,

Musset, Lamartine v.v... thì thật là hay, nhưng lạ sao những thi-sĩ Pháp ngày nay, tôi đọc không thấy hay nữa? Họ dùng chữ lạ quá. Không phải chữ của Victor Hugo. Chỉ bạn tôi đi Paris về, có mang theo vài tập thơ mới xuất bản, bán chạy nhứt, của những thi-sĩ đang nổi tiếng. Như quyển « *Choix de Poèmes* », tác-giả là thi-sĩ Jean Tardieu hình như được nhiều người ưa trong giới sinh viên và trí thức Pháp và Bỉ. Chúng tôi xem bài

Les Fleurs de Papier

*Je t'avais dit, tu m'avais dit
Je t'avais dit, je t'avais dit, tu m'avais dit,
Je t'avais dit, tu m'avais dit,
Je t'avais dit, tu m'avais dit, je t'avais dit,
— Oh ! Comme les maisons étaient hautes !
Oh ! Comme le vieil appartement sentait la poussière !
Oh ! Comme il était impossible à retrouver
Le temps du soleil, le temps du futur, des fleurs, du papier !
Je t'avais dit, tu m'avais dit
Je t'avais dit, je t'avais dit, tu m'avais dit.*

Bạn tôi dịch đúng nghĩa như sau đây :

Những Hoa Giấy

*Tôi đã bảo với em, em đã bảo với tôi
Tôi đã bảo với em, tôi đã bảo với em, em đã bảo với tôi.
Tôi đã bảo với em, em đã bảo với tôi,
Tôi đã bảo với em, em đã bảo với tôi, tôi đã bảo với em*

— *Ồ ! Sao các ngôi nhà cao thế !*

Ồ ! Sao cái căn nhà cũ hôi mùi bụi thế !

Ồ ! Sao mà khó tìm lại được.

Thời kỳ có nắng, thời kỳ của tương-lai, của hoa, của giấy !

Tôi đã bảo với em, em đã bảo với tôi

Tôi đã bảo với em, tôi đã bảo với em, em đã bảo với tôi.

Tôi có hỏi ông Giáo-sư Thạc-sĩ Văn-chương cái ý-nghĩa sâu-xa thế nào của bài Thơ ấy. Ông nhún vai cười, và trả lời : « Bài Thơ hay tuyệt. Nhưng các cô phải tìm hiểu. Nhưng các cô phải tìm hiểu. Nhưng các cô phải tìm hiểu. » Rồi ông cười, bỏ đi. Không biết là ông Giáo-sư Thạc-sĩ có ý ngạo chúng tôi hay ngạo nhà Thơ, tác-giả bài thơ kia ? Ngồi

bên lò sưởi, chúng tôi đọc lại bài thơ, mà vẫn còn thắc-mắc không hiểu tác-giả lẫn ông Giáo-sư.

Bạn tôi nói : « Thơ ở Paris bây giờ như vậy hết. Hiểu, không hiểu, mặc kệ. » Còn đây là nhà Thơ Norge, người Bỉ, tác-giả tập « *Quatre Vérités* » cũng mới xuất-bản. Tôi kê ra đây một bài, tựa là :

Cri du cœur

*Cri, sordide cri de mort
Au fond du cœur se déchaîne
Et même cri sur la plaine.
Sur les blés de Messidor.
Couteau, ce chant, tu le trouves
Dans la gorge du cochon,
Dans le ventre de la louve,
Ce chant rouge et long, et long,
Mais il dure dans le cœur
Il rugit dans la blessure
Et de toute sa splendeur,
Il règne. Il dure et fulgure.*

*Dans le cœur excellemment,
Ce terrible diamant
Par mille échos se bala.c.,
Retentit infiniment*

Et n'est fait que de silence.

BÊN LÒ SỬI

Cũng bạn tôi dịch chơi như sau đây, theo đúng nghĩa nguyên-văn :

Tiếng kêu của con tim

Tiếng kêu, tiếng kêu đều-giã của cái chết
Ào-ạt trong đấm lòng
Và cũng là tiếng kêu trên đồng bằng
Trên đám lúa mì của tháng Messidor.

Cái dao, tiếng hát ấy, mi nghe nó
Trong cổ họng con heo,
Trong bụng con chó sói
Tiếng hát đó ấy, và dài và dài.

Nhưng nó lâu dài trong con tim,
Nó la-hét trong vết thương
Và nó ngự-trị từng-bình lộng-lẫy,
Nó lâu dài và sáng chói.

Tuyệt-diệu trong trái tim
Ngọc kim-cương ghê-gớm ấy
Lắc qua lắc lại thành muôn nghìn tiếng dội
Vang ra vô cùng tận.

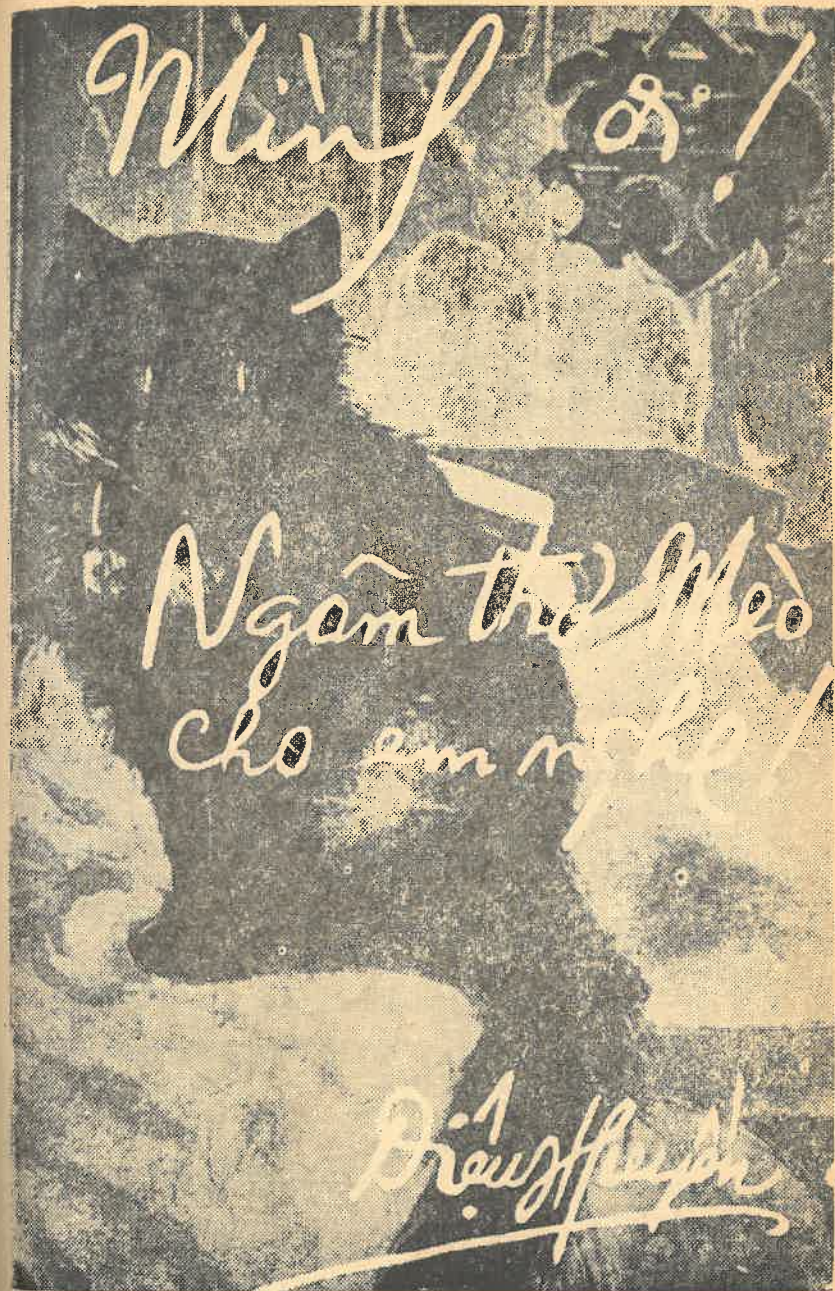
Và chỉ là tiếng của im lặng.

Chúng tôi không dám cười, bởi vì chúng tôi không hiểu. Nhiều người không hiểu cũng như chúng tôi, và họ cũng không dám cười. Nhưng họ không đọc. Chúng tôi đọc để tìm hiểu. Nghĩa là để không hiểu. Bạn tôi nói với tôi: « Có lẽ lý-do không hiểu, là tại mình có cái óc Việt-Nam, không thông-cảm được với cái óc của người Tây-phương ». Nhưng tôi hỏi lại: « Vậy thì

những người Tây-phương không hiểu nỗi thơ ấy là họ có cái óc Việt-nam sao? »

Ngồi bên lò sưởi, ở thủ đô xứ Belgique, nhớ Quê-hương Việt-nam đang vui mừng đón Xuân, đang « ăn Tết ». Chúng tôi đọc thơ Tây-phương để giải sầu hai đứa lại càng thấy bơ-vơ hơn lúc nào hết !

● HỒNG-ANH
H. T.
(Bruxelles)



M

INH OI, năm con Mèo, Minh ngâm thơ Mèo cho em nghe đi!

— Mèo, có năm bảy thứ Mèo, em muốn anh ngâm thơ về loại Mèo nào chứ?

— Thơ con Mèo, con Mèo kêu meo - meo, có bốn chân và có đuôi đó. Còn Mèo gì khác của Minh, em khỏi thêm nghe đi!

— Thơ con mèo kêu meo meo, có bốn chân và có đuôi, thì em mở *Phở-Thông* số Xuân vừa rồi ra mà xem. Các nhà văn đã kể ra trong đó biết bao nhiêu là thơ Mèo của các Thi-sĩ thuở xưa!

— Em đã đọc rồi, nhưng chỉ có Thơ ta, chưa có Thơ ngoại-quốc. Em muốn biết các nhà Thi-sĩ khác trên Thế-giới ca - tụng con Mèo như thế nào. Thí - dụ như Thi-sĩ Anh, Thi-sĩ Pháp, Thi-sĩ Nhật v.v... chắc họ cũng thích

The Cat and the Moon

*The Cat went here and there
And the moon spun round like a
top,
And the nearest kin of the moon
The creeping cat, looked up.*

mèo lắm chứ? Mèo là một con vật khá-ái thể nào lại chẳng gọi hứng cho họ được năm mươi câu thơ, mình nhĩ?

— Ủ, nhiều thì anh không biết, chứ năm mươi câu thì họa may anh còn nhớ.

— Thí dụ cho em nghe. Như thơ Anh chẳng hạn.

— Thơ Anh thì có bài *The Cat and the Moon* của **W B Yeats**. Yeats được giải thưởng Nobel về Văn-chương năm 1923. Bài *The Cat and the Moon* nổi tiếng từ khi đưa lên ngâm lần đầu tiên trên sân khấu Abbey Theatre ngày 9 tháng 5 năm 1926

— Minh đọc và dịch ra thơ Việt đi.

— Chịu thôi. Anh đâu phải là Thi-sĩ mà dịch ra thơ được. Anh đọc nguyên văn hết bài thơ Anh, rồi anh dịch nghĩa sao cho em hiểu thôi nhé.

— Ủ

*Black Minnaloushe stared at the
moon,
For wander and wail as he
would,
The pure cold light in the sky*

MINH OI!

*Troubled his animal blood.
Minnaloushe runs in the grass
Lifting his delicate feet.
Do you dance, Minnaloushe. do
you dance?*

*When two close kindred meet
What better than call a dance?
Maybe the moon may learn,
Tired of that courtly fashion,
A new dance turn.*

*Minnaloushe creeps through the
grass
From moonlit place to place.
The sacred moon overhead
Has taken a new phase.*

*Does Minnaloushe know that his
pupils
Will pass from change to change.
And that from round to crescent.
From crescent to round they
range?*

*Minnaloushe creeps through the
grass
Alone, important and wise,
And lifts to the changing moon
His changing eyes.*

★

Dài quá xá, hà em! Nhưng thích thú lắm em ơi!

— Minh dịch ra cho em hiểu nghĩa đi!

Mèo và Trăng
Chàng Mèo rảo bước đó đây

Nàng Trăng như chiếc con-
quây, quay tròn. (1)
Trăng, Mèo, thân-thích bà-con,
Mèo đi dưới đất vẫn dòm lên
trăng.

Mèo-Mun trở mắt bán-khoăn
Bước đi mỗi bước, lòng lằng-lằng
buồn

Anh trăng trong-vắt, lạnh-lùng,
Mèo kêu rên-rỉ, náo-nùng tâm-
can.

Mèo-Mun cất bước nhẹ-nhàng
Bốn chân yều-đệu t-ên làn cỏ
xanh.

• Mun ơi! Khiêu-vũ không. anh?
Vui chơi nhây-nhót thêa tình một
khi,

Gặp nhau đôi bạn cố tri
Ôm nhau khiêu-vũ còn chi cho
bằng!

Em đã mệt-mỏi xoay-văn,
Cứ theo lối cũ quay-quần kiếp
trăng.

Ước sao Mun giay cho Hằng
Xoay thêm vài kiếp tối-lân nhập-
nhàng».

Mun say dưới ánh trăng vàng,
Nhảy qua, nhảy lại trên làn cỏ
trời.

Trăng cao rực rỡ vòm trời
Nhìn Mun, Trăng học nhảy với
theo Mun.

(1) Con quay: trái vụ, con vụ, la toupie.

Chẳng hay Mèo có biết không
Trăng đã bắt chước lúc cong, lúc
tròn.

Lúc đưa ra mảnh trăng non,
Lúc lui vào tối trắng còn nửa
trăng.

Mèo-Mun trên cỏ bán-khoăn,
Cỏ-đơn, tự-đắc, nhìn trăng trên
trời,

Bốn tuần thay mặt đời ngời,
Khi tròn, khi khuyết, như đôi
mắt mèo.

Hay hông em? Cái trí-óc
tưởng-tượng của Thi-sĩ nước
Anh, tả cảnh Mèo đùa với
bóng trăng trên cỏ, thành ra
một câu chuyện đời thoại có
ý-nghĩa rất thâm-thúy, và
độc-đáo.

— Minh ơi, có phải nhà
thơ tưởng-tượng rằng bốn
tuần trăng trong tháng, lúc
thành trăng lưỡi liềm, lúc
thành bán nguyệt, lúc tròn,
lúc khuyết, đó là những
« pha » khiêu-vũ « cụp-lạc »
mà cô Hằng-Nga học được
của chàng Mèo trong lúc
nhìn Mèo đùa nhảy dưới
ánh trăng đó, phải không?

— Phải.

— Thích thú quá há Minh!
Minh còn nhớ bài thơ Mèo
nào của ngoại-quốc nữa
không?



— Bài The greater cats
của bà Victoria Sackville,
một nữ Thi-sĩ có danh-tiếng
của nước Anh, cũng ở Thê-
kỳ XX.

— Minh đọc cho em nghe.

— Thôi, dài lắm, Anh
không muốn em nghe nhiều
sẽ nhức óc.

— Thi Minh đọc bài nào
ngắn ngắn vậy.

— Ngắn chừng bốn câu
được không?

MÌNH OI!

— Được. Của ai?

— Của **Henri Heine** một
Thi hào của nước Đức.

— Ô! Thi-sĩ Đức há Minh?
Đọc lên cho em nghe!

-- *Des Nachbars a te Katze
Kam öfters zum Besuch
Wir machten ihr Bückling und
Knetkese*

Und Komplimente genug!

— Minh nói nghĩa đi!

*Hàng Xóm có con Mèo già
Thường sang thăm viếng bên
nhà chúng tôi*

*Mỗi lần Mèo đến, chúng tôi
Cúi đầu chào vái, chúc đôi ba
lời*

Đó là một bài hát bình-
dân vui, về cho các em
nhưng vẫn ngụ-ý rằng các
em còn nhỏ tuổi, dù thầy
một con mèo đã già ở hàng
xóm qua chơi, các em cũng
phải cúi đầu xuống làm lễ
chào nó! Nước Đức có rất
nhiều loại thơ bình-dân như
thê, tuy là nhẹ nhàng vui vẻ
nhưng vẫn có nhiều ý-nghĩa
thâm-trầm.

— Cũng y như các câu hát
bình dân của Việt-nam mình
chứ gì, Minh nhỉ? Như:

*Con mèo trèo lên cây cau
Hỏi thăm chú chuột đi đâu
vắng nhà*

Em thích những loại thi-ca
bình dân như thê, diễn tả
tinh thần của mỗi dân-tộc,
hơn là loại Thơ quá cao-xa.
Bây giờ mình đọc vài bài
thơ Pháp đi!

— Thơ Pháp, hồi Thê-kỳ
XVI, Thi-sĩ **Ronsard** ghét
Mèo và làm loại thơ 10 chữ
dễ chửi mèo thậm tệ. Trái
lại, bạn thân của Ronsard, là
Thi-sĩ **Du Bellay**, lại cưng
Mèo như cưng con:





.....
*Soit que ce petit coquin
 Privé sautelât sur sa couche
 Ou soit qu'il ravît à ma bouche
 La viande, sans m'outrager,
 Alors qu'il me voyait manger... »*

Nghĩa là
 « Mặc dầu là con-nhật-con
 Nhảy lên giường ngủ nệm gòn
 của tôi,

*Mặc dầu nó chup trên môt,
 Nó khờn miệng thớt tốt
 nhất trên mồm*

*Mà tôi chẳng giận, chẳng
 hờn,
 Tôi chơi với nó, nó vờn lấy
 tôi... »*

Cứ kể ra, thi-sĩ văn-sĩ Pháp
 thích mèo và làm thơ Mèo,
 viết văn Mèo nhiều lắm. Từ

Montesquieu, Crébillon, Bernardin de Saint Pierre J. J. Rousseau (Thế kỷ XVIII), Chateaubriand, Théophile Gautier, V. Hugo, (Thế kỷ XIX) cho đến Anatole France, Pierre Loti, Colette, Claude Farrère, Lucie Delarue Mardrus, Rochefort, v.v... không kể hết được.

Chateaubriand phê-bình con mèo : *« J'aime dans le chat ce caractère independant... et cette indifférence avec la quelle il passe des salons à ses Couttières natales. »* (Tôi yêu trong con mèo cái tính độc.lập của nó.. và thái-độ lãnh-đạm điếm-nhiên trong lúc nó bỏ phòng khách để nhảy lên máng nước trên mái nhà, quê hương của nó..) Thi-sĩ Mérimée bảo : « Nó có thật nhiều trí khôn, chỉ tiếc rằng nó hay hờn, hay giận ». (Il a tant d'esprit. Quel dommage qu'il soit aussi susceptible). Nhà thơ Théophile Gautier thì khen ngợi con Mèo nhiều hơn cả : « Ils se plaisent dans le silence, l'ordre et la quiétude et aucun endroit ne leur plait mieux que le cabinet du litterateur.. »

(Chúng nó thích yên-tĩnh, trật-tự, êm-đềm, và không có nơi nào nó khoái bằng phòng viết của nhà văn...)

« ... Leurs caresses sont tendres. délicates, silencieuses, féminines... » (Nó môn trớn âu yếm, nhẹ nhàng yên lặng; ẻo là như phụ nữ...)

Có điều rất lạ, là trên Tao-đàn Thê-giới chỉ có các Thi-sĩ Nhật là không hề đá động đến con mèo. Dân-tộc Phù-tang thật là kỳ dị. Trong suốt lịch-sử Văn Thơ Nhật từ xưa từ xưa cho đến hiện nay, thấy họ ca ngợi toàn những vật bé nhỏ, nhất là con đom đóm (!) con chuồng chuồng (!) con Dế. Độc nhất chỉ có nhà thơ Hagiwara Sakutarō (1886 — 1942) là có một lần nói đến con mèo mà thôi, mà lại, than ôi, nói đến cái xác mèo ! Bài thơ nhan đề là Xác Mèo, mà lại cả bài hoàn toàn không nói gì đến con Mèo ! Chỉ một câu kết :

*Trong phong-cảnh mềm-èo như
 bọt bèo,*

*Ướt nhẹ những hơi nước mịt
 mù bề-nề*

*Tôi chẳng thấy người, chẳng
 thấy thú-vật...*

Bốn cánh quạt lúa thồn-thức.
nào-nở,

Rồi xuất hiện từ bóng cây
duyong-liều,

Nét mặt ngượng-ngịu
Người bạn gái tôi đang chờ,

Nàng choàng chiếc khăn mỏng
bằng tơ,

Nàng bước như oan-hồn thần-thờ
Chiếc Kimono nhẹ-nhàng phất
phơ...

Ồ! Oura! Đàn-bà buồn nào
thế!

Nàng bảo tôi: « Sao lần nào
anh cũng đến trễ? »

Thế rồi không dĩ-vãng, không
tương lai,

Chúng tôi ra ngoài thực-tế trần-
ai.

— Oura! Em muốn chúng ta vút
trong phong-cảnh đẹp này

Xác một con mèo lấm bùn không
đây?

— Thề là nghĩa sao hả,
Mình?

— Nên biết rằng Hagiwara Sakutaro chịu ảnh-hưởng thơ tượng trưng rất nhiều. Xác con mèo lấm bùn là tượng trưng sự khoái-lạc dục tình đã được thỏa-mãn, chỉ còn như xác chết, bỏ lại giữa

phong cảnh diễm-lệ hoang-vu. Đây, trong kho tàng văn thơ Nhật chỉ có mỗi một bài ấy là có nói đến con Mèo, và cả lịch-sử thi-văn Phù-tang không khác nào phong cảnh đẹp cô-liều với một xác mèo dính nhớp bùn lầy!

— Mình ơi! Em nghe bài Thơ Nhật sao không thầy hay gì hết. Thua mấy bài thơ con Mèo của các thi-sĩ Anh, Pháp, Đức. Thua cả những thơ con Mèo của các Thi-sĩ Việt-Nam!

Ông Tú vượt-ve bà Tú:

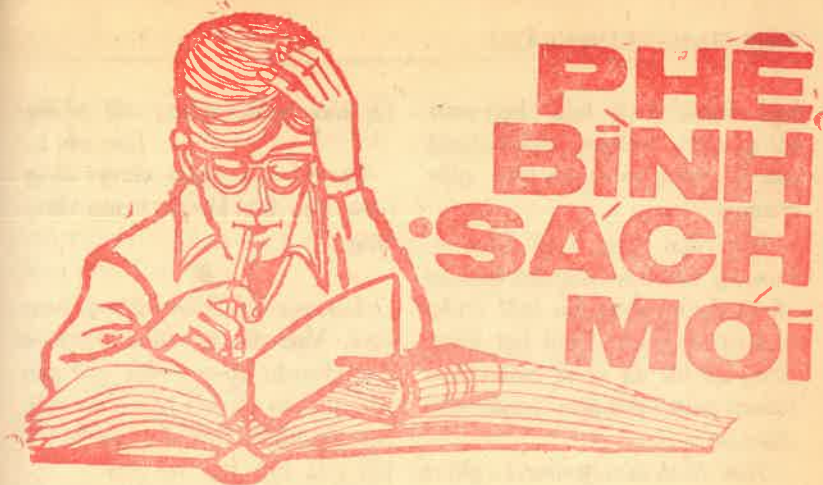
— Em là con mèo cưng của anh.

Bà Tú hắt tay ông Tú:

— Em là mèo của Mình hả? Thiệt em là mèo của Mình không? Em quào, em càu, em cắn cho bây giờ!

Nói xong, bà vừa cười đưa ra mười móng tay nhọn hoặc toan vỏ lầy ông Tú thì ông đứng dậy chạy mất. Bà Tú đuổi theo, cười âm-ĩ!..

* Diên-Huyền



THƯ SINH, TRƯƠNG-CHI

• Kịch thơ ngắn của MINH-ỨC
Tác giả Xuất-bản — PARIS

★ Nguyễn - Vỹ

TÔI có nhận được hai lần hai tập sách giống nhau, do hai người khác nhau gửi đến tặng, của một tác giả viết, cùng một nhan đề, và xuất bản tại Paris: tập *Thư Sinh — Trương Chi* của cô Minh Đức. Người gửi thứ nhất chính là tác giả với một nét ký bướng-bỉnh, chứng tỏ một bản-linh độc-đáo, cứng-rắn, bất-khuất, tin nơi ngôi sao vận-mệnh

của mình, ngôi sao duyên-dáng luôn luôn chói-lọi trên tên ký của nàng. Người gửi thứ hai, Du-Tân, một nghệ-sĩ tài-hoa ở Paris, là người đã có công trình bày tác-phẩm với một nghệ-thuật trẻ-trung, không kém phần độc-đáo.

Mới xem qua hình-thức, tất cả những yếu tố trên đã làm cho ấn-phẩm và tác-giả của nó đặc-

biệt khả-ái và hứa hẹn một cái gì mới, tinh-vi, thanh-thoát qua 12 trang in ronéo trên giấy croquis.

Tôi nằm đọc *Thư Sinh* — *Trương Chi* trên một bãi biển xa vắng, dưới nắng dịu một chiều Xuân tinh-mịch. Suốt hai tiếng đồng hồ tôi đã sống hoàn-toàn trong một thế-giới huyền-mơ diễm-ảo.

Thư Sinh là một chuyện giống như Liễu-trai, đầy thơ đầy mộng mà tác giả đã khéo tạo ra với trí tưởng tượng thật là dồi dào. Tác giả vừa là nữ Thi sĩ, nữ nhạc sĩ, nên đã biến hóa được linh hồn của Chiếc Tỳ Bà và của Ngồi Bút trong ảo ảnh phẳng-phất của hai bóng giai nhân: Huyền-Cầm và Nàng Thơ, hiện ra quyến rũ già *Thư-Sinh*. Tác-giả đã dùng những câu đối thoại bằng thơ, vô cùng lý thú, mạch thơ lai-láng tràn ngập cả vở kịch 1 màn 1 cảnh.

Nghệ thuật thật là tinh-vi ở chỗ tác-giả cho hạ màn ngay lúc mà ta đang cảm thấy chàng *Thư-Sinh* đau thương da-diết trong cô đơn, ngay lúc tiếng nói của Định-mệnh ngân nga não nê trong hoang liêu:

Gió thu về hiu-hiu,

*Ôi thư sinh, mộng rất nhiều
làm chi !..*

Ta chỉ còn nghe vắng vắng tiếng đàn bán-khoản trong vắng lặng.

Trương Chi cảm động hơn nữa. Mặc dầu ta đã biết trước câu chuyện bố-cục như thế nào rồi, ta vẫn cứ hồi hộp theo rồi, bởi những lời thơ cảm xúc mãnh liệt của nét bút tài hoa.

Trong cảnh lầu son gác tiá nhưng vắng vẻ buồn hiu, *My-Nương* đã tỏ ra:

*Khi cuộc đời trống lạnh,
Cắm với nhung không vá được
tâm-hồn,*

Sáo với đàn lấp sao nôi cô-đơn.

Một mái nhà tranh

Một tấm chăn tình

Hơn lâu vàng gác ngọc

*Mà úa héo đêm năm nghe
sương khốc*

*Lạnh cõi lòng hơn lạnh mấy
mùa đông...*

Đến khi nghe giọng hát trên sông, *My nương* liền mơ-màng:

*Chàng, hẳn phải là một thanh
niên tuấn tú*

Một văn nhân rất lỗi-lạc tài ba

*Một nhạc sĩ với tâm hồn phong
phú,*

*Một thi nhân yêu chuộng cảnh
bao la*

My nương tương tư người tài hoa như người Tiên, đến nỗi điên cuồng vọng tưởng, đề mẹ nàng phải khuyên răn:

*Đời thực tế người tiên đâu có
Mà con mơ tiếng gió đưa lên*

My-Nương lại mơ-màng:

*Một chiều sông nước mộng-
mênh
Có con thuyền nhỏ lênh-đênh
hải hồ*

Rồi nàng lại mê man:

*Trời bao la, nước bao la,
Khi trời nước đã cùng pha sắc
chiều*

Thấp-thoảng con thuyền yêu

Bóng người quân tử cô liêu

Văn-nhân ơi,

Xin mời chàng hãy đến

*Đề cùng em chịu mến một bông
hoa*

Rồi nàng lại đề mê ngây-ngất:

*Nhạc du-dương nên tơ-tình
vương vương*

*Nhạc du-dương nên hoa lá ngát
trầm hương...*

*Xin mời chàng cùng em nâng
chén ngọc*

*Rượu ái-ân từ vạn kiếp xe duyên
Bóng hạnh phúc mờ tan trong
phút chốc*

*Hãy cùng em sống trọn giấc mơ
tiên!*

Văn nhân ơi,

*Nếu là thực, xin hãy là mãi mãi
Nếu là mơ, xin mơ chớ vội tàn*

My-Nương đang say mê với ảo mộng, thì mẹ nàng sai nữ-tỳ đi gọi *Trương Chi*, theo lời khuyên của vị lương y được mời đến chữa bệnh tương-tư cho con gái. Nghe nói có « chàng » đến, *My-Nương* vội sửa xiêm áo đề đón chàng, thì chợt chàng vào. *Trương Chi* và *My-Nương* ngó nhau, một phút im lặng. Bỗng nàng kinh ngạc hét lên:

Chàng ! Trời ơi, đây là chàng ?

My-Nương quay gót chạy vội vào giường úp mặt xuống gối khóc nức nở. Nàng kêu lên:

Thế là hết, ôi tan rồi giấc mộng!

Thế là phai bao ý đẹp màu duyên!

Ôi sự thực xấu xa

Kinh hoàng ghê tởm!

Nàng tuyệt vọng hoàn toàn:

Thôi còn đâu nữa

Những chiều về gây ánh lửa
yêu đương
Giọng ngân dài thăm thăm tự
ngàn phương

Nàng đau khổ :

Tim tiếng gió nhưng nào đâu
thấy gió
Trông theo mây, mây đã đời
muôn hình.
Thôi hết rồi giấc mộng của
ngày xanh!

Tan rồi giấc mộng cuồng điên
Phai rồi hoa lá của miền tương
tư

Trong lúc đó, Trương Chi
tự biết thân phận mình không
xứng đáng với mối tình tha
thiết say mê của Tiểu Thư,
nhưng...

Nhưng lòng ta ơi
Yêu rồi từ buổi ấy
Nàng vì ta mà bệnh não cuồng
điên...

Định mệnh oái-oán làm chi
thế?

Khéo bày chi xấu đẹp
Vải bố hờn lụa the?

Ước gì ta được giàu sang
Đề ta mang kiệu rước nàng về
đây

Chàng cười điên dại :

Ha ha ha, lều tre xơ xác đã
quen
Nhưng người tiên cũng từng
phen yêu mình
Mỗi chiều sông nước lênh đênh
Con thuyền thả tới giếng tình
trêu ai
Nhan sắc sẽ mờ phai
Nhưng chân tình bất diệt
Đẹp hôm nay không đẹp nữa
ngày mai
Mà tình ái càng lâu dài càng
thắm thiết..

Chàng cố gắng tự an ủi :
Đôi cánh tay làm việc
Giọng tình ta say sưa
Mối tình ta thắm thiết
Mái tình che nắng mưa...

Nhưng đâu có được ! Định
mệnh đâu có sắp đặt mọi sự dễ
dàng như thế :

Tình người đành tuyệt vọng
Ôm hận xuống tuyền-đà!
Xác trôi theo gió sóng
Đạt dào không ngày mai

Trương-chi đã phải cảm thấy
bao nhiêu xót-xa mai-mĩa của
mối tình ngang-trái, mối tình
cay chua :

Mỵ nương ơi !
Ai sinh ra nhan sắc
Đề cho nàng mang đôi mắt
huyền nhưng
Ta phận hèn sao lọt chốn thâm
cung...

Chàng âm thầm nuốt hận ư ?
Chàng đeo-đuôi ảo-ảnh xa vời
kia ư ? Không !

Ngày mai khi sao lịm,
Chắc ta sẽ không còn
Gửi nhờ làn gió tím
Mang tim đến lầu son
Gió sẽ bảo với nàng : ta đã chết!
Hồn bơ-vơ như xác cũng bơ-vơ
Gió sẽ khóc tình kiếp này chợt
hết

Nhưng kiếp sau và... vạn kiếp
nữa ta chờ.

Mỵ Nương ơi !
Nàng yêu nhạc, hồn ta vương
trong nhạc,
Nàng yêu hoa, hồn ta kết thành
hoa.

Gió u-uất khi chiều lên tiếng hát
Riêng gửi nàng, đây khúc hận
tình ca !

Người thuyền chài đã chết vì
tuyệt vọng, vì đau khổ, vì si mê
mà cô gái trong đài trang cung
cấm cũng không sao quên được
tiếng hát nào nùng trên sông
vắng. Nàng đã yêu, mà tình yêu
đâu xóa bỏ được khi nó đã
chiếm hẳn cả trái tim, cả linh
hồn, cả tâm tưởng ?

Giấy lòng đã viết bài thơ
Mực lòng đã thấm những tờ
yêu đương
Đầu cho giông tố dậm ngàn
Cũng không xóa nổi muôn hàng
chữ yêu

Thế cho nên, khi người điều
khắc đem bát ngọc kỳ diệu đến
cho nàng xem, nữ tỳ rót nước
vào bát thì hình ảnh con thuyền
câu nổi lên với chàng ngư phủ.

Mỵ-Nương kinh ngạc :

★ Trời ơi, chàng !

Giọng hát xưa nổi dậy. Mỵ-
Nương khóc, nước mắt rơi
xuống bát, tự nhiên hình ảnh
chiếc thuyền câu biến mất. Mỵ-
Nương thồn thức :

Tình lang ơi,
Thân, ủa nát nhưng hồn còn ư
uất
Lòng em đây, tình duy nhất
chưa phai...

Nàng gục xuống khóc thì màn hạ để cho ta bù ngủi... ư a lệ.

Minh-Đức đã thành công với nghệ-thuật ca-kịch mà nàng đã biết khai thác đến tuyệt đích căng thẳng của nó. Đọc hai bản kịch khác nhau: *Đề sưỡi ấm lòng anh* và *Trương-Chi*, tôi nhận thấy cái thiên tài của Minh-Đức xuất hiện trọn vẹn trong tiếng cười cũng như trong tiếng khóc. Bí quyết của sự thành công ấy là một phối hợp tâm lý đúng mức của mỗi nhân vật ở mỗi hoàn cảnh, diễn tả trong những lời thơ, lời văn điêu luyện và tế nhị.

Ở trong Minh-Đức có hai tâm hồn trái ngược nhau, mà vẫn không mâu thuẫn: hài hước và bi hận vẫn là hai khía cạnh được nàng mài dũa sắc bén đề ứng phó với mỗi tâm trạng cách

biệt của mỗi vai trong kịch trường. Có lẽ cả trong trường đời cũng thế.

Trên văn đàn Việt-Nam hiện đại, tôi thử tìm hai Minh-Đức, nhưng không có, hay chưa có. Minh-Đức là một cô gái Việt-Nam sinh trưởng ở Huế, nhưng làm thơ và viết văn ở Paris. Trong văn thơ và cả trong những kịch của cô, có hương vị độc đáo nồng nàn của hai tinh hoa văn nghệ biết pha trộn đúng lượng đúng cân.

Bản kịch *Trương-Chi*, nếu dịch ra Pháp-văn và Anh-văn, đem diễn trên các sân khấu quốc tế, chắc chắn sẽ được hoan nghênh. Còn hơn *Aimez-vous Brahms* và *La robe mauve de Valentine*...

N. V.



★ LÀM SAO GẶP NHAU VÀ Ở CHUNG ĐƯỢC ?

- Ba đẻ ở đâu hả ba ?
- Ở Bắc.
- Thế Me đẻ đâu hả ba ?
- Ở Trung.
- Thế hả ba, lạ quá nhỉ. Ba đẻ ở Bắc, Me đẻ ở Trung, còn con ở Saigon, thế mà lại gặp được nhau và ở chung một nhà, thật lạ quá ba nhỉ !



ai sinh cái Tết cho nhau thêm phần

Ôi Xuân ôi ! ôi Tết ôi !
 Ai vui với Tết ? ai cười với Xuân ?
 Vui với Tết. áo quần cố sắm,
 Mừng với Xuân, hoa thắm cố mua.
 Về sang lịch, cố thi đua,
 Lễ nào chịu kém, chịu thua cùng người.
 Rượu hạng nhất cố vời bằng được.
 Món ăn sang cố chúc cao lương.
 Sao cho cái Tết lên hương.
 Sao cho Xuân đơm mọi phương xuân tình.
 Ba ngày Tết vung-vinh ra về,
 Gái cùng trai, già, trẻ đều tươi.
 Gặp nhau nói nói, cười cười,
 Giàu sang nào thiếu những lời chúc nhau.
 Lời chúc ấy, trước sau mà được.
 Cái Tết kìa hạnh phúc nhường bao.
 Còn đâu những giọt lệ trào,
 Sau khi Tết hết, hào bao cạn rồi.
 Công, tư chức ngậm-ngùi than thở,
 Quá vui Xuân đeo khó vào thân,
 Lương vay, lương tháng hết dần,
 Còn đeo thêm cái nợ-nần mà chơi.
 Công, thương nợ tiếng cười cũng tắt,
 Kết tiền với dạ thất than dài.
 Xuân về cố nắm làm vui,
 Tiền không lỗ hồng, tiền chui dăng nào.
 Ăn cho lắm sơn hào, hải vị,
 Uống cho nhiều rượu quý mới vui.
 Giờ đây khó thở, đầy hơi,
 Bụng sao tâm-tức, mồm hôi dăng khè.
 Xuân với Tết vui ghê là thế.
 Qua Tết rồi dư vị còn đâu.
 Sót tiền ruột lại thêm đau,
 Sinh chi cái Tết cho nhau thêm phần.

s á c h

B Á O M Ō I

- ★ **Tuổi Tình yêu**, Thơ của Hải-Phương. In đẹp. Độ 60 trang, giá 50\$. Tác-giả xuất bản.
- ★ **Tình anh**. Thơ của Diệu-Thanh. 53 bài — 77 trang — giá 48\$.
- ★ **Tuổi đời**, Thơ của Ninh-Chữ. 49 bài — 90 trang — giá 36\$.
- ★ **Hoa Lan**, Thơ của ông Lãng-Ba. Phan-văn-Bộ, chánh Lục-sự Cán-Thơ.
210 bài — 228 trang — giá 38\$
- ★ **Ngã rẻ Tâm Tình**. Tiểu thuyết của Ngọc-Linh. Phủ sa xuất bản — 285 trang — giá 50\$
- ★ **Một Thiên Tình-hận** của Stefan Zweig. Bản dịch của Bà Vũ-Bá-Hùng, tự Thiếu Mai. Từ sách Hoài Hương — 1962 — 85 trang — giá 16\$
- ★ **Nắng đẹp hoàng hôn**, truyện dài của Bà Thiếu-Mai, 244 trang — giá 40\$
- ★ **Tâm sự người đi biển**, Thơ của Hữu-Phương. Hữu-Phương, tác-giả tập thơ « *Luống biển* », xuất bản năm 1962 là một sĩ-quan cao-cấp trong Hải-quân và cũng là một Thi-tài khả-ái. « *Tâm-sự người đi biển* » là thi-tập thứ hai, dày 60 trang, gồm 15 bài trong đó có nhiều bài hay.
Bản đặc-biệt không để giá bán.
Địa-chỉ liên lạc = 2 ter đường Thủy-Quán, Saigon
- ★ **Bút Hoa**. Do ông Trần-xuân-Chân chủ trương — 64 trang — 15\$

★ **Hùng Đông**, tạp san « *tiếng nói của sinh viên và Việt kiều Hải-ngoại* » Xuất bản ở Paris — 32, avenue de l'Observatoire, do Linh-mục Trần-thanh-Giản làm chủ-nhiệm. Giá bán mỗi số 1 NF.

● **Trời Tự-Do**, Giai-phẩm sinh-viên Việt-nam do các bạn sinh-viên chủ trương : Văn siêu Nguyễn Hồng Minh, Mạc-Minh-Sa, Trương đình Thụy, Phạm đức Phác v.v... 66 trang, giá bán 20\$. Bài-vở rất trẻ trung, chứa đựng nhiều ý đẹp.

★ **Hoa Thề**. Thi-phẩm của Lê-minh-Ngọc. Tựa thủ-bút của Vũ-hoàng-Chương. Tạ-Tỵ vẽ bìa. Một tập thơ có giá-trị, nhiều bài hay, ý-từ thâm trầm, In đẹp, 47 bài, 85 trang, giá 48\$

★ **Hai mươi nhà văn, hai mươi truyện ngắn**. Một tập tuyển chọn 20 truyện ngắn của 20 nhà văn đã xuất bản trong mấy năm nay :

Bình nguyên Lộc, Cao-hữu-Huân, Hoàng anh Tuấn, Kiêm-Minh, Lê vinh Hòa, v.v... Nhà X.B. Phủ-sa trình bày. Sách dày 280 trang. Quyền đặc-biệt không để giá bán.

★ **Màu sắc Quê-Hương**

Ca vọng-cổ. Soạn-giả cô Phan-phụng-Văn, Tây-Ninh. Có hình của tác-giả. 16 trang 2\$.

★ **Dư âm**, Thơ của Ô. Nguyễn-Ly-Hà, Phú-nhận, 50 trang, In giấy Blanc-fin, đẹp. Tác-giả xuất-bản.

★ **Chờ Sáng**.

« Đoàn-tác » của Ô. Nguyễn-sỹ-Tế, Ngọc-Dũng trình bày bìa. Nhà xuất bản Sáng Tạo. Gồm 11 truyện ngắn — 170 trang. Giá 45\$.

★ **Một vài cảm-nghĩ của người Thầy Thuốc**

Của Bác-sĩ Anh-Tuần Nguyễn-tuần-Phát xuất bản lần thứ hai, với những lời nhận xét của nhiều nhà văn về giá-trị của tác-phẩm này. Bản đặc biệt không để giá.

★ **Hương-Đạo Việt-Kiều**

Đặc-san của ban Hương-Đạo Việt-Kiều ở Vientiane (Lào) số 1, tháng 1-1963. Chủ nhiệm : Linh-mục Võ-quang-Linh — Chủ-bút : Triển-Giang — Thư-ký tòa-soạn : Trần-đình-Trương.

★ **Giang-Sơn.** Đặc-san Xuân, Tiên-hóa xuất bản. Nguyễn - Tiến - Thịnh chủ - trương, 460 Nguyễn-Tri-Phương, Cholon.

★ **Xuân Lành-Mạnh,** Đặc-san xuất bản ở Huế. 56 trang. Giá 24\$00

★ **Hương Lòng.** Thơ của Trương-ngọc-Kỳ, xuất bản ở Huế. 24 trang in ronéo, không để giá bán.

★ **Bỏ lại đằng sau,** Thơ của Kiêm-Thêm 22 bài. In đẹp. Không để giá bán.

★ **Tiến 3.** Cơ quan Hương-Đạo của Liên-đoàn Trà-Kiều, Đà-nẵng, do Linh-mục Tuyên-úy, Ban huynh-trưởng Tráng-sinh, Thiêu-sinh, ầu-sinh gởi tặng.

★ **Chuyện chúng mình** tập 3. Những bài Thơ của Ái-Khanh. Của Nhất-Tuấn. Giấy thường 26\$. Giấy tốt 32\$.

★ **Chuẩn bị sanh con đầu lòng.** Những điều mà đôi vợ chồng sắp có con cần biết. Soạn giả : Ông Đào-Trình-Bính. Giá 20\$.

● **Khi người chết có mặt.** Tiểu-thuyết của Nguyễn-Ngu Í Tuổi-Xanh xuất bản. Giá 35\$.

● **Bút Hoa.** Tập Thơ cổ, của Cụ Phạm-Mạnh-Danh. Nhà in Phạm-văn-Sơn xuất bản. Có tiểu sử và chân-dung của Tác-giả. Tựa của Phạm-Quỳnh.

Sách in lần thứ ba. Có đủ loại Thơ cổ-diễn, Thơ cổ tập Kiếu, Thơ cổ tập truyện Nôm, Thơ Chữ Tập Cổ và các diễn-văn về tác-giả — Dày 200 trang. Giá bán 35\$.

★ **Những giòng nước trong.** Thơ của Hoàng-bảo-Việt. Tác-giả xuất bản. 82 trang. Loại đặc-biệt in trên giấy couché, không để giá bán.

● **Thần Tượng.** Thơ của Nhị-Thanh. Muôn hoa xuất bản. 65 trang, giá 33\$.

● **Chàng nô-lệ da vàng.** Thơ của Thiết-Tổ. Đại-nam Văn-hiến xuất bản. 42 trang, quây ronéo. Giá 60\$.

● **Giai phẩm Ngô-Quyền.** Xuân Quý-Mão 1963. Có những bài của Hoàng-hương-Trang, Nguyễn-xuân-Hoàng, Sơn-Thảo, Trần-văn-Vinh, v.v. không để giá bán.

● **Tình Thơ,** của Dương-thị-Đào, Đà-nẵng. Đánh máy trên giấy pelure — 30 trang, không để giá bán.

● Đặc san Xuân Chi-đoàn Nguyễn-Đình-Chiều Mỹ - Tho, Nguồn Sông, đặc san Xuân chi-đoàn Tông-phước-Hiệp, Vinh-Long, — Vui Xuân, đặc-san Xuân phòng Thương mãi Sài-gòn. Đặc-san Xuân Phòng thương-mãi Đà-nẵng.

Chúng tôi xin chân-thành cảm tạ các tác-giả và nhà các xuất bản.

★ **Le japon d'aujourd'hui,** của Bộ Ngoại-giao Nhật, do tòa Đại-sứ Nhật ở Sài-gòn tặng. Một tập tài liệu rất phong phú về nước Nhật hiện nay, rất nhiều tranh ảnh đẹp. Nghệ-thuật ăn uống tuyệt mỹ. Chúng tôi xin cảm ơn tòa Đại-sứ.

★ **Choix I** do Du-Tân trình bày, xuất bản ở Paris. Thi tuyển gồm mấy bài Thơ dịch ra Pháp-văn của các nhà Thơ Surayuki (Nhật) Ishikawa Takuboku (Nhật) Nguyễn Vỹ, Nguyễn-văn-Còn (Việt-nam) Kurt Kusenberg (Đức) và các nhà Thơ Pháp, Pierre Leghers, André Breton, Carole de Jade, v.v...

★ **Aggressions by China** (A peep into the History of Việt-nam)

Của ông Đỗ-vàng-Lý, Lãnh sự Việt-nam tại New Delhi (Ấn-độ). Nhà xuất bản Siddharta, 35 Faiz Bazar, Delhi. Viết bằng Anh-ngữ, nói về lịch-sử các cuộc xâm lăng của Trung-Hoa qua lãnh thổ Việt-nam. Dày 165 trang.

★ **Những cánh Hoa Đằm** của Quảng Huệ, Liên-Hoa nguyệt-san Huế, xuất bản.

Đây là « những cánh hoa đem sắc hương tô điểm cho Đạo pháp của Giáo-ly Phật-Đà, và là những cánh hoa quý giá, nở trên hai ngàn năm mà hương thơm vẫn ngào ngạt mãi đến mai au... ». Dày 90 trang.

LỜI NGƯỜC

Con bu i

Truyện dài trào-phúng xã-hội ★ NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P.T. 96)

THĂNG Ngọng giỏi thật, là nhờ nó có những đức tính nhẫn nại, hy-sinh, đề tìm cho ra sự thật và nguồn gốc của tất cả những việc xảy ra hằng ngày trong một tỉnh mà đời sống chính trị, xã-hội, tình-cảm, bị chi-phối bởi những điều-kiện hết sức phức-tạp.

Nhờ những cuộc điều-tra đích xác mà tự nó sắp đặt, không ai sai khiến, về các vụ « tai tiếng » lớn hay nhỏ xảy ra ở trong tỉnh, tôi được biết rõ tâm lý các nhân-vật và thực-trạng lịch-sử của hài-kịch xã-hội hiện-đại.

Thăng Ngọng không ngờ rằng chính nó đóng một vai trò quan

trọng nhất. Còn tôi chỉ là kẻ ngoại cuộc vô-tình được ghi-chép các biến-chuyển mà thôi.

Nhân-dân trong tỉnh, già, trẻ, gái, trai, đều nhiệt-liệt tham-gia mọi sự cố gắng xây dựng một đời sống mới tự-do, hạnh-phúc. Trừ một thiểu số phong-kiến, hách-dịch mà lại hèn nhát, sợ-sệt, dua-nịnh; đã thế mà còn ngoan-cổ, đui mù, còn thì hầu hết đồng bào các lớp, các giới đều mong muốn được đem tất cả thiện chí và khả-năng vào cuộc trùng-hưng chung của thế-hệ đang vươn lên. Nếu tất cả đều có thành-tâm thiện-chí thì tốt đẹp biết bao! nhiều, nhưng ngặt vì một số người kém tác phong

LỜI NGƯỜC

đạo-đức, và thiếu hẳn kinh-nghiệm dân-chủ, nên mới có những vụ lộn-xộn gây ra tai tiếng làm xáo-trộn trật-tự tinh-thần của tỉnh-thể.

Hai bà « phu-nhân » đã gây ra nhiều tấn kịch khôi-hài nhất. Dân chúng trong tỉnh đều biết rõ cả mà không một ai dám nói gì — chỉ trừ ra thằng Ngọng — cho nên tấn kịch lịch-sử xã-hội lại càng khôi-hài thêm.

Cái đêm trời mưa mà thằng Ngọng ngồi trên ngọn cây nhãn trước sân ông Lớn để chứng kiến vụ ông Lớn bà Lớn lấy giấy và guốc đập đầu lẫn nhau, cả thành phố đều ngủ, thế mà sáng hôm sau, cả thành phố đều biết. Chính thằng Ngọng đi phao cái tin ấy, chứ không ai.

Dư luận bàn tán xôn-xao, vui-vẻ. Ngay trong văn-phòng ông Lớn, các cán-bộ và các nhân viên cao-cấp cũng nói xầm-xì với nhau về chuyện ấy, và cười khúc-khích. Khi ông Lớn với nét mặt nghiêm-trang oai-vệ trong xe Huế - kỳ bước xuống, vào phòng làm việc, mọi người đều im lặng, và nghiêm chỉnh đứng dậy chào.

Hôm ấy Văn-phòng hơi rộn-rịp

hơn mọi khi, vì người ta sửa soạn tiếp một phái-đoàn Văn-hóa quốc-tế đến thăm các trường-học trong tỉnh. Theo chương trình thì 10 giờ phái-đoàn đến, gồm mười hai phái-viên ngoại-quốc, và bảy nhân-viên Việt-Nam, tất là giáo-sư cao-cấp do Bộ trưởng hướng dẫn.

Cuộc viếng thăm sẽ kéo dài đến 1 giờ trưa rồi phái-đoàn sẽ dự buổi cơm trưa tại dinh ông Lớn.

Sáng nay ông Lớn đến văn-phòng với nét mặt râu-rì l-ôi. Ông gọi ông Chánh văn-phòng vào, bảo :

— Ông làm ơn sai nhân-viên đến tư dinh của tôi để sửa-soạn cuộc đón tiếp phái-đoàn quốc-tế dùng cơm 1 giờ trưa, theo đúng trong chương trình.

— Dạ.

Câu chuyện vừa đến đây, thì có điện-thoại reo. Ông Lớn cầm máy lên nghe, tiếng đàn-bà :

— Tôi bảo cho ông biết rằng trưa hôm nay tôi không bằng lòng tiếp khách ăn cơm.

Ông Lớn, nét mặt biến hẳn lộ vẻ căm hờn, nhưng cố gắng điệu giọng :

— Em nên nhớ rằng hôm nay anh phải tiếp phái-đoàn văn-

hóa quốc-tế... có ông Bộ-trưởng

Tiếng bà Lớn đáp :

— Quốc-tế quốc-tung gì mặc kệ ông. Ông mời họ đi ăn ở đâu thì đi, chứ tôi không tiếp ở nhà.

Bà Lớn chỉ nói có bấy nhiêu rồi cúp máy. Ông Lớn nghe tiếng u-u bên tai, đặt máy xuống, ngồi làm thinh. Mồ hôi đổ hột trên trán ông. Ông Chánh văn phòng cũng im lặng, chờ mệnh lệnh.

Ông Lớn bảo :

— Phu-nhân nhà tôi không muốn tiếp phái đoàn dùng cơm trưa... Hay là thế này, ông Chánh đi ngay về Dinh tôi bây giờ nhé, năn-nỉ với nhà-tôi, để nhà-tôi vui-vẻ sửa soạn việc tiếp đãi. Nếu không thì nguy lắm. Chẳng lẽ tiếp họ ở Hội trường?

— Dạ. Trong chương trình...

Phải trong chương trình...

Ông đi ngay bây giờ nhé. Phu-Nhân nhà-tôi có nói gì thì ông liệu mà dàn xếp cho êm.

Ông Chánh Văn phòng đến năn-nỉ với bà Lớn, viện lý-do quốc-gia và quốc-tế để xin Bà Lớn Phu-Nhân gác bỏ việc riêng trong gia-đình để lo tiếp rước Phái-đoàn. Bà Lớn sẽ chủ tọa

buổi tiệc trưa, và cuộc tiếp rước phải được long trọng, nếu không thì sẽ bị Thượng-Cấp v.v. và v.v.

Bà Lớn trả lời :

— Quý ông muốn làm gì thì làm, chứ nhà-tôi không có đủ người để lo công việc ấy.

— Dạ thưa bà Lớn, chúng-tôi sẽ cho người đến lo tất cả mọi việc, không dám làm rộn bà Lớn.

— Thì tùy ý quý ông.

Ông Chánh cảm tạ bà Lớn Phu-nhân rồi trở về sở để trình bày lại ông Lớn. Sự thực, sự sắp đặt tiếp phái đoàn dùng cơm ở Dinh ông Lớn không có gì phiền phức. Treo cờ và trang trí phòng ăn thì theo thường lệ đã có các nhân viên phụ-trách. Việc dọn tiệc cũng theo thường lệ đã giao phó cho một nhà hàng lớn nhất trong tỉnh đảm đương. Đặc biệt hôm nay tại Bà Lớn Phu-nhân gây chuyện lộn xộn với ông Lớn, nên có sự rắc-rối, nhưng bây giờ thì mọi việc đều được êm xuôi cả. Ông Lớn yên tâm chờ phái đoàn Văn-hóa quốc-tế đến 9 giờ theo đúng chương trình.

Phái-đoàn đến trễ nửa giờ, và được đón tiếp rất nồng hậu. Học trò gái, trai, được sắp hàng

trước các sân trường để hoan-hô Phái-đoàn. Cũng có binh lính bồng súng thổi kèn chào. Có đủ các cấp quân-dân-chính tham-dự cuộc đón tiếp.

Riêng cái thằng tôi này, vì có dạy vài giờ Việt-văn tại một trường tư lớn nhất trong tỉnh, nên hôm ấy cũng được vinh-dự đến túc-trực tại trường cùng với toàn thể ban giáo-sư để đón tiếp Phái-đoàn Văn-hóa quốc-tế. Theo đúng chương trình, thì 12 giờ 30, phái-đoàn sẽ có nhà-ý ghé đến viếng trường chúng-tôi, nhưng theo lệnh của ông Hiệu-trưởng, chúng-tôi đã có mặt ở đây từ 8 giờ sáng, mặc dầu hôm ấy tôi không có giờ dạy. Tôi cũng nôn-nao như mọi người khi nghe tiếng kèn chào Phái-đoàn và ông Bộ-Trưởng đã đến. Chúng-tôi hồi-hộp chờ được vinh-dự đón tiếp sau cùng. Nhưng gần 11 giờ, bỗng dưng tôi thấy thằng Ngọng từ đường Lý-thái-Tổ chạy băng qua trước cổng trường của chúng-tôi hôm ấy được kết lá, kết hoa, cắm cờ, thật là đẹp đẽ vui vẻ.

Thấy bóng dáng thằng Ngọng, tôi đoán biết là có việc gì quan trọng đây, tôi liền bước ra cổng để hỏi nó :

— Con đến tìm cậu có việc chi?

— Cậu ơi, Bà-Nớn đập đồ hết bàn tiệc thế nà thế nào?

— Thế nào? Bà Lớn đập đồ bàn tiệc nào?

— Người ta đang dọn ný tách, trên bàn tiệc ở phòng khách Dinh ông Nớn, thì Bà Nớn ở trong phòng ngủ đi ra, cầm khăn bàn hất tất cả xuống đất thế nà thế nào! Nào nà bình bông, nọ họa, nào nà ný tách, đĩa, đều nặn cù xuống đất, bề rồn rảng hết thế nà thế nào!

— Thật à?

— Dạ thật, cậu ơi! Con thấy thế con mới chạy tới nói cho cậu biết. Thế nà thế nào.

— Chắc là do cái vụ Bà Lớn tức giận ông Lớn khi hôm đấy.

— Khi hôm bà Nớn đã cầm guốc đánh nên đầu ông Nớn rồi, thế nà thế nào. Sáng nay, bà Nớn nại đập đồ hết bàn tiệc, rồi chút nữa nảm sao ông Nớn tiếp phái đoàn quốc-tế, thế nà thế nào?

Tôi cũng đành chịu, biết trả lời cách nào cho Thằng Ngọng? Tôi chỉ lắc đầu bảo :

— Ừ, kệ cũng phiền nhi...

— Thôi con đi xem nữa, cậu nhé. Xem chút nữa bà Nớn với ông Nớn tiếp ông Bộ-trưởng với phái đoàn quốc-tế, thế nà thế nào.

(còn nữa)



✱ **Hội Sinh Viên Việt Nam tại Nhật Bản.**

(862, Komaba-cho, Meguro-ku, TOKYO.)

Chúng tôi rất lây làm hân-hạnh báo tin đề Ông rõ, chiều biên bản buổi Đại-Hội của Hội Sinh-Viên Việt-Nam tổ chức tại Hội-quán Sinh-Viên Quốc-Tê tại Đông-Kinh vào ngày 23 tháng 1 năm 1963, một ban chấp-hành mới với thành phần dưới đây đã được bầu ra cho nhiệm-kỳ tháng 12-1962 đến tháng 6 1963 để thay thế nhiệm-kỳ trước vừa mãn.

Hội-Trưởng : NGUYỄN-BÁ-THUẬN
 Tổng-thư-Ký : ĐINH-VĂN-PHƯỚC
 Trưởng-ban Tài-chính : NGUYỄN-AN-TRUNG
 Trưởng-ban Văn-Hóa : BÙI-MẠNH-ĐỨC
 Trưởng-ban Xã-Hội và Thể-Thao : VÕ-VĂN-NHUẬN

✱ **Belsunce là ai ?**

(của ông Cao-hữu-Tạ, Marseille)

... Thành-phố Marseille có một con đường lớn tên là Belsunce. Tôi hỏi nhiều người bản xứ ở đây Belsunce là ai ? Có công trạng gì mà lại có tên đặt đường phố ? Nhưng ngay người Pháp ở đây cũng không ai biết rõ. Nhóm bạn tôi và tôi nghĩ rằng có lẽ « chị Diệu Huyền » biết. Nếu chị vui lòng chỉ giáo thì thật là vinh hạnh cho chúng tôi. Vậy xin nhờ « Chị » (Anh) làm ơn chỉ bảo cho. Năm mới chúng tôi xin chúc Anh (Chị) một năm đầy hạnh phúc.

● **Đáp :** Monseigneur Belsunce là một vị giám-mục ở Marseille.

Năm 1720 — 1721 thành phố này bị bệnh dịch truyền nhiễm giết chết trên một nửa dân số. Cha Belsunce hy-sinh tất cả tài sản và tài sản để cứu vớt một nửa dân số còn sống sót. Thành phố đặt tên Cha để ghi ơn.

✱ **Phổ - Thông xuân**

(của bà Lệ-Mai, Seine-et-Oise, Pháp)

...Báo bên nhà do Tòa Đại-sứ V.N. phát cho không ở Paris

thieu gì, nhưng sự thật không ai đọc. Chúng tôi ít khi mở những tờ báo ấy ra nữa. Vậy mà *Phổ-Thông* gửi qua báo 1.20 N.F chúng tôi lại tìm đi mua. Rất tiếc là lần này chúng tôi đến trễ nên số *Phổ-Thông Xuân* ở tiệm L.H. không còn. Chúng tôi phải mượn lại một người bạn số báo mà người ta đã chuyển tay nhau coi đã cũ nát. Vậy xin ông gửi thêm *Phổ-Thông Xuân* và các số kế tiếp thì chúng tôi mới có một tập báo có giá trị ở bên nhà để xem. Nhân dịp đầu năm, xin thân kính chúc ông cùng quý tòa soạn rất nhiều sức khoẻ đề nâng cao văn-hóa Việt-Nam lên ngang hàng với quốc-tê.

✱ **Văn-Bằng tốt nghiệp trường Nông Lâm**

(của Sinh viên khóa III)

Kính gửi ông Bộ-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục.
 Kính gửi ông Bộ-Trưởng Bộ Cải-Tiên Nông-Thôn
 SAI-GON

Kính thưa quý vị,

Chúng tôi toàn-thể sinh-viên Nông — Lâm — Mục khóa III trường Canh-Nông Huế và khóa IV trường Canh-Nông Cán-Thơ ; kính dâng lên quý vị ý-kiến mà chúng tôi tin tưởng quý vị không nỡ không đoái-trởng đến.

Thưa quý vị Bộ-Trưởng,

Văn-đề giao-dục tại các trường Quốc-Gia Nông-Lâm-Mục Bảo-lộc, Canh Nông Huế và Cán-thơ được chuyển từ Bộ Cải-Tiên Nông-Thôn sang Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục thật là một vinh-dự cho chúng tôi ; vinh-dự được quý vị lưu tâm đến việc dạy-dỗ chúng tôi về văn-hóa và chuyên-môn.

Ngót bao mùa lá rụng, chúng tôi đã ra sức chèo chông một con thuyền ngược giòng, chúng tôi đã ra sức chèo chông một con thuyền ngược giòng, chúng tôi đã bỏ công vun trồng cái giòng cây mà quý vị giao-phó — cái giòng cây rẽ thật đáng — ấy là bổn-phận kẻ đi học.

Người trồng cây mong gặt những hoa ngọt trái lành, thì chúng tôi học chuyên-môn cũng ước đạt những ân-huệ xứng-đáng sao cho khỏi mang tiếng là phí-phạm tuổi xuân.

Kính thưa quý vị, xem lại điều kiện dự thi cộng ời-thời-gian theo học và chương-trình chúng tôi đã học, văn bằng tốt-nghiệp của chúng tôi không chính-thức tương đương (hay chỉ tương-đương một khía cạnh về quân-dịch) với bằng Trung-học Đệ-Nhất-cấp thì thật là bất-công.

Vậy hiện giờ chưa muộn, chúng tôi mong nhờ ở đức mô-phạm, lượng công-bình của quý-vị.

Toàn thể sinh-viên khóa III
Trường Canh Nông Huế và khóa
IV Trường Canh-Nông Cần-Thơ.

★ **Một nước Diệt-Nam Dinh-quang và thịnh-Dương**

(của Ô. Vô-Dinh-L... KBC. 4061)

... Chúng tôi thường nghe hằng ngày đài tiếng nói Sài Gòn có những Xương-Ngôn-Viên nói tiếng miền Nam nên gặp những chữ « V » mà lại đọc là « D ». Như vừa rồi chúng tôi nghe : « Ngày nay nhân-dân « D » iệt-Nam đang tích cực Xây dựng A.C.L để tiêu-diệt bọn Diệt-Cộng phá hoại xóm làng, ngõ hẻm xây dựng một nước « D » iệt-Nam « D » ỉnh quang và Thịnh. « D » ượng ! v, v... Tiếng địa-phương ở miền nào cũng có đôi cái sai lầm, nhưng nói trên đài phát thanh mà như thế, « thế nà thế nào » ?

★ **Thi trượt, muốn tự-tử**

(của cậu Nguyễn-Thêm, Hoàng-Diệu Đà-nẵng)

... Tôi là 1 học sinh hiện đang học lớp đệ tam tại Đà-Nẵng, muốn nhờ chị giải đáp giúp tôi 1 việc :

Trong hai lần thi Trung Học vừa qua tôi đều trượt cả, mặc dầu tôi đã dày công trong công việc học tập, tôi đã định tự tử nhiều lần nhưng việc không thành. Bây giờ tôi đang cố gắng để tháng 4 tới đây tôi sẽ thi lại và nếu trong kỳ thi tới này tôi trượt nữa thì tôi có nên tìm cách để tự tử không ?

Mong chị Diệu-Huyền chỉ giáo giúp, vì đó là một việc rất quan-hệ trong đời tôi, và chỉ có một mình chị Diệu-Huyền là có uy-tín để khuyên bảo tôi.

Rất mong lời chị giải-đáp, và xin cảm ơn chị.

● **Đáp.**— Bạn cô học, thế nào sang năm cũng sẽ thi đậu. Nếu thi Trung-học không đậu, thì cậu xoay sang học nghề, chắc chắn sẽ thành công. Tự-tử là một hành-vi hèn nhát, đừng thêm nghĩ tới.

TÌM VIỆC LÀM

Thiếu nữ học-lực đệ-tứ, tìm việc làm thư ký, bán hàng, kèm trẻ em trong gia đình, lớp mẫu giáo. Xin hỏi cô NGUYỄN-THỊ-HƯƠNG.
458/2, Lý-thái-Tổ — Saigon

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ **Xin nhắc quý bạn nhớ :**

— Bản thảo không đăng, không có lệ trả lại, (bất cứ loại bài nào).

— Xin đừng gửi tem kèm theo đề yêu cầu trả lời bằng thư riêng.

★ **Bạn Mạc-Phong Komtum, và bạn Chiêu-thương-Hoa, Kiến-Tường.**

Đã nhận được thư và thơ, và đã trao lại bạn Phương Đài.

★ **Bạn T. Long, Hòa-Thuận.**

Tất cả những số báo cũ bạn hỏi, có thể tính 6\$ một cuốn. Bạn có thể gửi mua bằng tem bưu điện.

★ **Em Hương, Quế Sơn.**

Chị có nhận được « *Thiên Linh chuỗi* » của em gửi đến chị. Đề trả lời tất cả những câu hỏi thắc-mắc của em, chị đã xé tờ « *Thiên Linh chuỗi* » ấy và bỏ vào giỏ rác chứ không chép ra 13 bản gửi cho ai cả theo như lời căn dặn trong tờ giấy ấy. Nếu sẽ không có tai nạn gì xảy đến cho chị thì « *Thiên-Linh chuỗi* » không linh-thiên vậy.

★ **Các bạn « Nhóm H.S » Quảng-ngãi.**

Xin xem lại những bài về Yoga trong các số báo trước, đã nói rất kỹ và đã đáp lại tất cả những gì các bạn muốn biết.

★ **Bạn Dzi-Anh, Quảng Trị.**

Xin cho biết đúng địa-chỉ để chúng tôi gửi tặng bạn quyền báo 91 khác, không bị đóng lộn trang.

★ **Bạn Chen-Ju-H, Đà-nẵng**

Ngày sinh của bạn, 30-7. Giáp Tuất là ngày 8-9-1934

★ **Cụ Lê-Châu, xã Phước-Long, Bình-Định**

Thưa Cụ, chúng tôi rất tiếc không thể giúp cụ việc ấy được vì ở ngoài phạm-vi chúng tôi.

* **Bạn Thiện Tâm, Huế.** Bạn không tán thành cuộc hôn nhân ấy thì cứ thành thật thưa rõ với mẹ.
5-7-45 = 26-5 ất-dậu. 28-4-39 = 9-3 - Kỷ-Mão.

* **Bạn Đoàn-Ngọc, Đà-Nẵng.**
15-2 - Ất-Hợi = 19-3-1935, 10-11-1943 = 13-10 - Quý-Mùi

* **Bạn Ng. Thanh-Huân Cần-Thơ.**
15-5 ất-Dậu = 24-6-1945

* **Bạn Thanh Lan, Saigon.**

Các phương pháp chữa chứng cận-thị, như bạn hỏi trong thư, mới chỉ là những thí-nghiệm sơ-khởi của vài nhà bác học Mỹ và Nhật, chưa áp-dụng được. Muốn đi Nhật cần phải được chính phủ cho phép đã đành mà còn phải có sự ưng-thuận của chính phủ Nhật nữa.

* **Bạn Thanh-Chất, Giáo viên Quảng-Trị**

10-8 — Mậu-thân = 5-9-1908

12-10 — Kỷ-tỵ = 12-11-1929

2-11 — Canh-ngọ = 21-12-1930

19-5 — Quý-dậu = 11-6-1933

13-7 — Kỷ-mão = 27-8-1939

27-2 — Quý-mùi = 1-4-1943

25-5 — Tân-tỵ = 19-6-1941

* **Bà Trần-Kim-Anh, Nha-Trang**

Kính dùng để xem Tinh-Tú (Téléscope) gồm nhiều máy móc do các nhà chuyên môn chế ra, chứ chúng ta không thể mua kính và tự làm được.

* **Bạn Ng. v. Mười (Mỹ-tho)**

« Anh thương cô nàng như là đài-bi,

« Ngày thì giải nắng, đêm thì dâm sương ».

Đài-bi : đài-bia, Tầm bia dựng ngoài trời.

* **Xin thành thực cảm ơn thư các bạn :** Gzao-Duyên (Đà-nẵng), Lê-thị-Dạ-Hương (Huê) Diêu-Mềm (Saigon), Thiển-Tâm (Huê), Hồng-Điều (Saigon), Paul Phước (Dijon), Lê-Hải (Paris), Trần-văn-Tịnh (Mỹ-tho), Phùng-Lê-Ánh (Manille), Đào Thanh Khiết (Manille), Hồng-Vân và Tuyết-Vân (Huê), Hạnh-Thu (Saigon), Thu-Nga (Saigon).

PHỤ - TRƯỞNG ANH - PHÁP - HOA

* EN FRANÇAIS

SUPPLÉMENT

* IN ENGLISH

* IN CHINESE

REVUE PHỔ - THÔNG
PHỔ - THÔNG REVIEW



VIETNAMESE TALES

Mr Đỗ vạng Lý, at present Consul General of the Republic of Vietnam at New Delhi, is a delightful writer in English. His interesting book about Vietnamese Folklore, — The Stork and the Shrimp, (Siddharta Publications, Delhi), shows the « Sounds and Smells » of ancient Vietnam, « Men, women, gods, birds and flowers ». M. Đỗ vạng Lý is widely known in Europe and mostly in America where he spent a long time for research in Political Sciences.

We deem it a pleasure to select and present to our dear readers, in the present and following issues, some of his tales which will be certainly appreciated.

● NGUYỄN-VỸ

普通雜誌
法文刊